

Số: 292 /VTDK-KHĐT

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam -
Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Tên công ty: Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa
Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duyên Hiếu

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.28) 39111301 Fax: (84.28) 39111300

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu
 Bất thường Định kỳ

Căn cứ quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán”, Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) xin trân trọng thông báo nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT, BKS TCT (để báo cáo);
- Lưu VT, KHĐT.

Tp. HCM, ngày 12 tháng 09 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duyên Hiếu

NGHI QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/4/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua những nội dung sau:

- 1) Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị (*Phụ lục 1*).
- 2) Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát (*Phụ lục 2*).
- 3) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (*Phụ lục 3*).
- 4) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 (*Phụ lục 4*).
- 5) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 (*Phụ lục 5*).
- 6) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm 2021-2025 (*Phụ lục 6*).
- 7) Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2022 (*Phụ lục 7*).
- 8) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch thù lao năm 2023 (*Phụ lục 8*).
- 9) Việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (*Phụ lục 9*).
- 10) Việc miễn nhiệm và bầu cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028
 - Miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên đối với ông Kim Kwang Hyuk do có đơn từ nhiệm.



- Bầu bà Ngô Thị Thu Linh giữ chức Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023 -2028.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí giao cho Hội đồng Quản trị sửa đổi điều lệ Tổng công ty liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ của Tổng công ty sau khi hoàn tất phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty cổ phần Vận tải dầu khí năm 2023 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cổ đông PVTrans
- Các TV HĐQT
- Ban KS, Ban TGD
- Lưu VT, HĐQT V(5b)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



Phạm Việt Anh



PHỤ LỤC 01

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Báo cáo hoạt động năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Các thành viên Hội đồng quản trị

➤ Hội đồng quản trị (HĐQT) hiện tại của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí bao gồm 07 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Duyên Hiếu - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3. Bà Nguyễn Linh Giang - Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên HĐQT
5. Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên HĐQT
6. Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên HĐQT độc lập
7. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên HĐQT độc lập

➤ Trong năm 2022 có sự thay đổi về thành viên HĐQT, cụ thể:

- Ngày 30/6/2022 ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua việc miễn nhiệm/bổ nhiệm thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Miễn nhiệm thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ 2017- 2022:

1. Ông Phạm Anh Tuấn
2. Ông Phạm Việt Anh
3. Ông Lê Mạnh Tuấn

+ Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 -2027:

1. Ông Phạm Việt Anh
2. Ông Nguyễn Đình Thanh
3. Ông Hoàng Đức Chính
4. Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên HĐQT độc lập
5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thành viên HĐQT độc lập

➤ Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động theo Điều lệ Tổng công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế khác của Tổng công ty.

2. Hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Năm 2022, mặc dù nền kinh tế từng bước phục hồi sau đại dịch Covid-19, kéo theo

sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu phục vụ SXKD và vận chuyển. Tuy nhiên, cuộc xung đột chính trị Nga – Ukraine diễn ra dẫn đến nền kinh tế toàn cầu đối mặt nhiều bất ổn, dẫn đến các hệ lụy như tăng trưởng kinh tế giảm sút, lạm phát tăng cao, điều kiện tài chính thắt chặt và làn sóng tăng lãi suất, nguy cơ suy thoái kinh tế ngày rõ nét, gây áp lực lên nhu cầu tiêu dùng.

Trước tình hình đó, HĐQT Tổng công ty đã phát huy triệt để vai trò của mình trong việc định hướng chiến lược, lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch XSKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, kịp thời ban hành nhiều chủ trương, các giải pháp linh hoạt, đồng bộ, chỉ đạo quyết liệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động SXKD như chiến lược phát triển và đầu tư, công tác quản trị, quản lý vốn, công tác nhân sự để đạt mục tiêu khai thác tối đa lợi thế, tận dụng các cơ hội để duy trì và nâng cao mức độ tăng trưởng của Tổng công ty trong những năm gần đây.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, Tổng công ty PVTrans đạt được những kết quả sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản, cụ thể như sau:

+ Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất đạt **9.577 tỷ đồng**, tương đương 147% kế hoạch năm.

+ Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **1.457 tỷ đồng**, tương đương 243% kế hoạch năm.

+ Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước hợp nhất đạt **521 tỷ đồng**, tương đương 213% kế hoạch năm.

- Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, vị thế và uy tín của PVTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển được duy trì và củng cố trong năm 2022: PVTrans tiếp tục được vinh danh lần thứ 3 ở hạng mục giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á” (Corporate Excellence Award), tiếp tục nằm trong Top 200 các doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất và doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 (theo Vietnam Report). PVTrans cũng thu hút sự quan tâm và nhận được sự đánh giá cao của nhà đầu tư nhờ kết quả SXKD tích cực và triển vọng tăng trưởng từ việc mở rộng quy mô, phát triển đội tàu. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu PVT tăng giá và duy trì tính thanh khoản cao, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và uy tín của doanh nghiệp.

- Công tác quản lý/quản trị: Năm 2022 có nhiều sự thay đổi về nhân sự và cơ cấu thành viên, HĐQT có 7 thành viên bao gồm 2 thành viên HĐQT độc lập là các thành viên mới. Vì vậy, việc thiết lập cơ chế hoạt động nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động đúng nguyên tắc, quy chế làm việc, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ vai trò của HĐQT, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân TV HĐQT, sức mạnh tập thể được HĐQT hết sức chú trọng. Công tác kiểm tra/ giám sát nhằm rà soát, chấn chỉnh công tác điều hành tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên luôn được HĐQT Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sâu sát, triệt để, trong đó bao gồm việc rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, quy chế trong quản lý quản trị, tài chính kế toán, đầu tư, thương mại, tổ chức nhân sự, việc tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm toán nội bộ để phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém trong hoạt động SXKD, không tạo kẽ hở trong quản lý và nâng cao hiệu quả quản trị trong Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Từng bước xây dựng hệ thống quản lý và đẩy mạnh việc sắp xếp, đào tạo, luân chuyển, kiện toàn bổ sung các cán bộ chủ chốt có

năng lực cho Tổng công ty. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn cho tàu, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, cung cấp vật tư và dịch vụ cần thiết nhằm đảm bảo cho các tàu hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm. Trong năm 2022, HĐQT cũng đã tổ chức hội nghị về công tác quản lý vốn, sửa đổi và ban hành quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; sửa đổi và ban hành quy chế kiểm toán nội bộ cho phù hợp với thông tư của Bộ Tài Chính và đặc thù của PVTrans.

- Công tác xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty và các ĐVTV được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong năm 2022. HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề nhằm cập nhật thông tin, những dự báo về xu hướng thị trường từ đó đưa ra những định hướng chiến lược phù hợp để phát huy những điểm mạnh, lợi thế của từng đơn vị để hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty nói chung và các ĐVTV nói riêng. HĐQT cũng đã hoàn tất cập nhật Kế hoạch 5 năm 2020-2025 và định hướng đến 2035 của PVTrans. Chủ trì họp để rà soát định hướng tái cấu trúc và kế hoạch 5 năm cho các đơn vị thành viên.

- Công tác cán bộ được HĐQT xác định đóng vai trò then chốt nhằm thực hiện thành công định hướng, chiến lược phát triển của Tổng công ty. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của công tác cán bộ được quán triệt triệt để đến tập thể cán bộ lãnh đạo, đặc biệt người đứng đầu các cấp. HĐQT đã tổ chức hội thảo, ban nghị quyết về giải pháp đột phá trong công tác cán bộ bao gồm việc khẩn trương xây dựng cơ chế để chủ động nguồn nhân lực thuyền viên đạt chất lượng cho đội tàu của toàn Tổng công ty, tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo cán bộ; tăng định biên tuyển dụng nhân sự (bao gồm cả chức danh quản lý) tại các phòng ban, đơn vị để có dự địa cho việc đào tạo, phát triển nguồn cán bộ; Ưu tiên tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, có tố chất tốt; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trong đó việc đánh giá cán bộ phải đảm bảo thông qua kết quả công việc, bằng sản phẩm cụ thể trong đó việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ ở từng cấp từ Tổng công ty và các đơn vị thành viên là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo/quản lý.

- Công tác đầu tư tàu: Trong bối cảnh giá dầu biến động liên tục do ảnh hưởng của những bất ổn về chính trị, kinh tế trên toàn cầu kéo theo giá mua bán tàu liên tục tăng đột biến, HĐQT đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo TGD nắm bắt thị trường, nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án theo kế hoạch 2022 đã được phê duyệt. Tuy nhiên, trong năm 2022 vì các lý do khách quan và chủ quan, toàn Tổng công ty chỉ đầu tư được 4 tàu trong tổng số 23 tàu cần đầu tư theo kế hoạch, công ty mẹ chưa triển khai được dự án nào trong kế hoạch đầu tư.

- Công tác tăng vốn điều lệ từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Hội đồng quản trị đã và đang chỉ đạo Ban điều hành làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục tăng vốn theo phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022, dự kiến hoàn thành trong Quý II-III/2023.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm, đa số các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tuân thủ quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt

động của PVTrans, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công, cụ thể như sau:

1) Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò Chủ tịch HĐQT, thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Điều hành hoạt động của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Chủ động, linh hoạt xây dựng phương thức hoạt động của HĐQT tạo được sự tập trung, nhất quán trong HĐQT đồng thời phát huy năng lực, thế mạnh của từng thành viên HĐQT.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2) Ông Nguyễn Duyên Hiếu- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

+ Có nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

+ Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3) Bà Nguyễn Linh Giang – Thành viên HĐQT

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT chuyên trách, thực hiện tốt các công việc theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4) Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5) Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động thực hiện tốt vai trò thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

6) Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT độc lập.

7) Bà Nguyễn Thị Thu Hường - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2022, cụ thể như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 15.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2022 là **318.000.000 đồng**.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách (03 người, trong đó 01 thành viên đảm nhiệm chức vụ 06 tháng) là **3.711.173.809 đồng** và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là **923.526.088 đồng** (Chi tiết được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên).

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2022 là 443.584.100 đồng (bao gồm các Công tác phí, chi phí vé máy bay, khách sạn, ... và các chi phí khác).

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

HĐQT nhận định năm 2022 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới, trong đó bao gồm những hệ lụy từ dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng từ cuộc chiến tranh Nga – Ucraina. Do đó, bên cạnh vai trò định hướng chiến lược, quản trị rủi ro vẫn là nhiệm vụ chính của HĐQT thì việc tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD của Tổng công ty luôn được chú trọng.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành.

HĐQT đã tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát thông qua một số hoạt động chính như sau:

- Phân công công việc cho các thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực và đơn vị cụ thể. Với các lĩnh vực và đơn vị được phân công, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính, thay mặt HĐQT giám sát, đôn đốc, hoạt động của Bộ máy điều hành, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở TGD báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, chỉ đạo/ kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở TGD thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng các quy chế/quy định của Tổng công ty;

- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư, tăng vốn tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát viên của Tổng công ty tại các đơn vị.

6. Các quyết định của HĐQT năm 2022

Trong năm 2022 HĐQT đã tiến hành 78 cuộc họp dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HĐQT đã ban hành 115 Nghị quyết và 67 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty, phê duyệt các dự án đầu tư mua tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tăng vốn tại một số đơn vị thành viên, sửa đổi bổ sung các quy chế quản trị nội bộ ... để chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên đó; Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán.

8. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

❖ Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2022 HĐQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Tổng công ty.
- HĐQT đã rất tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo, Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ 2022 đề ra,
- HĐQT đã rất chú trọng các hoạt động nhằm xây dựng và củng cố nâng cao hiệu quả công tác quản trị để duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, khẳng định uy tín của PVTrans trên thị trường vận tải.
- Công tác kiểm tra, giám sát được HĐQT hết sức chú trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện không để xảy ra những hệ quả tiêu cực đối với kết quả SXKD của Tổng công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2023:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.916,2	3.916,2
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.800,0	2.550,0

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	680,0	430,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	538,0	373,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	296,0	170,0

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của HĐQT

➤ Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Tổ chức khai thác tàu phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu đầu thô đầu vào, sản phẩm dầu và khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn và các đối tác khác.

- Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu của PVTrans trên các tuyến quốc tế.

- Củng cố, nâng cao năng lực quản lý tàu, tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, có kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng hợp lý nhằm hạn chế thời gian dừng tàu vì yếu tố kỹ thuật và do dịch bệnh. Tổ chức sửa chữa định kỳ các tàu trong thời gian và ngân sách phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu khai thác. Quản lý chặt chẽ chi phí sửa chữa, hoàn thiện và rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là các định mức về tiêu thụ nhiên liệu, vật tư, chi phí sửa chữa nhằm tăng cường tiết giảm chi phí.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác và các dịch vụ khác liên quan đến FSO;

- Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

➤ Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kịch bản và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường bằng các nguồn lực hiện có, bám sát chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện trong bối cảnh bối cảnh bất ổn chính trị và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu.

➤ Công tác đầu tư được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD hàng năm cũng như chiến lược phát triển ổn định, bền vững hàng năm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện vốn các đơn vị thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thị trường để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư, đảm bảo việc triển khai các công tác đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty từ việc phê duyệt dự án, triển khai đầu tư, kiểm soát tiến độ dự án đảm bảo hiệu quả đầu tư.

➤ Nỗ lực nâng cao công tác quản trị, đặc biệt quản lý chi phí thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty.

➤ Triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty phù hợp với tình hình mới, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để, tái

cấu trúc đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

➤ Tăng cường các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

➤ Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong Tổng công ty. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2022, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của PVTrans và không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

PHỤ LỤC 02

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2022 và giám sát tình hình hoạt động thực tế tại PVTrans, báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát đã có các báo cáo giám sát hàng quý và thực hiện Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, theo năm. Trong năm 2022, tình hình tài chính của PVTrans được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Với sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Tổng công ty PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể:

a. Thực hiện kế hoạch hợp nhất Tổng công ty năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	6.500	9.577	147%
2	Lợi nhuận trước thuế	600	1.457	243%
3	Lợi nhuận sau thuế	480	1.156	241%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245	521	213%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	19%	45%	237%

Năm 2022, toàn Tổng công ty PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 9.577 tỷ đồng, tương đương 147% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.457 tỷ đồng, tương đương 243% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.156 tỷ đồng, tương đương 241% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 521 tỷ đồng, tương đương 213% kế hoạch năm.

b. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	2.450	3.477	142%



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
2	Lợi nhuận trước thuế	400	631	158%
3	Lợi nhuận sau thuế	325	522	161%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	150	239	159%

Công ty mẹ PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 3.477 tỷ đồng, tương đương 142% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 631 tỷ đồng, tương đương 158% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế đạt 522 tỷ đồng, tương đương 161% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 239 tỷ đồng, tương đương 159% kế hoạch năm.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của các ĐVTV

Công ty mẹ PVTrans cũng đã quyết liệt chỉ đạo các ĐVTV tích cực, chủ động trong công tác đầu tư, tranh thủ thị trường thuận lợi, triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, hoạt động hiệu quả, ổn định và đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng cao, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công ty	Năm 2021		Thực hiện năm 2022		% So sánh	
		Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT
1	PVTrans Pacific	1.244.003	241.288	1.489.399	276.851	120%	115%
2	Phuong Nam	978.606	7.690	1.083.561	71.058	111%	924%
3	PVT Logistics	824.217	30.438	972.995	157.642	118%	518%
4	Gas Shipping	1.631.605	70.311	1.844.793	101.886	113%	145%
5	Nhật Việt Trans	1.334.583	140.240	1.736.463	167.093	130%	119%
6	Hàng hải Thăng Long	225.537	1.706	348.722	20.072	155%	1176%
7	PVTrans Hà Nội	335.373	43.643	534.038	123.071	159%	282%
8	PVTrans PTT	176.532	4.572	240.611	6.139	136%	134%
9	PVTrans Quảng Ngãi	182.925	4.568	198.364	4.220	108%	92%
10	PVTrans OFS	844.755	66.045	815.759	53.983	97%	82%
11	Công ty PSM	279.580	19.498	263.012	13.436	94%	69%

Các chỉ số tài chính:

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,44	0,44
Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,78	0,79
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,00	1,87
Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	2,06	1,93
Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,28	2,27

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
ROE (%)	15,43	12,57
ROA (%)	8,64	7,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	12,78	11,19

Hệ số nợ phải trả/VCSH của Hợp nhất tại ngày 31/12/2022 nhỏ hơn 1.

Khả năng thanh toán nợ của PVTrans tại 31/12/2022: các chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn của PV Trans đều cao hơn cùng kỳ năm 2021, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả thể hiện qua chỉ số thanh toán nhanh Hợp nhất là 2,0 lần. Chỉ số thanh toán tổng quát Hợp nhất là 2,28 lần, tăng so với cùng kỳ 31/12/2021. ROS, ROE, ROA năm 2022 đều tăng hơn so với cùng kỳ năm 2021 từ 14% đến 22%. Điều đó cho thấy tình hình tài chính của PVT năm 2022 tốt hơn nhiều so với năm 2021, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng 39 % so với năm 2021

Phân tích kết quả SXKD theo từng lĩnh vực hoạt động

a. Vận tải dầu thô

PVTrans vận chuyển an toàn và kịp thời dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng đạt 5,7 triệu tấn.

Trong bối cảnh thị trường vận chuyển dầu thô quốc tế diễn biến thuận lợi, PVTrans duy trì khai thác an toàn, hiệu quả tàu theo hình thức cho thuê tàu chuyển và định hạn trên các tuyến quốc tế.

b. Vận tải LPG

Năm 2022, PVTrans tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vận tải của BSR, PVGas ... giữ vững 100% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyên chở 1,5 triệu tấn LPG. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế, gây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTT, Apex, Itochu, Petronas ...

c. Vận tải dầu/ hóa chất

PVTrans đã vận chuyển xăng dầu cho PVOil và các đầu mối xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn với tổng sản lượng đạt 2,6 triệu tấn dầu sản phẩm. Trên thị trường quốc tế, đội tàu dầu hóa chất của PVTrans gồm 15 chiếc hoạt động liên tục chủ yếu tại khu vực châu Âu, Nam Mỹ, mang lại hiệu quả tốt trong một năm thị trường thuận lợi.

d. Vận tải hàng rời

Tổng công ty tiếp tục duy trì việc khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức cho thuê tàu chuyển và định hạn.

e. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí FSO/FPSO

PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo (đến tháng 10/2022) và dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng về nhân sự O&M.

Về công tác đầu tư:

a. Đầu tư tài chính

Theo kế hoạch năm 2022, PVTrans có 3 khoản góp vốn vào các ĐVTV là Gas Shipping, Phương Đông Việt, Hàng Hải Thăng Long và khoản mua lại 10% VĐL của Công ty Đông Dương. Đối với khoản góp vốn, các đơn vị đã hoàn thiện hồ sơ tăng vốn và đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với khoản mua lại 10% VĐL của Công ty Đông Dương, tại 31/12/2022, PVTrans nắm giữ: 5.205.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,06% Vốn điều lệ của Công ty Đông Dương. PVTrans đang tiếp tục triển khai thực hiện mua cổ phiếu theo quy định.

b. Đầu tư dự án mua tàu

Nhờ tranh thủ thời điểm đầu năm khi thị trường chưa biến động nhiều, một số đơn vị thành viên có sự chuẩn bị từ cuối năm trước đã nỗ lực hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (PVT Estella, PVT Elena), 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (PVT Sunrise, Aquarius), 01 tàu chở hàng rời Supramax (Bulk Orianna) và 1 sà lan chở hàng rời trọng tải khoảng 10.000 DWT (Epic 9). Ngoài ra, đã ký hợp đồng thuê bareboat và đưa vào khai thác 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (PVT Flora), 01 tàu chở LPG trọng tải khoảng 5.000 CBM (Morning Jane) và 01 tàu chở hàng rời Handysize (Pacific Hope). Bên cạnh đó, đơn vị thành viên đã tổ chức bán/thanh lý thu hồi vốn một số tàu già, như tàu PVT Athena, Song Hau PN.

Đối với các dự án đầu tư tàu có trong kế hoạch nhưng chưa thể triển khai vì yếu tố thị trường mua bán tàu không thuận lợi, sẽ được PVTrans chuẩn bị sẵn sàng về thủ tục phê duyệt, thường xuyên cập nhật và tiếp tục tiến hành chuyển tiếp sang năm 2023 để triển khai ngay việc đầu tư khi thị trường mua bán tàu có xu hướng hạ nhiệt, với mặt bằng giá giao dịch phù hợp và đảm bảo hiệu quả kinh tế tối ưu của dự án.

Công tác tái cấu trúc:

PVTrans luôn chủ động và liên tục sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước cũng như để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

Đối với công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại PVTrans và các đơn vị thành viên:

❖ Tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại PVTrans:

- PVTrans tiếp tục theo dõi và phối hợp với Tập đoàn trong việc duy trì tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn từ 51% vốn điều lệ (VĐL) phù hợp với chiến lược phát triển chung của PVN.

❖ Tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

- PVTrans đã xây dựng phương án mua thêm 10% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương để tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans từ 48,67% VĐL lên 58,67% VĐL, Phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang trong quá trình triển khai theo đúng quy định.

❖ Tăng VĐL của Công ty Gas Shipping, Phương Đông Việt và Hàng hải Thăng Long:

- PVTrans chưa triển khai được việc góp vốn cho 3 đơn vị thành viên nêu trên theo kế hoạch 2022, do các đơn vị này chưa triển khai được dự án đầu tư tàu và thủ tục phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất.

❖ Tăng VĐL của Công ty mẹ bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022:

- Việc tăng vốn điều lệ của PVTrans từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thường niên của PVTrans năm 2022 thông qua, tuy nhiên đến hết năm 2022 vẫn chưa được Ủy ban Quản lý vốn chấp thuận nên cũng đã gây khó khăn cho PVTrans trong việc thu xếp nguồn vốn CSH để phục vụ cho các dự án đầu tư của Tổng Công ty trong giai đoạn 2022 – 2023.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Pvtrans đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với tác động về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nên tảng cho sự phát triển bền vững.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2022 của Tổng Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty. TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng TGD trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp, thời điểm tình hình SXKD khó khăn khi các biến động trên thị trường trong nước và thế giới biến động khó lường như năm 2022.

TGD và Ban điều hành đã có nỗ lực và điều hành hoạt động của Tổng Công ty một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của công ty và của pháp luật. Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD của năm, tuy nhiên việc chỉ đạo triển khai kế hoạch đầu tư tàu tại Công ty mẹ chưa thật sự quyết liệt và hiệu quả.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Ban kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng Công ty là cơ bản đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2022, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán.

6. Hoạt động của BKS.

Trong năm 2022, ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phạm Văn Hưng, quyết định bầu Bà Nguyễn Thị Nhung và Ông Kim Kwang Hyuk giữ chức danh Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát PVTrans hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên Ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

**** Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty***

Chịu trách nhiệm chung các hoạt động của Ban Kiểm soát, thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành các quyết định, văn bản của Ban Kiểm soát; Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của Ban kiểm soát; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty; Giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu và một số báo cáo khác.

**** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm***

Giám sát công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng Công ty; Giám sát công tác đầu tư góp vốn, công tác đầu tư phát triển các dự án hợp tác kinh doanh, dự án liên doanh liên kết của Tổng công ty; Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính; Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

*** Ông Kim Kwang Hyuk - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm**

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Thẩm định các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty; Hỗ trợ Ban kiểm soát cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước.

Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tổ chức 05 lần họp trực tiếp để thông qua một số nội dung như sau:

STT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/BB- BKS	01/07/2022	Về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát
2	02/BB- BKS	07/07/2022	Về việc phân công công việc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát
3	03/BB- BKS	26/10/2022	Về việc thẩm định Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ Quý 3/2022
4	04/BB- BKS	30/12/2022	Về việc thông qua kế hoạch hoạt động dự kiến năm 2023 của Ban kiểm soát
5	05/BB- BKS	16/03/2023	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;

- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng

ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Tổng Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

BKS thường xuyên rà soát, đánh giá các nội dung và kế hoạch hoạt động của BKS để triển khai các công việc hiệu quả cao nhất.

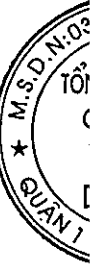
Nhân xét: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu trong năm 2022

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty;
- Tiếp tục chỉ đạo xử lý các tài sản xấu, kém hiệu quả, chú trọng công tác đầu tư để trẻ hóa đội tàu, đồng thời nâng cao năng lực vận tải trong nước và quốc tế;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro thông qua việc ban hành các văn bản quy chế phù hợp. *
- Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên kinh doanh còn khó khăn;
- Theo dõi và bám sát thị trường vận tải để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.
- Đề ra những biện pháp hữu hiệu để thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid, hạn chế rủi ro sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên.
- Kiểm soát viên luôn có sự đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với các vị trí lãnh đạo tại Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời luôn nhận được sự hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ do Tập đoàn và ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên do hiện nay quy mô vốn của Tổng Công ty PVTrans và các đơn vị thành viên tăng đáng kể trong thời gian vừa qua và tiếp tục tăng trong 5 năm tới, công tác đầu tư/ khai thác/thanh lý tái cơ cấu đội tàu cũng được đẩy mạnh, số lượng thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế (3 người) và kiêm nhiệm ở các vị trí địa lý khác nhau gây khó khăn cho hoạt động của BKS trong quá trình kiểm tra giám sát nên đề nghị ĐHĐCĐ xem xét bổ sung thêm 2 thành viên từ nguồn tại chỗ nhằm đảm bảo chất lượng của công tác kiểm soát trong thời gian tới.
- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, Ban KS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro ...đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Tổng Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và



thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Tổng Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và thực hiện của các thành viên BKS đã bao gồm thuế TNCN phát sinh trong năm 2022 là **998.431.688** đồng.

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
 - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
 - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
 - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước, PVN trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo đề án tái cấu trúc của PVN.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.

PHỤ LỤC 03

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (đính kèm).

Chấp thuận cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh số liệu trên BCTC năm 2022 đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch Hợp nhất toàn Tổng công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Doanh thu	6.500	9.577
2	Lợi nhuận trước thuế	600	1.457
3	Lợi nhuận sau thuế	480	1.156
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245	521

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Vốn điều lệ	3.560	3.237
2	Doanh thu	2.450	3.477
3	Lợi nhuận trước thuế	400	631
4	Lợi nhuận sau thuế	325	522
5	Nộp ngân sách Nhà nước	150	239

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Kim Kwang Hynk	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Viết Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2023

250

250
H N
S T
M
L C
Đ T
/ TP.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 5 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

12
31
0
A
A
P
002
ANH
TINH
DAN
TTE
HAM
iCHI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

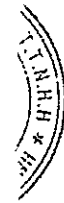


Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Nguyễn Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4766-2019-001-1

43
T
K
C



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.946.844.756.008	2.668.768.995.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	601.953.428.217	274.769.924.230
1. Tiền	111		59.953.428.217	124.269.924.230
2. Các khoản tương đương tiền	112		542.000.000.000	150.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.665.300.000.000	1.387.300.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	1.665.300.000.000	1.387.300.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		599.740.221.185	946.287.801.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	486.439.867.862	803.056.484.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.441.563.547	3.360.887.233
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	114.941.336.273	142.952.976.691
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.082.546.497)	(3.082.546.497)
IV. Hàng tồn kho	140	9	65.186.247.626	47.170.027.873
1. Hàng tồn kho	141		65.186.247.626	47.170.027.873
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.664.858.980	13.241.241.779
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.664.858.980	8.706.105.948
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	4.533.180.989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.954.842
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.392.105.590.826	4.602.896.720.519
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.981.459.728	175.851.784.164
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	107.981.459.728	175.851.784.164
II. Tài sản cố định	220		1.902.825.758.588	2.109.182.700.752
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.902.825.758.588	2.108.812.723.758
- Nguyên giá	222		2.988.026.703.026	2.977.824.072.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.085.200.944.438)	(869.011.349.035)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	369.976.994
- Nguyên giá	228		5.706.839.487	5.706.839.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.706.839.487)	(5.336.862.493)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		16.007.526.686	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16.007.526.686	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.304.465.531.725	2.261.850.465.847
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.221.549.949.850	2.217.747.240.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		97.000.000.000	97.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.937.767.300	45.937.767.300
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(60.022.185.425)	(98.834.541.453)
V. Tài sản dài hạn khác	260		60.825.314.099	56.011.769.756
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.814.162.989	21.105.092.140
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	43.011.151.110	34.906.677.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.338.950.346.834	7.271.665.715.916

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.427.134.087.102	2.852.015.220.822
I. Nợ ngắn hạn	310		1.276.361.005.227	1.433.266.235.486
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	326.550.371.506	491.477.183.241
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		117.110.362	1.250.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	28.356.815.845	32.452.606.909
4. Phải trả người lao động	314		153.931.522.049	146.528.727.401
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	153.302.687.529	129.770.539.293
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		11.110.748.186	5.618.925.683
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	110.292.930.276	86.218.250.710
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	269.932.736.913	298.903.209.422
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	110.670.670.030	133.939.727.809
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		112.095.412.531	107.107.065.018
II. Nợ dài hạn	330		1.150.773.081.875	1.418.748.985.336
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		14.232.471.255	17.500.058.333
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	418.803.033.600	448.803.033.600
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	666.792.977.020	921.256.566.403
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	50.944.600.000	31.189.327.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.911.816.259.732	4.419.650.495.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.911.816.259.732	4.419.650.495.094
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		726.165.882.833	625.607.883.196
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.843.396.730	44.843.396.730
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		904.294.520.169	512.686.755.168
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		381.961.355.640	9.896.756.982
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		522.333.164.529	502.789.998.186
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.338.950.346.834	7.271.665.715.916

Nguyễn Phạm Quang
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.270.164.370.333	2.903.484.794.288
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	3.270.164.370.333	2.903.484.794.288
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	2.673.563.014.336	2.377.496.712.120
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		596.601.355.997	525.988.082.168
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	193.649.753.155	233.638.246.239
6. Chi phí tài chính	22	28	45.726.856.673	50.270.028.523
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.722.281.544	28.943.259.504
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	126.350.441.110	83.633.421.244
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		618.173.811.369	625.722.878.640
9. Thu nhập khác	31		13.269.758.585	6.443.468.439
10. Chi phí khác	32		789.325.543	32.143.840.596
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		12.480.433.042	(25.700.372.157)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		630.654.244.411	600.022.506.483
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	116.425.553.376	102.288.806.238
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	14	(8.104.473.494)	(5.056.297.941)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		522.333.164.529	502.789.998.186

Nguyễn Phạm Quang
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



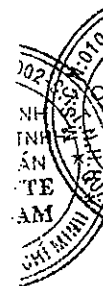
Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	630.654.244.411	600.022.506.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	217.417.921.947	202.569.100.133
Các khoản dự phòng	03	42.319.277.327	44.298.272.297
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	14.845.386.046	(7.466.442.107)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(190.711.059.549)	(223.603.281.725)
Chi phí lãi vay	06	42.722.281.544	28.943.259.504
Các khoản điều chỉnh khác	07	23.589.985.690	23.763.023.188
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	780.838.037.416	668.526.437.773
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	423.286.494.087	(203.870.843.587)
Tăng hàng tồn kho	10	(18.016.219.753)	(8.200.558.873)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(245.407.092.037)	126.018.929.732
Tăng chi phí trả trước	12	(2.667.823.881)	(23.919.159.833)
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.094.289.325)	(32.910.561.313)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(125.727.270.830)	(110.407.178.348)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.179.052.378)	(24.257.182.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	745.032.783.298	390.979.883.252
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(15.278.349.033)	(466.005.847.964)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	277.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.032.300.000.000)	(2.429.300.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.754.300.000.000	2.454.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.802.709.850)	(319.072.670.000)
6. Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	182.709.545.830	240.137.281.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(114.094.331.235)	(519.941.236.283)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	389.326.320.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(304.193.684.612)	(352.993.593.590)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(301.984.200)	(322.874.118.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(304.495.668.812)</i>	<i>(286.541.392.190)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	326.442.783.251	(415.502.745.221)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	274.769.924.230	690.630.196.183
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	740.720.736	(357.526.732)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	601.953.428.217	274.769.924.230

Nguyễn Phạm Quang
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 921 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 908 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nối, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt")
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 3 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính (không bao gồm khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết).

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư tài chính theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải	6 - 20
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

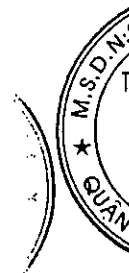
Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.



11/11/2011
C
K
Đ
S
M

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ hoạt động.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến thực hiện việc sửa chữa tàu. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của niên độ kế toán đó.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản chưa được cung cấp hoặc chuyển giao. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm/kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

002
NH
TNP
ÁN
TI
AN
CHI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	769.036.375	244.054.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.184.391.842	124.025.869.330
Các khoản tương đương tiền	542.000.000.000	150.500.000.000
	601.953.428.217	274.769.924.230

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,2%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2%/năm đến 3,7%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại và công ty tài chính với lãi suất được hưởng từ 4,6%/năm đến 10,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,5%/năm đến 5,6%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	36.651.008.081	50.953.761.700
Các khoản phải thu khách hàng khác	38.061.638.933	35.002.730.745
b. Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	411.727.220.848	717.099.991.643
	486.439.867.862	803.056.484.088

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	2.558.506.000	365.306.000
Tạm ứng cho nhân viên	789.477.863	60.891.853
Trích trước lãi tiền gửi	28.812.815.888	21.112.419.997
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.143.555.090	1.119.619.080
Các khoản phải thu khác	81.636.981.432	120.294.739.761
	114.941.336.273	142.952.976.691
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	6.255.775.900	6.213.592.000
Các khoản phải thu khác (*)	101.725.683.828	169.638.192.164
	107.981.459.728	175.851.784.164
c. Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)		
Ngắn hạn	83.317.282.524	123.470.711.144
Dài hạn	101.943.483.828	170.028.492.164
	185.260.766.352	293.499.203.308

(*) Đây là khoản phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con) liên quan đến các khoản vay do Tổng Công ty đứng ra thu xếp vốn và chuyển lại cho công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại công ty này.

Khoản phải thu này được thu hồi theo lịch sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	69.404.751.619	106.982.763.363
Trong năm thứ hai	67.912.508.336	67.912.508.336
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	33.813.175.492	101.725.683.828
	171.130.435.447	276.620.955.527
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần phải thu ngắn hạn khác)	(69.404.751.619)	(106.982.763.363)
Số phải trả sau 12 tháng	101.725.683.828	169.638.192.164

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	có thể thu hồi	Giá gốc	có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	3.082.546.497	-	3.082.546.497	-
	3.082.546.497	-	3.082.546.497	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	65.186.247.626	-	46.832.678.873	-
Hàng hoá	-	-	337.349.000	-
	65.186.247.626	-	47.170.027.873	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	2.962.035.355.358	15.788.717.435	2.977.824.072.793
Mua mới trong năm	7.876.348.881	3.184.630.902	11.060.979.783
Thanh lý, nhượng bán	(858.349.550)	-	(858.349.550)
Số dư cuối năm	2.969.053.354.689	18.973.348.337	2.988.026.703.026
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	853.677.065.350	15.334.283.685	869.011.349.035
Khấu hao trong năm	215.728.981.159	1.318.963.794	217.047.944.953
Thanh lý, nhượng bán	(858.349.550)	-	(858.349.550)
Số dư cuối năm	1.068.547.696.959	16.653.247.479	1.085.200.944.438
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	2.108.358.290.008	454.433.750	2.108.812.723.758
Tại ngày cuối năm	1.900.505.657.730	2.320.100.858	1.902.825.758.588

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 2.959.076.775.964 đồng và 1.892.759.387.234 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.959.076.775.964 đồng và 2.108.428.526.040 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 16.454.551.254 đồng và 2.100.229.844 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 14.762.374.254 đồng và 2.958.579.394 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	5.706.839.487
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	5.336.862.493
Khấu hao trong năm	369.976.994
Số dư cuối năm	5.706.839.487
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	369.976.994
Tại ngày cuối năm	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, phần mềm máy tính bao gồm một số phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 5.706.839.487 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 4.287.751.523 đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND		VND	
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	-	612.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	405.632.000.000	(60.022.185.425)	405.632.000.000	(98.834.541.453)
- Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt (*)	391.486.200.000	-	391.486.200.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	338.681.670.000	-	338.681.670.000	-
- Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	156.000.000.000	-	156.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	154.869.870.000	-	154.869.870.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	-	107.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (**)	47.480.209.850	-	43.677.500.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi (***)	7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
	2.221.549.949.850	(60.022.185.425)	2.217.747.240.000	(98.834.541.453)
Đầu tư vào các công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
Đầu tư vào các đơn vị khác				
- PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-

(*) Trong năm 2022, Tổng Công ty đã nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt với số lượng là 4.590.000 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu năm giữ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt lên mức 43.350.000 cổ phiếu.

(**) Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua nghị quyết về việc mua cổ phần để nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty đã thực hiện mua thêm 338.900 cổ phiếu với số tiền là 3.802.709.850 đồng, nâng tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại công ty con này lên 52,06%.

(***) Trong năm 2022, Tổng Công ty đã nhận cổ tức bằng cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi với số lượng là 506.667 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu năm giữ tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi lên mức 1.266.667 cổ phiếu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Công ty chưa đánh giá và chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	43.350.000	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, Số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyến dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	16.137.361	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.780.000	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải đầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyến đung và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lễ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Hà Nội	5.205.900	52,06%	52,06%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas; chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	1.266.667	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật đầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.



Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư số tiền 2.389.343 Đô la Mỹ vào Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. (thành lập tại Singapore) tương đương với 2.389.343 cổ phần ưu đãi cổ tức hưởng mức cổ tức cố định 8%/năm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí trả trước tiền thuê tàu	17.522.262.230	18.586.969.076
Các khoản trả trước dài hạn khác	291.900.759	2.518.123.064
	<u>17.814.162.989</u>	<u>21.105.092.140</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	7.700.000.000	21.501.864.501	648.515.174	29.850.379.675
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	3.373.400.000	2.331.413.115	(648.515.174)	5.056.297.941
Số dư cuối năm trước	11.073.400.000	23.833.277.616	-	34.906.677.616
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay	3.646.215.006	4.609.152.419	(150.893.931)	8.104.473.494
Số dư cuối năm nay	14.719.615.006	28.442.430.035	(150.893.931)	43.011.151.110

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	295.808.597.146	454.310.096.773
Các đối tượng khác	30.741.774.360	37.167.086.468
	326.550.371.506	491.477.183.241

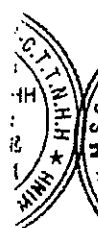
Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	3.190.054.511	92.629.053.198	87.226.987.216	8.592.120.493
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	348.682.817	348.682.817	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	216.755.122	216.755.122	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.583.427.174	116.425.553.376	125.727.270.830	16.281.709.720
Thuế thu nhập cá nhân	3.633.330.704	28.151.348.701	28.349.313.780	3.435.365.625
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế khác	45.794.520	1.117.768.688	1.115.943.201	47.620.007
	32.452.606.909	238.894.161.902	242.989.952.966	28.356.815.845

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	4.521.166.755	3.615.126.151
Lãi trả chậm	140.873.381.379	117.283.395.689
Chi phí khác	7.908.139.395	8.872.017.453
	153.302.687.529	129.770.539.293



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	38.256.700.317	8.101.070.165
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.516.526.090	3.818.510.290
Kinh phí công đoàn	805.451.511	2.802.351.228
Bảo hiểm xã hội	412.011.608	411.868.182
Bảo hiểm y tế	95.334.919	93.240.319
Bảo hiểm thất nghiệp	14.502.571	50.194.371
Các khoản phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	60.055.154.848	54.166.645.319
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.137.248.412	16.774.370.836
	<u>110.292.930.276</u>	<u>86.218.250.710</u>
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	30.000.000.000
Các khoản phải trả các bên liên quan (*) (Thuyết minh số 34)	418.803.033.600	418.803.033.600
	<u>418.803.033.600</u>	<u>448.803.033.600</u>

(*) Phải trả dài hạn khác thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam với tổng giá trị là 465.336.704.000 đồng (lãi trả chậm tương ứng trình bày tại Thuyết minh số 17). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán và phí trả chậm.

19. VAY DÀI HẠN

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	VND		VND		VND
	Giá trị	Đã nhận	Hoàn trả	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Vay	<u>1.220.159.775.825</u>	<u>-</u>	<u>(304.193.684.612)</u>	<u>20.759.622.720</u>	<u>936.725.713.933</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	67.912.508.336	101.868.762.504
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	68.481.298.880	67.036.027.220
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	43.335.573.447	42.302.823.448
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	37.873.080.000	36.580.320.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	35.595.000.000	34.380.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	16.735.276.250	16.735.276.250
	<u>269.932.736.913</u>	<u>298.903.209.422</u>
b. Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.725.683.828	169.638.192.164
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	194.212.573.211	259.080.694.561
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	129.180.573.106	169.417.896.552
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	85.214.430.000	118.886.040.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình	97.886.250.000	128.925.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	58.573.466.875	75.308.743.126
	<u>666.792.977.020</u>	<u>921.256.566.403</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam liên quan tới việc đóng và mua tàu vận tải. Các hợp đồng vay và bảo lãnh này có tổng hạn mức tín dụng là 1.316.140.000.000 đồng, và 48.487.500 Đô la Mỹ. Các khoản vay này chịu lãi suất tiền vay từ 3,4% đến 10,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2,5% đến 5,38%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đang có số dư nợ vay là 483.536.984.443 đồng và 19.097.713 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 641.361.038.745 đồng và 25.252.999 Đô la Mỹ).

Các khoản vay được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10).

Các khoản vay dài hạn và bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	269.932.736.913	298.903.209.422
Trong năm thứ hai	269.932.736.915	337.043.282.653
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	354.492.675.074	498.441.884.109
Sau năm năm	42.367.565.031	85.771.399.641
	936.725.713.933	1.220.159.775.825
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	(269.932.736.913)	(298.903.209.422)
Số phải trả sau 12 tháng	666.792.977.020	921.256.566.403

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	Dự phòng khác	Tổng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	162.545.927.000	2.583.127.809	165.129.054.809
Trích lập dự phòng	106.127.226.677	-	106.127.226.677
Hoàn nhập dự phòng	(24.995.593.322)	-	(24.995.593.322)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(82.062.290.325)	-	(82.062.290.325)
Phân loại lại	-	(2.583.127.809)	(2.583.127.809)
Số dư cuối năm	161.615.270.030	-	161.615.270.030

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	110.670.670.030	133.939.727.809
Dự phòng phải trả dài hạn	50.944.600.000	31.189.327.000
	161.615.270.030	165.129.054.809

Trong năm 2023, Tổng Công ty có kế hoạch sửa chữa tàu PVT Hera và tiếp tục sửa chữa kho nổi Đại Hùng Queen.

125
 H N
 S T
 M
 LO
 T
 P.1

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	323.651.246	3.236.512.460.000	323.651.246	3.236.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>323.651.246</u>	<u>3.236.512.460.000</u>	<u>323.651.246</u>	<u>3.236.512.460.000</u>

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	<u>323.651.246</u>	<u>323.651.246</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	<u>1.650.664.920.000</u>	<u>51,00</u>	<u>1.650.664.920.000</u>	<u>51,00</u>

002
ANH
TNH
IÁN
TTE
AM
CHIT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư và phát triển		Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	3.236.512.460.000		504.775.057.115		44.843.396.730		483.380.707.322		4.269.511.621.167	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		502.789.998.186		502.789.998.186	
Phân phối quỹ	-		120.832.826.081		-		(120.832.826.081)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-		-		-		(24.166.565.216)		(24.166.565.216)	
Quý khen thưởng Ban điều hành	-		-		-		(4.833.313.043)		(4.833.313.043)	
Công bố chia có tức (*)	-		-		-		(323.651.246.000)		(323.651.246.000)	
Số dư đầu năm nay	3.236.512.460.000		625.607.883.196		44.843.396.730		512.686.755.168		4.419.650.495.094	
Lợi nhuận trong năm	-		-		-		522.333.164.529		522.333.164.529	
Phân phối quỹ (**)	-		100.557.999.637		-		(100.557.999.637)		-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-		-		-		(25.139.499.909)		(25.139.499.909)	
Quý khen thưởng Ban điều hành (**)	-		-		-		(5.027.899.982)		(5.027.899.982)	
Số dư cuối năm nay	3.236.512.460.000		726.165.882.833		44.843.396.730		904.294.520.169		4.911.816.259.732	

(*) Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết số NQ.01/VTDK-DHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% vốn điều lệ (tương đương 323.651.246.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu này vẫn chưa được phát hành.

(**) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 100.557.999.637 đồng, 25.139.499.909 đồng và 5.027.899.982 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số NQ.01/VTDK-DHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022.



22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí và Bộ phận dịch vụ thương mại. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán hàng hóa, trang thiết bị liên quan đến dầu khí;
- Dịch vụ khác: cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng và quản lý nguồn lao động và các dịch vụ khác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

Số cuối năm

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	4.414.779.454.115	278.157.277.327	13.133.861.790	151.264.344.070	4.857.334.937.302
Tài sản không phân bổ					2.481.615.409.532
Tổng tài sản					<u>7.338.950.346.834</u>
Nợ phải trả bộ phận	2.159.249.610.502	243.896.397.506	8.743.021.127	6.363.559.412	2.418.252.588.547
Nợ phải trả không phân bổ					8.881.498.555
Tổng nợ phải trả					<u>2.427.134.087.102</u>

Số đầu năm

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	4.144.128.830.260	428.800.121.142	1.993.713.037	154.033.986.103	4.728.956.650.542
Tài sản không phân bổ					2.542.709.065.374
Tổng tài sản					<u>7.271.665.715.916</u>
Nợ phải trả bộ phận	2.074.016.689.095	199.307.637.858	685.040.125	79.675.030.946	2.353.684.398.024
Nợ phải trả không phân bổ					498.330.822.798
Tổng nợ phải trả					<u>2.852.015.220.822</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Năm nay

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ kho nổi	Thương mại	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.320.876.215.920	795.548.143.222	31.644.151.791	122.095.859.400	3.270.164.370.333
Tổng doanh thu	<u>2.320.876.215.920</u>	<u>795.548.143.222</u>	<u>31.644.151.791</u>	<u>122.095.859.400</u>	<u>3.270.164.370.333</u>
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.864.614.953.074	663.891.604.353	29.480.139.525	115.576.317.384	2.673.563.014.336
Tổng giá vốn	<u>1.864.614.953.074</u>	<u>663.891.604.353</u>	<u>29.480.139.525</u>	<u>115.576.317.384</u>	<u>2.673.563.014.336</u>
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	456.261.262.846	131.656.538.869	2.164.012.266	6.519.542.016	596.601.355.997
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(126.350.441.110)
Doanh thu hoạt động tài chính					470.250.914.887
Lợi nhuận khác					193.649.753.155
Chi phí tài chính					12.480.433.042
Lợi nhuận trước thuế					(45.726.856.673)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					630.654.244.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(116.425.553.376)
Lợi nhuận trong năm					8.104.473.494
					<u>522.333.164.529</u>
Thông tin khác					
Khấu hao					217.417.921.947

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Năm trước		Năm hiện tại		Năm trước		Năm hiện tại					
Chỉ tiêu	VND	Dịch vụ vận tải	VND	Dịch vụ kho nổi	VND	Thương mại	VND	Dịch vụ khác	VND	Tổng	VND
Doanh thu											
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.864.866.183.243	827.336.723.943	49.184.938.098	162.096.949.004	2.903.484.794.288						
Tổng doanh thu	1.864.866.183.243	827.336.723.943	49.184.938.098	162.096.949.004	2.903.484.794.288						
Giá vốn											
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.500.430.640.404	688.252.155.854	44.614.363.398	144.199.552.464	2.377.496.712.120						
Tổng giá vốn	1.500.430.640.404	688.252.155.854	44.614.363.398	144.199.552.464	2.377.496.712.120						
Kết quả hoạt động kinh doanh											
Kết quả hoạt động kinh doanh	364.435.542.839	139.084.568.089	4.570.574.700	17.897.396.540	525.988.082.168						
Chi phí không phân bổ											
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(83.633.421.244)										
Doanh thu hoạt động tài chính	442.354.660.924										
Lợi nhuận khác	233.638.246.239										
Chi phí tài chính	(25.700.372.157)										
Lợi nhuận trước thuế	(50.270.028.523)										
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	600.022.506.483										
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(102.288.806.238)										
Lợi nhuận trong năm	5.056.297.941										
	502.789.998.186										
Thông tin khác											
Khấu hao	202.569.100.133										

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

23. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	589.494	1.345.683
- Euro ("EUR")	310	321

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	2.320.876.215.920	1.864.866.183.243
Dịch vụ kho nổi	795.548.143.222	827.336.723.943
Thương mại	31.644.151.791	49.184.938.098
Dịch vụ khác	122.095.859.400	162.096.949.004
	3.270.164.370.333	2.903.484.794.288

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ vận tải	1.864.614.953.074	1.500.430.640.404
Dịch vụ kho nổi	663.891.604.353	688.252.155.854
Thương mại	29.480.139.525	44.614.363.398
Dịch vụ khác	115.576.317.384	144.199.552.464
	2.673.563.014.336	2.377.496.712.120

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	365.621.605.101	272.466.893.390
Chi phí nhân công	403.299.077.550	383.902.643.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	217.417.921.947	202.569.100.133
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.745.332.318	1.471.118.650.806
Chi phí khác bằng tiền	121.349.379.005	86.458.482.513
	2.770.433.315.921	2.416.515.769.966

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.681.078.060	131.311.403.960
Lãi tiền gửi	94.752.799.671	92.291.877.765
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.215.875.424	10.034.964.514
	193.649.753.155	233.638.246.239

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền vay	42.722.281.544	28.943.259.504
Lãi trả chậm	23.589.985.690	23.763.023.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.956.756.954	127.169.706
Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư tài chính (*)	(38.812.356.028)	(3.052.901.603)
Chi phí khác	270.188.513	489.477.728
	<u>45.726.856.673</u>	<u>50.270.028.523</u>

(*) Đây là khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các Công ty con.

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lương	57.173.026.333	47.603.256.292
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(78.331.422)
Chi phí khác	69.177.414.777	36.108.496.374
	<u>126.350.441.110</u>	<u>83.633.421.244</u>

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	630.654.244.411	600.022.506.483
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Cổ tức được chia</i>	(91.182.416.600)	(126.877.620.000)
<i>Cộng: Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ</i>	41.866.613.524	34.701.781.073
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	789.325.543	3.597.363.635
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	582.127.766.878	511.444.031.191
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>116.425.553.376</u>	<u>102.288.806.238</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>346.311.803.004</u>	<u>288.190.945.388</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết với bên cho thuê không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	107.786.122.089	44.882.268.533
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	482.260.467.000	130.595.868.000
Sau năm năm	312.244.086.000	43.085.016.000
	<u>902.290.675.089</u>	<u>218.563.152.533</u>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê xe và thuê kho nổi của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 đến 2 năm, hợp đồng thuê tàu với thời hạn từ 6 đến 10 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>726.765.597.110</u>	<u>627.150.162.789</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết với bên đi thuê không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	307.296.691.320	212.110.389.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	950.606.068.320	584.974.628.300
Sau năm năm	435.494.428.240	189.553.704.600
	<u>1.693.397.187.880</u>	<u>986.638.722.400</u>

Cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các hợp đồng cho thuê tàu với thời hạn thuê từ 5 đến 15 năm.

32. CAM KẾT VỐN

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2022 phê duyệt kế hoạch đầu tư trong năm 2022, bao gồm đầu tư tài sản cố định với số tiền 122,5 triệu Đô la Mỹ (tương đương 2.915,5 tỷ đồng), đầu tư tài chính với số tiền 373 tỷ đồng và đầu tư mua sắm trang thiết bị với số tiền 10 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư tài sản cố định số tiền 27 tỷ đồng và góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương với số tiền là 3,8 tỷ đồng.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	936.725.713.933	1.220.159.775.825
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	601.953.428.217	274.769.924.230
Nợ thuần	334.772.285.716	945.389.851.595
Vốn chủ sở hữu	<u>4.911.816.259.732</u>	<u>4.419.650.495.094</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,07</u>	<u>0,21</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

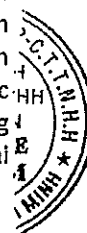
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	601.953.428.217	274.769.924.230
Phải thu khách hàng và phải thu khác	705.490.639.503	1.118.717.806.593
Đầu tư tài chính	<u>1.711.237.767.300</u>	<u>1.433.237.767.300</u>
Tổng cộng	<u><u>3.018.681.835.020</u></u>	<u><u>2.826.725.498.123</u></u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	936.725.713.933	1.220.159.775.825
Phải trả người bán và phải trả khác	854.319.034.773	1.023.140.813.451
Chi phí phải trả	<u>153.302.687.529</u>	<u>129.770.539.293</u>
Tổng cộng	<u><u>1.944.347.436.235</u></u>	<u><u>2.373.071.128.569</u></u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro về thay đổi hoạt động của các Nhà máy lọc dầu (Dịch vụ vận tải) và hoạt động của các mỏ (Dịch vụ hàng hải dầu khí), để kiểm soát rủi ro này Tổng Công ty đã luôn đảm bảo đội tàu vận tải dầu thô đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của các Nhà máy lọc dầu, đối với các phương tiện kho nổi đều có thể chuyển đổi công năng để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các mỏ. Đây là lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm vừa qua.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ ("USD")	14.161.596.765	31.363.831.942	455.774.673.970	582.974.275.167
Euro ("EUR")	7.663.711	8.149.595	12.269.990	-
Đô la Singapore ("SGD")	-	-	4.541.575	1.269.498.435
Yên Nhật ("JPY")	-	-	180.378.781	1.955.031.512
Bảng Anh ("GBP")	-	-	163.799.667	-
Na Uy Krone ("NOK")	-	-	17.045.840	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

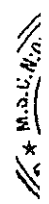
Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 4% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 4% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 4% (2021: 2%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 17.664.523.088 đồng (2021: giảm/tăng 11.032.208.864 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro, Đô La Singapore, Yên Nhật, Bảng Anh, và Na Uy Krone thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.



Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

0112
CH
ÔNG
KIẾ
ĐỀ
VI
T.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

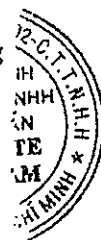
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	601.953.428.217	-	-	601.953.428.217
Phải thu khách hàng và phải thu khác	597.509.179.775	107.981.459.728	-	705.490.639.503
Đầu tư tài chính	1.665.300.000.000	-	45.937.767.300	1.711.237.767.300
	2.864.762.607.992	107.981.459.728	45.937.767.300	3.018.681.835.020
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	269.932.736.913	624.425.411.989	42.367.565.031	936.725.713.933
Phải trả người bán và phải trả khác	435.516.001.173	332.218.857.600	86.584.176.000	854.319.034.773
Chi phí phải trả	153.302.687.529	-	-	153.302.687.529
	858.751.425.615	956.644.269.589	128.951.741.031	1.944.347.436.235
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.006.011.182.377	(848.662.809.861)	(83.013.973.731)	1.074.334.398.785
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.769.924.230	-	-	274.769.924.230
Phải thu khách hàng và phải thu khác	942.866.022.429	175.851.784.164	-	1.118.717.806.593
Đầu tư tài chính	1.387.300.000.000	-	45.937.767.300	1.433.237.767.300
	2.604.935.946.659	175.851.784.164	45.937.767.300	2.826.725.498.123
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	298.903.209.422	835.485.166.762	85.771.399.641	1.220.159.775.825
Phải trả người bán và phải trả khác	574.337.779.851	303.357.465.600	145.445.568.000	1.023.140.813.451
Chi phí phải trả	129.770.539.293	-	-	129.770.539.293
	1.003.011.528.566	1.138.842.632.362	231.216.967.641	2.373.071.128.569
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.601.924.418.093	(962.990.848.198)	(185.279.200.341)	453.654.369.554

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "PVN")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt")	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty con của PVN
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Công ty con của PVN
Trường Cao đẳng Dầu khí	Công ty con của PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Thành viên PVN
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	Công ty liên doanh của PVN
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Chi nhánh Tổng Công ty Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của PVN)



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.376.314.970.787	1.183.395.183.308
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	454.756.977.417	442.506.020.737
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	615.160.466.154	435.223.979.183
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	148.815.271.482	137.433.555.111
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	103.123.759.128	62.495.891.318
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	66.062.075.182	72.147.793.859
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	47.497.144.120	39.785.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	24.584.247.813	27.245.805.544
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	23.585.516.000	13.803.192.262
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	12.319.990.783	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	83.280.500	1.492.362.176
Các bên liên quan khác	470.429.201	419.197.914
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	27.791.724.450	26.137.570.680
Thu nhập khác (phí lưu tàu)		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	4.285.607.441	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.096.773.017.319	980.264.832.244
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	615.592.715.554	437.940.873.075
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	24.713.917.788	29.542.914.107
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	24.530.451.576	27.186.224.236
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	14.782.576.648	25.173.586.137
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	12.503.087.352	6.793.484.577
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.000.225.065	5.819.494.332
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	4.953.590.464	4.808.021.298
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	3.919.216.391	5.287.666.323
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	3.642.695.735	2.269.075.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	2.834.717.597	2.314.496.262
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	2.623.808.621	2.946.819.335
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam	1.852.873.296	1.120.378.174
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.690.842.817	915.738.705
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	1.082.221.000	1.394.965.950
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	666.805.733	1.944.148.568
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	609.181.691	569.532.938
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	691.337.000	1.336.355.000
Các bên liên quan khác	4.158.913.986	1.900.077.932

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua tài sản cố định		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	7.876.348.881	-
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	15.895.711.064	15.268.937.137
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	30.156.711.327	27.081.549.099
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Thái Bình Dương	61.200.000.000	61.200.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	19.400.000.000	29.100.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	10.582.416.600	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	36.577.620.000
Cổ tức đã công bố và chi trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	165.062.135.460
Góp vốn vào công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	3.802.709.850	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	183.600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	135.472.670.000
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị:		
Ông Phạm Việt Anh	-	16.500.000
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	36.000.000	19.500.000
Ông Mai Thế Toàn	-	16.500.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	18.000.000	-
Ông Hoàng Đức Chính	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	90.000.000	-
Ông Đoàn Đình Thái	90.000.000	-
Ông Lê Mạnh Tuấn	18.000.000	36.000.000
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	3.023.221.171	2.357.890.546
Tiền lương và các khoản thu nhập khác của Tổng giám đốc và Người quản lý (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)	5.467.659.649	4.883.223.224
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	844.323.523	399.206.560

302
NG
CỔ
VÀ
DÀI
TP

0011
CH
DÓN
KII
DE
VI
1/17

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	242.495.237.797	403.726.504.564
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	55.777.086.335	47.888.987.874
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	49.004.768.322	43.707.915.741
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	42.266.357.280	172.983.934.447
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	11.335.014.780	5.765.734.907
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	7.479.765.140	24.974.007.694
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	2.981.427.686	1.802.107.400
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	341.792.568	3.716.900.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	45.770.940	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	12.533.899.016
	<u>411.727.220.848</u>	<u>717.099.991.643</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	69.404.751.619	106.982.763.363
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	6.104.465.751	5.727.912.326
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	40.900.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	40.900.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	40.900.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	20.450.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	20.450.000	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	-	3.095.115.755
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	20.454.546
	<u>83.317.282.524</u>	<u>123.470.711.144</u>
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	101.725.683.828	169.638.192.164
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	217.800.000	390.300.000
	<u>101.943.483.828</u>	<u>170.028.492.164</u>

4,
1
T
K
5
=

50C

NH
TY
A T
.OI
T I

P.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	217.631.948.816	401.029.403.910
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	53.687.852.945	25.181.901.448
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Công ty Cổ phần Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế	7.219.661.549	3.027.349.260
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	2.720.697.538	3.621.868.061
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	778.809.038	480.700.444
Chi nhánh Tổng Công Ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư khoan dầu khí	696.644.933	5.882.186.372
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	414.837.714	537.598.054
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	375.000.000	482.149.500
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	357.442.760	357.442.760
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu khí Việt Nam	329.010.000	545.902.500
Trường cao đẳng dầu khí	234.870.400	80.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	228.286.000	629.006.825
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí	156.694.483	-
Công Ty Cổ Phần Hàng hải Thăng Long	119.715.296	1.060.700.278
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	21.087.000	278.039.000
Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.000.000	1.000.000
Công ty TNHH DV Kỹ thuật Dầu khí biển PVD	-	74.403.560
Công ty TNHH khách sạn Dầu khí PTSC	-	73.024.737
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam (PSL)	-	69.361.613
Công ty cổ phần Vật Tư - Xăng dầu (Comeco)	-	36.489.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	22.770.000
Tổng Công ty Bảo Dưỡng-Sửa chữa công trình Dầu Khí, CTCP	-	5.021.500
	<u>295.808.597.146</u>	<u>454.310.096.773</u>
Người mua trả tiền trước		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	44.064.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	73.046.362	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	-	1.250.000.000
	<u>117.110.362</u>	<u>1.250.000.000</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	46.533.670.400	46.533.670.400
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	10.645.977.025	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.648.229.332	7.121.716.083
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.220.728.091	508.000.200
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	6.550.000	3.258.636
	<u>60.055.154.848</u>	<u>54.166.645.319</u>
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	418.803.033.600	418.803.033.600

92-C
TY

HI MI

92-C
NH
AN
TH
LM
HI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	144.169.540.844	125.131.621.063
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	3.347.968.410	2.826.917.027
	<u>147.517.509.254</u>	<u>127.958.538.090</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	8.313.768.506	5.618.925.683
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	2.796.979.680	-
	<u>11.110.748.186</u>	<u>5.618.925.683</u>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	14.232.471.255	17.500.058.333
	<u>14.232.471.255</u>	<u>17.500.058.333</u>
Vay dài hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	169.638.192.164	271.506.954.668
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	262.693.872.091	326.116.721.781
	<u>432.332.064.255</u>	<u>271.506.954.668</u>

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 4.521.166.755 đồng (năm 2021: 3.615.126.151 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 11.790.157.436 đồng (2021: 126.656.889 đồng), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 29.956.370.978 đồng (năm 2021: 22.232.039.077 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm nhưng chưa thu được tiền. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu từ đi vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu "Tiền thu từ đi vay" và "Tiền trả nợ gốc vay" cùng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 40.689.614.806 đồng (2021: không phát sinh).

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 3.516.526.090 đồng (2021: 3.818.510.290 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền phát sinh từ các năm trước nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Phạm Quang
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Deloitte.

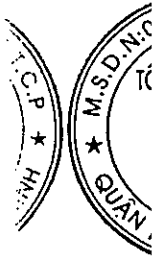


TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 49

M.S.C. / K

M.S.C. / K

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Thành viên
Bà Nguyễn Linh Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Đoàn Đình Thái	Thành viên độc lập (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Kim Kwang Hynk	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duyên Hiếu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2022)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Heee

Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

He

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a vertical stamp that reads "TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ" and "QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH".

Số: 0356 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2023, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

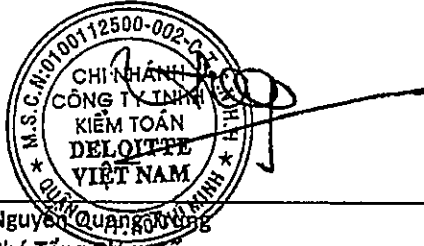
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quang Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 10 tháng 3 năm 2023
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Phương Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4766-2019-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.286.266.493.364		4.849.728.123.623	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.793.749.749.410		1.283.386.854.560	
1. Tiền	111		334.156.749.410		365.414.373.186	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.459.593.000.000		917.972.481.374	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.706.631.233.950		1.789.507.945.205	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.706.631.233.950		1.789.507.945.205	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.376.870.830.498		1.476.856.951.153	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	982.153.399.871		1.192.941.542.407	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		39.615.864.916		19.756.557.197	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	460.122.023.520		359.058.293.683	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(105.692.275.991)		(95.571.260.316)	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182		671.818.182	
IV. Hàng tồn kho	140	9	179.274.820.292		141.926.455.000	
1. Hàng tồn kho	141		179.274.820.292		141.926.455.000	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		229.739.859.214		158.049.917.705	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.409.067.097		26.264.476.520	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		190.928.368.398		128.090.936.701	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	402.423.719		3.694.504.484	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

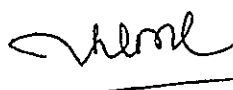
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.965.386.461.330	7.643.491.677.948
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.188.151.804	109.810.733.438
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	135.188.151.804	109.810.733.438
II. Tài sản cố định	220		7.260.294.568.541	6.975.627.100.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.260.137.913.588	6.974.737.026.186
- Nguyên giá	222		12.282.576.796.228	12.303.483.478.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.022.438.882.640)	(5.328.746.452.656)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	156.654.953	890.074.555
- Nguyên giá	228		8.478.184.397	8.478.184.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.321.529.444)	(7.588.109.842)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.013.317.244	1.532.089.450
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.013.317.244	1.532.089.450
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		198.584.030.919	194.132.707.726
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	152.646.263.619	148.194.940.426
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	13	45.937.767.300	45.937.767.300
V. Tài sản dài hạn khác	260		349.306.392.822	362.389.046.593
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	267.445.412.565	268.265.136.424
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	81.860.980.257	94.123.910.169
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		14.251.652.954.694	12.493.219.801.571

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

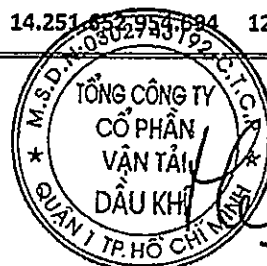
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm (phân loại lại)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.237.594.180.724	5.530.022.086.393
I. Nợ ngắn hạn	310		3.055.301.138.729	2.449.919.250.097
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	812.143.687.203	676.929.311.844
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.108.997.860	27.582.652.349
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	96.872.829.238	61.500.561.988
4. Phải trả người lao động	314		253.470.831.952	238.876.431.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	229.891.449.879	177.418.356.405
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.711.207.002	18.596.984.788
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	234.247.457.518	139.133.687.936
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.099.431.218.656	778.354.285.393
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	156.361.456.312	205.134.348.371
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		124.062.003.109	126.392.629.690
II. Nợ dài hạn	330		3.182.293.041.995	3.080.102.836.296
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	419.408.833.600	538.893.676.840
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	171.543.287.573	73.097.353.825
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.236.512.460.000	3.236.512.460.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.007.210.000	49.040.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.129.153.667.912	967.502.014.089
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		47.222.561.210	47.218.399.245
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.489.406.154.844	894.592.418.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		632.067.375.548	234.835.683.955
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		857.338.779.296	659.756.734.568
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.011.756.720.004	1.768.331.883.321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		14.251.652.954.694	12.493.219.801.571



Trần Thị Thực Trang
 Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



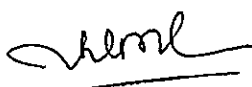
Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2023

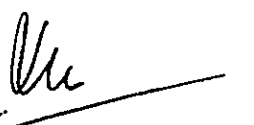
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

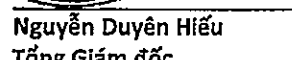
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		9.047.363.208.116	7.460.234.126.265
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	26	9.047.363.208.116	7.460.234.126.265
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	7.392.334.482.981	6.222.277.497.227
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.655.028.725.135	1.237.956.629.038
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	221.015.971.674	180.227.299.307
6. Chi phí tài chính	22	30	314.025.500.758	156.483.569.802
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		214.451.792.020	118.911.837.489
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	12	27.864.503.193	24.549.751.684
8. Chi phí bán hàng	25	31	12.873.930.300	10.492.585.874
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	407.652.508.769	277.486.387.570
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+24+(21-22)-(25+26))	30		1.169.357.260.175	998.271.136.783
11. Thu nhập khác	31		308.543.209.056	75.325.766.548
12. Chi phí khác	32		21.028.738.061	33.380.207.674
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	287.514.470.995	41.945.558.874
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.456.871.731.170	1.040.216.695.657
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	288.761.717.516	199.465.028.044
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	15	12.262.929.912	6.236.927.585
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.155.847.083.742	834.514.740.028
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			857.338.779.296	659.756.734.568
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			298.508.304.446	174.758.005.460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.500	1.924
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	2.273	1.749


 Trần Thị Thực Trang
 Người lập biểu


 Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.456.871.731.170	1.040.216.695.657
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.195.322.190.412	929.745.576.847
Các khoản dự phòng	03	247.385.653.163	209.435.897.410
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(22.649.883.527)	(15.489.265.886)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(445.326.452.333)	(193.828.806.109)
Chi phí lãi vay	06	214.451.792.020	118.911.837.489
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.646.055.030.905	2.088.991.935.408
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	45.768.421.533	(506.284.627.376)
Tăng hàng tồn kho	10	(37.348.365.292)	(29.630.036.560)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	80.726.924.719	(107.798.717.405)
Tăng chi phí trả trước	12	(11.061.495.335)	(178.532.346.329)
Tiền lãi vay đã trả	14	(207.640.502.037)	(119.800.334.622)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(257.519.236.373)	(234.661.550.516)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.817.962	100.460.722
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(87.096.833.516)	(83.775.851.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.171.898.762.566	828.608.931.335
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.660.712.011.334)	(1.935.502.711.608)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	389.311.827.345	100.539.732.045
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.079.231.233.950)	(2.808.065.265.705)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.164.447.945.205	2.871.659.042.367
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	166.388.292.318	171.895.430.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.019.795.180.416)	(1.599.473.771.937)


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

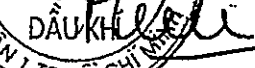
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	238.921.780.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.489.439.651.977	1.635.685.883.664
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.090.433.809.473)	(909.576.062.305)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.494.919.310)	(382.512.410.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>358.510.923.194</i>	<i>582.519.190.759</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	510.614.505.344	(188.345.649.843)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.283.386.854.560	1.472.901.602.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(251.610.494)	(1.169.098.233)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560


 Trần Thị Thực Trang
 Người lập biểu


 Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Duyên Hiếu
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2023

251
 IN
 T
 M
 C
 O
 T
 P.1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo
43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302743192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và sửa đổi lần thứ 15 ngày 21 tháng 6 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 5 năm 2007. Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2007, với mã chứng khoán là PVT.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 921 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 908 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, dầu sản phẩm, hóa chất, hàng khô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sau khi được phân loại lại như Thuyết minh số 40.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

002
ÁNH
TINI
ĐÁNH
FTI
AM
CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Công ty con

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	61.200.000	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40.563.200	69,63%	53,75%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	151 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	43.350.000	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ quản lý tàu; cung cấp nhiên liệu trong nước và nhập khẩu tạm thời đối với các tàu biển, tái xuất; vận chuyển khí hóa lỏng LPG trong vùng biển nội địa và quốc tế; dịch vụ: đại lý tàu biển.
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế	Tầng 13, Tòa nhà Sofic, Số 10 Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	37.932.347	67,98%	67,98%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Hàng Hải Thăng Long	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyến đường, đảo tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt")	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	16.137.361	51,87%	52,32%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Oriental, Số 324 Tây Sơn, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Hà Nội	10.780.000	50,50%	50,50%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyến dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lễ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân, Hà Nội	5.205.900	52,06%	52,06%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; Kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Lô CN08, Đường số 6, Khu công nghiệp Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi	1.266.667	50,67%	50,67%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật đầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

00
ÁNH
TIN
DÁN
TT
IAA
00

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
	Số năm	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10	10
Máy móc, thiết bị	3 - 8	3 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 20	5 - 25
Thiết bị văn phòng	2 - 7	2 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong năm 2022, Tổng Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của các tàu vận tải gồm PVT Aroma từ 10 năm xuống 7 năm; Oceaous 08, Lady Linn và Lady Favia từ 9 năm xuống 7 năm, và PVT Dolphin từ 25 năm xuống 20 năm. Chi tiết ảnh hưởng của việc thay đổi được trình bày tại Thuyết minh số 10.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định định kỳ

Đối với tài sản cố định là tàu vận tải thì việc sửa chữa lớn sẽ mang tính chất định kỳ, bao gồm các chi phí sửa chữa và duy tu tàu theo yêu cầu kỹ thuật nhằm khôi phục lại điều kiện và khả năng hoạt động của tàu. Theo quy định kế toán hiện hành thì Tổng Công ty có thể ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải khi thực tế phát sinh hay lập dự phòng trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng loại tàu. Tổng Công ty và các công ty con hiện đang áp dụng chính sách ghi nhận chi phí sửa chữa lớn tàu vận tải như sau:

- a) Đối với trường hợp ghi nhận theo thực tế phát sinh: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ sẽ được ghi nhận khi thực tế phát sinh và phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ ngày phát sinh đến kỳ sửa chữa tiếp theo;
- b) Đối với trường hợp dự phòng trích trước: Chi phí sửa chữa lớn và duy tu định kỳ được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào dự toán cho đến kỳ dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại kỳ phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính đó.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 6 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm tàu và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền đã nhận trước từ khách hàng về cho thuê tài sản nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

12
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

1250
H N
V G T
I E M
E L O
I E T
7 P

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

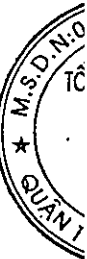
Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.



00/
ÁNH
TÍN
DÁN
FT/
IAN
CH/

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.470.802.886	1.557.513.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	331.685.946.524	363.856.860.136
Các khoản tương đương tiền (*)	1.459.593.000.000	917.972.481.374
	<u>1.793.749.749.410</u>	<u>1.283.386.854.560</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,2%/năm đến 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 0,2%/năm đến 4,0%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt đã sử dụng một số khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại ngân hàng thương mại với số tiền là 10.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ TỚI NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.706.631.233.950	2.706.631.233.950	1.789.507.945.205	1.789.507.945.205
	<u>2.706.631.233.950</u>	<u>2.706.631.233.950</u>	<u>1.789.507.945.205</u>	<u>1.789.507.945.205</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,3%/năm đến 10,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3,2%/năm đến 6,3%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng một số khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngân hàng thương mại với số tiền là 25.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20), 155.000.000.000 đồng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 22) và 3.500.000.000 đồng làm bảo lãnh cho việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Công ty TNHH Vận tải Dầu khí OPEC	225.562.992.901	53.828.826.939
Công ty TNHH Khí đốt Thăng Long	41.252.909.720	96.482.277.636
Premier Oil Vietnam Offshore B.V	36.651.008.081	50.953.761.700
Các đối tượng khác	249.030.640.981	236.989.320.515
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	429.655.848.188	754.687.355.617
	<u>982.153.399.871</u>	<u>1.192.941.542.407</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
a. Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	224.446.403.960	162.410.103.407
Phải thu tiền bồi thường (*)	77.610.499.530	77.610.499.530
Trích trước lãi tiền gửi Ngân hàng	42.509.167.078	28.284.866.708
Tạm ứng cho nhân viên	15.347.148.193	10.695.849.282
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.143.555.090	1.119.619.080
Các đối tượng khác	99.065.249.669	78.937.355.676
	460.122.023.520	359.058.293.683
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	135.188.151.804	109.711.859.191
Phải thu khác	-	98.874.247
	135.188.151.804	109.810.733.438
c. Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 38)		
Ngắn hạn	19.649.227.684	32.863.325.761

(*) Phải thu tiền bồi thường thể hiện khoản phải thu của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con của Tổng Công ty) liên quan tới Bà Huỳnh Thị Huyền Như. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi số tiền này là thấp và đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu này trong năm 2012.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đối tượng nợ				
Phải thu tiền bồi thường Công ty Cổ phần Vận tải biển Anh Vũ	77.610.499.530	-	77.610.499.530	-
Đối tượng khác	3.082.546.497	-	3.082.546.497	-
	25.349.654.480	350.424.516	14.878.214.289	-
	106.042.700.507	350.424.516	95.571.260.316	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đi đường	944.925.083	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	177.869.236.201	-	141.421.729.362	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	420.225.195	-	17.425.762	-
Thành phẩm	40.433.813	-	10.527.908	-
Hàng hoá	-	-	476.771.968	-
	179.274.820.292	-	141.926.455.000	-

* M.S.C.N

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	6.833.645.056	24.235.514.443	12.253.792.008.545	18.622.310.798	12.303.483.478.842
Mua trong năm	-	1.466.565.113	1.637.818.478.249	4.330.541.462	1.643.615.584.824
Thanh lý, nhượng bán	-	(36.666.667)	(1.664.447.995.771)	(37.605.000)	(1.664.522.267.438)
Phân loại lại	-	32.207.256.828	(32.207.256.828)	-	-
Số dư cuối năm	6.833.645.056	57.872.669.717	12.194.955.234.195	22.915.247.260	12.282.576.796.228
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư đầu năm	(1.050.161.784)	(8.972.292.565)	(5.300.860.156.179)	(17.863.842.128)	(5.328.746.452.656)
Khấu hao trong năm	(300.046.224)	(2.900.065.410)	(1.189.776.285.005)	(1.612.374.174)	(1.194.588.770.810)
Thanh lý, nhượng bán	-	36.666.667	1.500.822.069.159	37.605.000	1.500.896.340.826
Phân loại lại	-	(2.130.797.118)	2.130.797.118	-	-
Số dư cuối năm	(1.350.208.008)	(13.966.488.426)	(4.987.683.574.907)	(19.438.611.299)	(5.022.438.882.640)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	5.483.437.048	43.906.181.291	7.207.271.659.288	3.476.635.961	7.260.137.913.588
Tại ngày đầu năm	5.783.483.272	15.263.221.878	6.952.931.852.366	758.468.670	6.974.737.026.186

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thể chấp một số phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 9.652.463.086.192 đồng và 5.388.349.672.476 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 8.978.063.567.206 đồng và 5.939.025.140.755 đồng) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 674.848.692.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.215.699.495.120 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có kế hoạch thanh lý một số tài sản cố định là phương tiện vận tải với tổng nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 230.618.985.639 đồng và 22.548.187.927 đồng.

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu PVT Aroma từ 10 năm xuống 7 năm. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thị trường, hiệu quả khai thác, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 16.994.099.107 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu Oceanus 08, Lady Linn và Lady Favia từ 9 năm xuống 7 năm để phù hợp với kế hoạch khai thác của tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình trạng kỹ thuật và tình hình thực tế sử dụng tài sản. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 26.392.106.182 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải là tàu PVT Dolphin từ 25 năm xuống 20 năm để phù hợp với kế hoạch khai thác của tàu này. Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thị trường, hiệu quả khai thác, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm 2022 sẽ giảm 28.786.601.906 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2022 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm</u> VND	<u>Giấy chứng nhận</u> VND	<u>Tổng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	8.301.843.847	176.340.550	8.478.184.397
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	(7.411.769.292)	(176.340.550)	(7.588.109.842)
Khấu hao trong năm	(733.419.602)	-	(733.419.602)
Số dư cuối năm	(8.145.188.894)	(176.340.550)	(8.321.529.444)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	156.654.953	-	156.654.953
Tại ngày đầu năm	890.074.555	-	890.074.555

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Đầu tư vào công ty liên kết	98.000.000.000	98.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	54.646.263.619	50.194.940.426
	<u>152.646.263.619</u>	<u>148.194.940.426</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giá gốc khoản đầu tư và thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	98.000.000.000	98.000.000.000
	<u>98.000.000.000</u>	<u>98.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng Công ty đã góp 98 tỷ đồng, tương ứng với 49% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng tài sản	556.068.770.316	570.147.361.336
Tổng công nợ	(244.545.783.338)	(267.708.707.406)
Tài sản thuần	311.522.986.978	302.438.653.930
Phần tài sản thuần khoản đầu tư vào công ty liên kết	152.646.263.619	148.194.940.426
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	56.866.333.048	50.101.534.049
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	27.864.503.193	24.549.751.684

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
PV KEEZ Pte., Ltd.	45.937.767.300	-	45.937.767.300	-
	<u>45.937.767.300</u>	<u>-</u>	<u>45.937.767.300</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư số tiền 2.389.343 đô la Mỹ vào Công ty PV KEEZ Pte., Ltd. (thành lập tại Singapore) tương đương 2.389.343 cổ phần ưu đãi có tức hưởng mức cổ tức cố định 8%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư vào đơn vị khác không có dấu hiệu bị giảm giá, nên dự phòng không cần thiết phải trích lập.

Tổng Công ty chưa đánh giá và chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn tàu	121.934.798.368	209.422.553.078
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản	103.231.067.990	20.662.871.537
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	20.343.991.280	18.587.852.497
Chi phí dài hạn khác	21.935.554.927	19.591.859.312
	<u>267.445.412.565</u>	<u>268.265.136.424</u>

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Dự phòng VND	Chi phí trích trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	13.650.502.388	18.394.416.959	68.315.918.407	100.360.837.754
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	13.009.302.212	(511.641.733)	(18.734.588.064)	(6.236.927.585)
Số dư đầu năm nay	26.659.804.600	17.882.775.226	49.581.330.343	94.123.910.169
Ghi nhận/(hoàn nhập) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(2.162.495.811)	4.609.152.419	(14.709.586.520)	(12.262.929.912)
Số dư cuối năm nay	<u>24.497.308.789</u>	<u>22.491.927.645</u>	<u>34.871.743.823</u>	<u>81.860.980.257</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Dầu khí Ovtrans	168.473.415.000	-
Công ty Cổ phần cung ứng nhiên liệu tàu biển Vina	71.056.060.650	29.411.733.870
Công ty TNHH Gas Venus	58.358.550.960	2.816.905.342
Công ty TNHH Vận Tải Dầu Khí Việt Mỹ	32.910.016.821	20.748.596.192
Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	91.667.428.072	128.540.445.332
Phải trả cho các đối tượng khác	389.678.215.700	495.411.631.108
	<u>812.143.687.203</u>	<u>676.929.311.844</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số cuối năm VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	18.995.773	-	-	18.995.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.647.628.300	-	3.647.628.300	-
Thuế thu nhập cá nhân	25.925.569	-	25.925.569	-
Các loại thuế khác	1.954.842	383.427.946	1.954.842	383.427.946
	3.694.504.484	383.427.946	3.675.508.711	402.423.719
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.570.617.130	178.018.053.095	170.991.850.856	10.596.819.369
Thuế xuất, nhập khẩu	12.213.349	3.587.266.495	3.599.479.844	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	52.828.727.967	288.761.717.516	261.166.864.673	80.423.580.810
Thuế thu nhập cá nhân	5.041.780.914	39.288.925.400	38.527.325.370	5.803.380.944
Thuế nhà thầu	-	5.545.039.434	5.543.611.326	1.428.108
Thuế môn bài	-	29.000.000	29.000.000	-
Các loại thuế khác	47.222.628	5.527.143.695	5.526.746.316	47.620.007
	61.500.561.988	520.757.145.635	485.384.878.385	96.872.829.238

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	17.714.368.074	7.843.754.314
Lãi trả chậm	140.873.381.379	117.283.395.689
Chi phí thuê tàu	11.248.020.000	16.973.355.965
Chi phí khác	60.055.680.426	35.317.850.437
	229.891.449.879	177.418.356.405

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.914.926.209	3.228.216.789
Bảo hiểm xã hội	992.938.540	1.854.388.847
Bảo hiểm y tế	95.334.919	93.240.319
Bảo hiểm thất nghiệp	14.502.571	50.194.371
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.312.111.251	41.661.981.929
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.843.961.570	7.562.183.690
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38) (*)	47.806.884.854	50.701.218.332
Các khoản phải trả khác	23.266.797.604	33.982.263.659
	234.247.457.518	139.133.687.936
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	605.800.000	120.090.643.240
Phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 38) (*)	418.803.033.600	418.803.033.600
	419.408.833.600	538.893.676.840

(*) Phải trả khác ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 618.458.400.000 đồng (lãi trả chậm tương ứng trình bày tại Thuyết minh số 18). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để ký kết Phụ lục hợp đồng xác định lại lịch thanh toán.

Nhận ký quỹ, ký cược thể hiện số tiền ký quỹ nhận từ khách hàng để đảm bảo cho việc thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý kho nổi, dịch vụ vận tải, cho thuê tàu, và các hợp đồng khác. Những khoản ký quỹ, ký cược này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả lại cho khách hàng tại ngày kết thúc hợp đồng.

20. VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn (*)	257.289.517.181	48.113.985.654
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	842.141.701.475	730.240.299.739
	1.099.431.218.656	778.354.285.393

J-06
HÀN
Y T
TOÁI
VI
NAI
KỶ

(*) Trong đó vay ngắn hạn bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	115.572.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	54.507.461.679	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	48.154.354.321	48.113.985.654
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	39.055.701.181	-
	<u>257.289.517.181</u>	<u>48.113.985.654</u>

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay ngắn hạn với ông Nguyễn Hồng Hiệp (cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt) và các ngân hàng thương mại bằng Đồng Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 295.572.000.000 đồng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), chịu lãi suất hàng năm từ 5% đến 7% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: lãi suất hàng năm từ 5,5% đến 6,6%).

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Dự phòng khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	246.105.020.297	32.126.681.899	278.231.702.196
Trích lập trong năm	210.024.239.593	27.240.397.895	237.264.637.488
Hoàn nhập trong năm	(37.581.807.254)	(33.543.554.083)	(71.125.361.337)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(113.883.106.653)	-	(113.883.106.653)
Phân loại lại	-	(2.583.127.809)	(2.583.127.809)
Số dư cuối năm	<u>304.664.345.983</u>	<u>23.240.397.902</u>	<u>327.904.743.885</u>

Chi tiết các khoản dự phòng phải trả:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	156.361.456.312	205.134.348.371
Dự phòng phải trả dài hạn	171.543.287.573	73.097.353.825
	<u>327.904.743.885</u>	<u>278.231.702.196</u>

22. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm VND	Trong năm		Số cuối năm VND
	Giá trị	Nhận nợ	Thanh toán Chênh lệch tỷ giá	Giá trị
Vay dài hạn	<u>3.198.352.105.370</u>	<u>1.084.123.440.000</u>	<u>(893.008.535.944)</u>	<u>44.015.612.871</u>
				<u>3.433.482.622.297</u>

Tổng Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư nợ vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021.

Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	391.698.941.190	223.559.933.579
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	101.750.013.447	130.726.768.123
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	90.908.766.600	87.643.484.245
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	83.658.420.646	81.657.888.432
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	67.912.508.336	101.868.762.504
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	54.456.027.256	66.403.142.856
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	37.873.080.000	36.580.320.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	13.883.944.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	1.800.000.000
	842.141.701.475	730.240.299.739
b. Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	1.393.532.326.762	945.105.082.174
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	195.331.203.106	336.424.388.127
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	283.415.289.000	360.911.344.882
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	224.568.201.452	302.947.616.374
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	101.725.683.828	169.638.192.164
Ngân hàng Wooribank Việt Nam	231.192.106.674	226.820.571.430
Ngân hàng Oversea-Chinese Banking Corporation	85.214.430.000	118.886.040.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	76.361.680.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	7.378.570.400
	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Các hợp đồng này có tổng hạn mức tín dụng là 2.185 tỷ đồng và 182,9 triệu Đô la Mỹ. Các khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi (Thuyết minh số 5), phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty (Thuyết minh số 10) và phần vốn góp của Tổng Công ty trong Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt. Các khoản vay này chịu lãi suất hàng năm theo LIBOR 3 tháng hoặc 6 tháng cộng từ 2,5%/năm đến 5,0%/năm cho khoản vay bằng tiền Đô la Mỹ, lãi suất hàng năm từ 2,5% đến 7,03% cho khoản vay bằng tiền Đồng Việt Nam.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	842.141.701.475	730.240.299.739
Trong năm thứ hai	728.094.186.748	765.973.962.251
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.533.091.466.412	1.231.969.206.730
Sau năm năm	330.155.267.662	470.168.636.651
	3.433.482.622.297	3.198.352.105.370
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(842.141.701.475)	(730.240.299.739)
Số phải trả sau 12 tháng	2.591.340.920.822	2.468.111.805.631

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	323.651.246	3.326.512.460.000	323.651.246	3.326.512.460.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246
Số lượng cổ phần đang lưu hành + Cổ phần phổ thông	323.651.246	323.651.246

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Chi tiết cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.650.664.920.000	51	1.650.664.920.000	51

500

NH
TY
A TC
.OI
TN

P.H

24. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

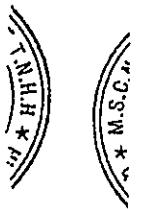
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đô la Mỹ ("USD")	5.880.653,22	5.082.321,74
- Euro ("EUR")	626.769,96	1.924.170,53
- Đô la Singapore ("SGD")	126,40	876,40

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ hàng hải dầu khí, Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: kinh doanh mua bán mặt hàng LPG, xăng dầu và hàng hóa khác;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác: cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, cung ứng quản lý nguồn lao động và các dịch vụ khác.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Số cuối năm	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ kho nổi	Thương mại	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	10.721.157.334.134	1.199.538.224.801	299.701.202.821	615.413.876.369	12.835.810.638.125
Lãi từ công ty liên kết					54.646.263.619
Tài sản không phân bổ					1.361.196.052.950
Tổng tài sản hợp nhất					<u>14.251.652.954.694</u>
Nợ phải trả bộ phận	5.408.540.972.046	313.125.264.306	257.281.890.126	50.161.192.465	6.029.109.318.943
Nợ phải trả không phân bổ					208.484.861.781
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>6.237.594.180.724</u>
Số đầu năm	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ kho nổi	Thương mại	Dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	8.627.591.132.532	1.475.091.313.672	112.645.659.517	1.407.562.454.669	11.622.890.560.390
Lãi từ công ty liên kết					50.194.940.426
Tài sản không phân bổ					820.134.300.755
Tổng tài sản hợp nhất					<u>12.493.219.801.571</u>
Nợ phải trả bộ phận	4.464.057.176.985	199.307.637.858	126.796.787.057	468.995.686.442	5.259.157.288.342
Nợ phải trả không phân bổ					270.864.798.051
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>5.530.022.086.393</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Năm nay

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho bãi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
Tổng doanh thu	6.801.441.169.869	795.548.143.222	1.168.002.406.369	282.371.488.656	9.047.363.208.116
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.550.366	7.392.334.482.981
Tổng giá vốn	5.430.606.886.037	568.824.037.431	1.158.114.029.147	234.789.550.366	7.392.334.482.981
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	1.370.834.283.832	226.724.105.791	9.888.377.222	47.581.958.290	1.655.028.725.135
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(420.526.439.069)
Doanh thu hoạt động tài chính					1.234.502.286.066
Phần lãi trong công ty liên kết					221.015.971.674
Lợi nhuận khác					27.864.503.193
Chi phí tài chính					287.514.470.995
Lợi nhuận trước thuế					(314.025.500.758)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.456.871.731.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(288.761.717.516)
Lợi nhuận trong năm					(12.262.929.912)
					1.155.847.083.742
Thông tin khác					
Khấu hao					1.195.322.190.412

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Năm trước

	Dịch vụ vận tải VND	Dịch vụ kho nổi VND	Thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.350.401.235.913	827.336.723.943	960.561.848.045	321.934.318.364	7.460.234.126.265
Tổng doanh thu	5.350.401.235.913	827.336.723.943	960.561.848.045	321.934.318.364	7.460.234.126.265
Giá vốn					
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	4.426.451.444.855	594.321.749.454	946.807.731.725	254.696.571.193	6.222.277.497.227
Tổng giá vốn	4.426.451.444.855	594.321.749.454	946.807.731.725	254.696.571.193	6.222.277.497.227
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	923.949.791.058	233.014.974.489	13.754.116.320	67.237.747.171	1.237.956.629.038
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(287.978.973.444)
Doanh thu hoạt động tài chính					949.977.655.594
Phần lãi trong công ty liên kết					180.227.299.307
Lợi nhuận khác					24.549.751.684
Chi phí tài chính					41.945.558.874
Lợi nhuận trước thuế					(156.483.569.802)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					1.040.216.695.657
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(199.465.028.044)
Lợi nhuận trong năm					(6.236.927.585)
Thông tin khác					
Khấu hao					834.514.740.028
					929.745.576.847

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và dịch vụ thương mại. Doanh thu từ dịch vụ thương mại toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam, trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam (chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất, kho cảng Thị Vải đến các địa phương) và quốc tế (vận chuyển tại khu vực Đông Nam Á, Nam Trung Quốc và khu vực Nam Mỹ).

Chi tiết doanh thu vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	3.045.817.245.648	3.022.819.743.141
Vận tải quốc tế	3.755.623.924.221	2.327.581.492.772
	<u>6.801.441.169.869</u>	<u>5.350.401.235.913</u>
Gia vốn vận tải		
Vận tải nội địa	2.382.017.081.529	2.486.028.635.623
Vận tải quốc tế	3.048.589.804.508	1.940.422.809.232
	<u>5.430.606.886.037</u>	<u>4.426.451.444.855</u>

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Tổng Công ty không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	6.801.441.169.869	5.350.401.235.913
Dịch vụ kho nổi	795.548.143.222	827.336.723.943
Thương mại	1.168.002.406.369	960.561.848.045
Dịch vụ khác	282.371.488.656	321.934.318.364
	<u>9.047.363.208.116</u>	<u>7.460.234.126.265</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Dịch vụ vận tải	5.430.606.886.037	4.426.451.444.855
Dịch vụ kho nổi	568.824.037.431	594.321.749.454
Thương mại	1.158.114.029.147	946.807.731.725
Dịch vụ khác	234.789.530.366	254.696.571.193
	<u>7.392.334.482.981</u>	<u>6.222.277.497.227</u>



28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.614.449.661.484	1.374.234.251.995
Chi phí nhân công	1.027.214.894.008	778.514.188.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.195.322.190.412	929.745.576.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.410.236.966.943	2.084.638.167.110
Chi phí khác bằng tiền	407.523.180.056	396.316.554.442
	<u>6.654.746.892.903</u>	<u>5.563.448.738.946</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ủy thác đầu tư	159.198.555.458	129.429.300.547
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.318.754.756	46.364.214.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.498.661.460	4.433.783.960
	<u>221.015.971.674</u>	<u>180.227.299.307</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	214.451.792.020	118.911.837.489
Lãi trả chậm	23.589.985.690	23.763.023.188
Lỗ chênh lệch tỷ giá	73.334.001.919	13.319.231.397
Chi phí tài chính khác	2.649.721.129	489.477.728
	<u>314.025.500.758</u>	<u>156.483.569.802</u>

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP VÀ CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	186.856.997.862	155.481.717.982
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	7.692.007.336	(78.331.422)
Chi phí khác	213.103.503.571	122.083.001.010
	<u>407.652.508.769</u>	<u>277.486.387.570</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.517.954.844	6.165.906.423
Chi phí khác	4.355.975.456	4.326.679.451
	<u>12.873.930.300</u>	<u>10.492.585.874</u>

32. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	253.764.732.222	35.415.969.918
Thu từ bồi thường và phí lưu tàu	28.732.770.835	31.423.699.730
Thu nhập khác	26.045.705.999	8.486.096.900
Thu nhập khác	<u>308.543.209.056</u>	<u>75.325.766.548</u>
Chi phí phạt	5.372.643.777	13.646.397
Chi phí khác	15.656.094.284	33.366.561.277
Chi phí khác	<u>21.028.738.061</u>	<u>33.380.207.674</u>
Lợi nhuận khác	<u><u>287.514.470.995</u></u>	<u><u>41.945.558.874</u></u>

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.456.871.731.170	1.040.216.695.657
Trừ: Lãi đầu tư vào công ty liên kết	(27.864.503.193)	(24.549.751.684)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.502.031.143	7.516.307.867
Điều chỉnh khác:		
Trừ: <i>Chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>	(120.475.561.204)	(217.787.733.620)
Cộng: <i>Chênh lệch tạm thời không được khấu trừ</i>	<u>137.473.344.706</u>	<u>182.192.416.705</u>
Thu nhập chịu thuế	1.450.507.042.622	987.587.934.925
Lỗ phát sinh tại công ty con	-	19.084.045.856
Thu nhập tính thuế	1.450.507.042.622	1.006.671.980.781
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	290.101.408.525	201.334.396.156
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo ND 92/2021/NĐCP	-	(603.444.217)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	(1.339.691.009)	(1.265.923.895)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	<u><u>288.761.717.516</u></u>	<u><u>199.465.028.044</u></u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trong năm (VND)	1.155.847.083.742	834.514.740.028
Phân bổ cho:		
- Cổ đông không kiểm soát (VND)	298.508.304.446	174.758.005.460
- Cổ đông của Công ty mẹ (VND)	857.338.779.296	659.756.734.568
Trừ: trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(48.286.234.950)	(37.158.203.343)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>809.052.544.346</u>	<u>622.598.531.225</u>
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u><u>2.500</u></u>	<u><u>1.924</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế năm tài chính như trên và số liệu ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bằng 5,6% lợi nhuận sau thuế, tương ứng với tỷ lệ trích trung bình trong năm 2021 của Công ty mẹ và các công ty con. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Tổng Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2022.

Ngoài ra lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được trình bày lại do ảnh hưởng của số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày VND	Thay đổi VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận trong năm (VND)	834.514.740.028	-	834.514.740.028
Trừ: Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(34.160.654.832)	(2.997.548.511)	(37.158.203.343)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	625.596.079.736	(2.997.548.511)	622.598.531.225
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.651.246	-	323.651.246
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.933	(9)	1.924

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty có kế hoạch chi trả 10% cổ tức chia bằng cổ phiếu trong quý 1 năm 2023. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lợi nhuận:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	809.052.544.346	622.598.531.225

Số cổ phiếu:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	323.651.246	323.651.246
Ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng	32.365.124	32.365.124
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	356.016.370	356.016.370

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	809.052.544.346	622.598.531.225
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	356.016.370	356.016.370
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.273	1.749

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty là bên đi thuê:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	173.198.113.819	123.945.321.529

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết với bên cho thuê không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	217.606.646.846	63.307.134.241
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	723.181.896.233	155.219.942.018
Sau năm năm	538.242.286.000	146.225.016.000
	<u>1.479.030.829.079</u>	<u>364.752.092.259</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê xe, thuê văn phòng, thuê tàu và thuê cơ sở hạ tầng của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản thuê xe được ký với thời hạn từ 1 năm tới 6 năm. Các khoản thuê văn phòng được ký cho các giai đoạn từ 1 năm đến 6 năm. Khoản thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 đến 7 năm. Các khoản thuê cơ sở hạ tầng được ký với thời hạn không quá 5 năm.

Tổng Công ty là bên cho thuê:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.646.518.806.544	980.585.553.127

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	436.251.841.354	512.631.950.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	296.625.000	200.596.722.000
	<u>436.548.466.354</u>	<u>713.228.672.000</u>

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền phải thu cho thuê tàu với thời hạn thuê từ 1 đến 2 năm.

36. CAM KẾT VỐN

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Công ty mẹ và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của các công ty con, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch đầu tư tài sản cố định trong năm 2022 với số tiền là 9.537 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty mẹ và các công ty con đã thực hiện khoản đầu tư tài sản cố định với giá trị hơn 1.643 tỷ đồng.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 22, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	3.690.772.139.478	3.246.466.091.024
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560
Nợ thuần	1.897.022.390.068	1.963.079.236.464
Vốn chủ sở hữu	8.014.058.773.970	6.963.197.715.178
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,24</u>	<u>0,28</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	1.283.386.854.560
Đầu tư tài chính	2.752.569.001.250	1.835.445.712.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.457.095.969.193	1.555.543.459.930
Tổng cộng	<u>6.003.414.719.853</u>	<u>4.674.376.026.995</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.690.772.139.478	3.246.466.091.024
Phải trả người bán và phải trả khác	1.462.782.276.082	1.349.730.636.294
Chi phí phải trả	229.891.449.879	177.418.356.405
Tổng cộng	<u>5.383.445.865.439</u>	<u>4.773.615.083.723</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Trong năm, Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã ký hợp đồng giao dịch phái sinh hoán đổi lãi suất số 01/HĐK.PSLS/TPBANK-GAS SHIPPING JSC ngày 05 tháng 4 năm 2022 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong để hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền là Việt Nam Đồng và Đô la Mỹ, tương ứng với khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong. Theo đó, định kỳ hàng quý Công ty sẽ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong theo lãi suất tính trên dư nợ vay danh nghĩa bằng Đô la Mỹ (bằng LIBOR 03 tháng cộng 5,2%/năm), và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong sẽ thanh toán tiền lãi cho Công ty theo lãi suất tính trên dư nợ vay danh nghĩa bằng Việt Nam Đồng (bằng LIBOR 03 tháng cộng 4,2%/năm).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các khách hàng và đối tác của Tổng Công ty đều là các bên có uy tín trên thị trường. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu quá hạn thanh toán, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng cho những khoản này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

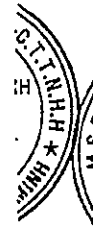
Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.793.749.749.410	-	-	1.793.749.749.410
Đầu tư tài chính	2.706.631.233.950	-	45.937.767.300	2.752.569.001.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.321.907.817.389	135.188.151.804	-	1.457.095.969.193
	5.822.288.800.749	135.188.151.804	45.937.767.300	6.003.414.719.853
Các khoản vay				
Phải trả người bán và phải trả khác	1.099.431.218.656	2.261.185.653.160	330.155.267.662	3.690.772.139.478
Chi phí phải trả	1.043.373.442.482	63.673.140.800	355.735.692.800	1.462.782.276.082
	229.891.449.879	-	-	229.891.449.879
	2.372.696.111.017	2.324.858.793.960	685.890.960.462	5.383.445.865.439
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.449.592.689.732	(2.189.670.642.156)	(639.953.193.162)	619.968.854.414
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.283.386.854.560	-	-	1.283.386.854.560
Đầu tư tài chính	1.789.507.945.205	-	45.937.767.300	1.835.445.712.505
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.445.732.726.492	109.810.733.438	-	1.555.543.459.930
	4.518.627.526.257	109.810.733.438	45.937.767.300	4.674.376.026.995
Các khoản vay				
Phải trả người bán và phải trả khác	778.354.285.393	1.997.943.168.980	470.168.636.651	3.246.466.091.024
Chi phí phải trả	810.836.959.454	183.157.984.040	355.735.692.800	1.349.730.636.294
	177.418.356.405	-	-	177.418.356.405
	1.766.609.601.252	2.181.101.153.020	825.904.329.451	4.773.615.083.723
Chênh lệch thanh khoản thuần	2.752.017.925.005	(2.071.290.419.582)	(779.966.562.151)	(99.239.056.728)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức vừa phải và tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (“PVN”)	Công ty mẹ
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (“PVEP”)	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Khí Việt Nam (Công ty con của PVN)
Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	Công ty liên doanh của PVN
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Chi nhánh của PVN
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (Công ty con của PVN)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên của PVN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau đây với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	1.753.686.230.187	1.577.618.127.839
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	640.295.668.397	794.851.515.892
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	615.160.466.154	435.223.979.183
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	455.912.576.417	443.401.100.737
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và công ty con	187.627.570.389	116.657.108.741
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	8.713.420.025	9.146.018.993
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	4.987.347.439	4.069.734.500
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	4.908.866.272	9.535.119.516
Thu nhập tài chính		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	<u>44.771.420.072</u>	<u>31.165.970.485</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác (phí lưu tàu)		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty cùng tập đoàn	4.285.607.441	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	<u>16.379.761.802</u>	<u>8.634.812.642</u>
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	427.501.482.715	187.877.521.393
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	204.544.384.993	237.901.613.022
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam và công ty con	187.545.588.968	116.717.989.350
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	95.507.312.246	97.017.346.249
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	84.469.277.267	73.843.337.106
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	83.325.127.788	70.764.493.866
Liên Doanh Việt Nga - Vletsovet	51.077.301.697	40.002.295.950
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	26.566.791.084	30.663.292.281
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	19.755.414.309	28.089.215.737
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	10.492.790.909	7.225.500.000
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.000.225.065	5.819.494.332
Công ty Điều Hành Dầu Khí Biển Đông	2.987.468.305	-
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	2.146.080.100	5.292.122.728
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	34.258.053.219
Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long	-	30.338.000.000
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	-	12.550.909.090
Chi phí lãi vay		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các công ty trong Tập đoàn	<u>47.494.647.880</u>	<u>62.182.855.281</u>
Cổ tức đã công bố và chi trả		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	<u>-</u>	<u>165.062.135.460</u>
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị:		
Ông Phạm Việt Anh	-	16.500.000
Ông Nguyễn Duyên Hiếu	36.000.000	19.500.000
Ông Mai Thế Toàn	-	16.500.000
Ông Nguyễn Đình Thanh	18.000.000	-
Ông Hoàng Đức Chính	18.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	90.000.000	-
Ông Đoàn Đình Thái	90.000.000	-
Ông Lê Mạnh Tuấn	18.000.000	36.000.000
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	<u>3.023.221.171</u>	<u>2.357.890.546</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác của Tổng giám đốc và Người quản lý (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng)	5.467.659.649	4.883.223.224
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	844.323.523	399.206.560

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	269.976.947.727	436.068.191.641
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	42.641.357.078	173.248.536.645
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	58.485.040.018	80.848.972.521
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	55.777.086.335	47.888.987.874
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	179.766.000	8.349.763.110
Tổng công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	1.602.047.476	-
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	128.530.414	128.530.414
Các bên liên quan khác	865.073.140	8.154.373.412
	429.655.848.188	754.687.355.617
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	2.557.192.175	10.821.600
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí	4.748.131.213	15.269.683.863
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	7.644.465.154	7.644.465.154
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	5.366.000	3.095.115.755
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	7.236.375.066	6.273.994.518
Các bên liên quan khác	14.890.251	580.066.471
	19.649.227.684	32.863.325.761

15/1
1A1
Y T
:T
VA
13/11

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	4.056.166.474	43.681.426.439
Tổng Công ty Dầu Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	34.034.609.507	18.854.206.430
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và các công ty con	8.655.441.054	17.843.125.789
Liên Doanh Việt Nga - Vietsovpetro	11.193.727.149	12.635.571.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.833.036.612	10.833.036.612
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	5.616.864.000	7.627.840.000
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	924.930.933	6.511.193.197
Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty cùng tập đoàn	2.720.697.538	3.621.868.061
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	3.639.210.000	3.429.150.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	3.487.904.182	-
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	2.188.192.999	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty cùng tập đoàn	1.824.564.874	217.500.000
Các bên liên quan khác	2.492.082.750	3.285.527.804
	<u>91.667.428.072</u>	<u>128.540.445.332</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	46.830.643.332	46.830.643.332
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	976.241.522	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) và các công ty cùng tập đoàn	-	2.855.825.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	1.014.750.000
	<u>47.806.884.854</u>	<u>50.701.218.332</u>
Phải trả dài hạn khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	418.803.033.600	418.803.033.600
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	308.226.622.098	384.605.504.806
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	169.638.192.164	271.506.954.668
	<u>477.864.814.262</u>	<u>656.112.459.474</u>
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	144.169.540.844	125.131.621.063
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	3.411.208.229	2.826.917.027
	<u>147.580.749.073</u>	<u>127.958.538.090</u>

39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ

Tiền chi trả lãi vay trong năm không bao gồm số tiền 17.714.368.074 đồng (năm 2021: 7.843.754.314 đồng), là khoản lãi vay phát sinh nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia trong năm không bao gồm số tiền 42.509.167.078 đồng (năm 2021: 28.284.866.708 đồng), là số lãi tiền gửi và cổ tức phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 9.843.961.570 đồng (2021: 7.562.183.690 đồng), là khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền nhưng chưa được thanh toán trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

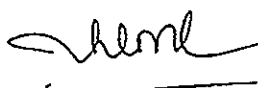
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm không bao gồm 11.790.157.436 đồng (2021: 14.820.434.704 đồng), là số tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay trình bày trên cơ sở thuần số tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay của các khoản vay ngắn hạn dưới 3 tháng. Vì vậy, chỉ tiêu "Tiền thu từ đi vay" và "Tiền trả nợ gốc vay" cùng được điều chỉnh giảm tương ứng một khoản tiền 304.089.614.806 đồng (2021: không phát sinh).

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại do Tổng Công ty phân loại lại khoản mục vốn khác của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước lên quan đến các khoản cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu của các công ty con thuộc Tổng Công ty với Công ty mẹ.

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	49.040.540.000	49.040.540.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	943.632.958.523	(49.040.540.000)	894.592.418.523
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	283.876.223.955	(49.040.540.000)	234.835.683.955




Trần Thị Thục Trang
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng




Nguyễn Duyên Hiếu
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2023

PHỤ LỤC 04

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**



**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
 VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2022
 CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I.	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC tại ngày 31/12/2022	904.294.520.169	
1	Lợi nhuận sau thuế đã được duyệt phân phối năm 2022 và đang thực hiện thủ tục	323.651.246.000	
	<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)</i>	<i>323.651.246.000</i>	<i>(10%/VĐL)</i>
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	580.643.274.169	
2.1	<i>Năm trước để lại</i>	<i>58.310.109.640</i>	
2.2	<i>Năm 2022 (BCTC đã kiểm toán)</i>	<i>522.333.164.529</i>	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	578.471.703.286	
1	Chia cổ tức bằng tiền mặt (**)	97.095.373.800	<i>(3%/VĐL)</i>
2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (***)	356.016.370.000	<i>(10%/VĐL)</i>
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	94.019.969.615	= [I.2.2] x 18%
4	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.116.658.226	= [I.2.2] x 5%
5	Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	5.223.331.645	= [I.2.2] x 1%
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	2.171.570.883	= [I.2] – [II]

Ghi chú:

(*) Năm 2022, ĐHĐCĐ phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%/ Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2021 là 3.236.512.460.000 đồng) theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022. Tổng công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục theo quy định.

(**) Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt từ LNST chưa phân phối năm 2022 là 3% trên Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2022 là 3.236.512.460.000 đồng).

(***) Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST chưa phân phối của năm 2022 dự kiến thực hiện sau khi Tổng công ty hoàn thành tăng vốn lên 3.560 tỷ đồng theo NQ số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 của ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022.

2. Giao cho Hội đồng Quản trị

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 theo phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Thực hiện thủ tục để phân phối lợi nhuận năm 2022 và quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 05

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.916,2	3.916,2
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.800,0	2.550,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	680,0	430,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	538,0	373,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	296,0	170,0
6	Cổ tức	%		10%

2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
I	Tổng vốn đầu tư	4.114,0
1	Đầu tư tàu	3.854,0
2	Đầu tư góp vốn vào các ĐVTV	260,0
II	Nguồn vốn đầu tư	4.114,0
1	Vốn chủ sở hữu	1.416,2
2	Vốn vay + khác	2.697,8

Ghi chú: - Tỷ giá xây dựng kế hoạch năm 2023: 1 USD = 23.500 VND
- Chi tiết tại phụ lục gửi kèm.

Phụ lục đính kèm
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023 CỦA CÔNG TY MẸ

Stt	Tên dự án		Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác	
1	2	3	4	5	6	7
A	Các dự án đầu tư công ty mẹ	Tỷ đồng	4.114,0	1.416,2	2.697,8	
	- Ngoại tệ	Tr. USD	164,0	49,2	114,8	
	- Nội tệ	Tỷ đồng	270,8	270,8	-	
I	Dự án đầu tư tàu	Tr. USD	164,0	49,2	114,8	
1	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời khoảng 25.000 – 65.000 DWT hoặc 01 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	22,0	6,6	15,4	Dự án chuyển tiếp
2	Đầu tư 02 tàu chở dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT hoặc đầu tư 02 tàu gồm 1 tàu MR khoảng 35.000-55.000 DWT và 1 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	40,0	12,0	28,0	Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu
3	Đầu tư 01 tàu chở dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT hoặc 01 tàu hàng rời khoảng 25.000 – 65.000 DWT	Tr. USD	22,0	6,6	15,4	Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu
4	Đầu tư 01 tàu chở dầu MR khoảng 35.000-55.000 DWT hoặc 1 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	25,0	7,5	17,5	Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu
5	Đầu tư 01 tàu chở khí loại VLGC khoảng 72.000-85.000 CBM hoặc 01 tàu VLCC khoảng 200.000-320.000 DWT	Tr. USD	55,00	16,50	38,50	Dự án đầu tư mới năm 2023
II	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	260,0	260,0		
1	Góp vốn bổ sung Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Tỷ đồng	104,00	104,00		Dự án chuyển tiếp
2	Góp vốn bổ sung Công ty CP Hàng hải Thăng Long	Tỷ đồng	90,00	90,00		Dự án chuyển tiếp
3	Mua lại 10% vốn điều lệ tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tỷ đồng	13,00	13,00		Dự án chuyển tiếp
4	Góp vốn bổ sung Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tỷ đồng	53,00	53,00		Dự án góp vốn mới

Ghi chú: - Tỷ giá xây dựng kế hoạch năm 2023: 1 USD = 23.500 VND.

- Tùy theo tình hình thị trường, khả năng thu xếp vốn vay, cân đối vốn chủ sở hữu, PVTrans sẽ thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo hiệu quả và theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ PVTrans

PHỤ LỤC 06

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm 2021-2025
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Thông qua Kế hoạch hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như Phụ lục đính kèm.

Căn cứ định hướng, mục tiêu kế hoạch 5 năm được thông qua, Đại hội đồng cổ đông thông qua và giao cho Hội đồng Quản trị trên cơ sở tình hình thị trường, kịp thời cập nhật điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp nhằm đảm bảo vượt qua các thách thức, tận dụng được các cơ hội để đạt được mục tiêu, kết quả cao nhất cho Tổng công ty.

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) ổn định, bền vững, khẳng định vị thế là công ty vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí hàng đầu tại Việt Nam. Xây dựng phát triển PVTrans trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế.

2. Đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ vận tải và hàng hải dầu khí. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội, đảm bảo sự ổn định, nâng cao thu nhập và điều kiện sống cho CBCNV.

3. Bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế với việc bảo đảm an ninh năng lượng, chủ quyền biển đảo và bảo vệ môi trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì vị thế Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí là doanh nghiệp vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất tại Việt Nam. Xây dựng, phát triển PVTrans thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cung ứng toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Lĩnh vực vận tải dầu thô

- Đối với NMLD Dung Quất: Giữ vững thị phần vận chuyển nội địa với 100% lượng dầu thô đầu vào cho NMLD Dung Quất từ các mỏ trong nước.

- Đối với NMLHD Nghi Sơn: Đảm nhận vận chuyển 25-30% sản lượng nguyên liệu đầu vào, khoảng 3,1 triệu tấn dầu thô.

- Đối với thị trường quốc tế: Đẩy mạnh khai thác các tuyến quốc tế với tàu Aframax (sở hữu và thuê lại), tàu VLCC và tàu Suemax dưới hình thức cho thuê định hạn hoặc COA dài hạn.

2.2. Lĩnh vực vận tải khí

- Thị trường vận tải LPG bằng tàu định áp: PVTrans đầu tư tàu định áp theo hướng thay thế các tàu cũ để duy trì số lượng tàu và vị thế của PVTrans tại thị trường nội địa và hướng tới tham gia vận chuyển hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong khu vực.

- Thị trường vận tải LPG bằng tàu VLGC: Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho NMLD Dung Quất, PVGas và Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn... Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải LPG trên thị trường quốc tế. Phấn đấu đầu tư 06 tàu VLGC tham gia khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải LPG trên thị trường quốc tế.

- Vận tải LNG: PVTrans nghiên cứu xem xét, đầu tư tàu để tham gia thị trường quốc tế trong thời gian tới để mở rộng thị trường vận tải LNG trên thị trường quốc tế, góp phần tăng quy mô phương tiện, năng lực vận chuyển LNG của PVTrans.

2.3. Lĩnh vực vận tải dầu sản phẩm/hóa chất

- Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho NMLD Dung Quất và NM Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải dầu sản phẩm, hóa chất trên thị trường quốc tế.

2.4. Lĩnh vực vận tải hàng rời

- Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn. Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải than trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Đối với các Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Thái Bình 2, Long Phú 1, Sông Hậu 1: Phân đầu đảm nhận vận chuyển ít nhất 50% khối lượng than đầu vào cho Nhà máy.

- Mục tiêu phát triển đội tàu PVTrans: Phân đầu đến năm 2025 đầu tư 12 tàu.

2.5. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí (FSO/FPSO)

- Tiếp tục duy trì cung cấp tàu FSO phục vụ khai thác Mỏ Đại Hùng cho PVEP POC, nỗ lực vận hành tàu với uptime 100% và kiểm soát chi phí O&M.

- Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ O&M.

2.6. Dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật cho đội tàu hiện hữu và các tàu đầu tư mới của PVTrans.

- Bên cạnh các khách hàng trong nước đang sử dụng dịch vụ quản lý kỹ thuật, tìm kiếm mở rộng thêm các khách hàng ngoài nước.

- PVTrans sẽ thành lập trung tâm đào tạo và cung ứng thuyền viên để tiến hành đào tạo thuyền viên phục vụ đội tàu và xuất khẩu cho các đội tàu trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh cung cấp thuyền viên cho các thị trường hiện hữu như Hàn Quốc. Mở rộng sang thị trường Nhật Bản và hướng đến các chủ tàu Châu Âu.

2.7. Dịch vụ hậu cần Logistics

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và dầu sản phẩm cho đội tàu PVTrans và tàu bên ngoài tại Dung Quất, Nghi Sơn và Vũng Tàu.

- Bên cạnh các khách hàng hiện hữu, tìm kiếm mở rộng thêm mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước.

- Tổ chức đào tạo bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn sâu về logistics nhằm tiến tới phát triển hệ thống mạng lưới đại lý có năng lực tại nước ngoài, tạo ra hệ thống dịch vụ logistics khép kín, chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín của đội tàu PVTrans trên thị trường quốc tế.

2.8. Phát triển, mở rộng chuỗi liên kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm xăng dầu giữa các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí

- PVTrans sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc vận chuyển toàn bộ dầu thô đầu vào cho NMLD Dung Quất mua từ các mỏ nội địa, cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu thô nhập khẩu bằng tàu VLCC cho NMLHD Nghi Sơn làm tiền đề cho việc đầu tư tàu VLCC và cung cấp dịch vụ dài hạn cho nhà máy này; Vận chuyển bao tiêu toàn bộ sản lượng xăng dầu do PVOIL mua từ các NMLD trong nước; Vận chuyển toàn bộ nhu cầu phân phối LPG bằng đường biển cho PVGAS, BSR; Vận chuyển than cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí...

III. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

1. Lĩnh vực vận tải dầu thô

- Tiếp tục làm việc với các bên liên quan để chuẩn bị, xây dựng phương án tham gia vận chuyển dầu thô dài hạn và hiệu quả bằng tàu VLCC cho NSRP.

- Chú trọng việc mở rộng thị trường vận tải dầu thô trên các tuyến quốc tế, đảm bảo khai thác đội tàu an toàn, hiệu quả, từng bước xây dựng thương hiệu trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu dầu thô dưới nhiều hình thức, đặc biệt là thuê tàu trần dài hạn... phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu dầu thô của PVTrans.

- Tập trung hoàn thiện bộ máy quản lý tàu bao gồm quản lý kỹ thuật, an toàn và thuyền viên để có thể vận hành độc lập, đáp ứng yêu cầu khai thác đội tàu của Tổng công ty.

2. Lĩnh vực vận tải khí

- Tổ chức quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu chở khí LPG thông qua sắp xếp, bố trí tàu một cách tối ưu, giữ vững thị trường LPG nội địa, vận chuyển khí LPG đầu ra cho NMLD Dung Quất, PVGas và NMLD Nghi Sơn.

- Đẩy mạnh hoạt động vận chuyển quốc tế, mở rộng thị trường và nâng tầm thương hiệu trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, kỹ thuật.

- Duy trì được chứng nhận của các chủ tàu lớn Oil majors đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế.

- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu VLGC, đặc biệt là phương án thuê tàu trần dài hạn... phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu VLGC.

3. Lĩnh vực vận tải dầu sản phẩm/hóa chất

- Tiếp tục duy trì và phát triển mảng dịch vụ vận chuyển dầu sản phẩm nội địa cho PV Oil từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn, vận chuyển dầu sản phẩm cho các đơn vị đầu mối kinh doanh xăng dầu khác.

- Chú trọng việc mở rộng thị trường vận tải dầu sản phẩm/hóa chất trên thị trường quốc tế đảm bảo chủ động và linh hoạt trong kế hoạch khai thác đội tàu.

- Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành, hoàn thiện áp dụng mô hình quản lý TMSA để đáp ứng yêu cầu của khách hàng là các Oil Major và các khách hàng lớn.

- Kiểm soát tốt chi phí bảo dưỡng và sửa chữa đội tàu dầu/ hóa chất của PVTrans một cách hợp lý, vừa đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt nhất, nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Lĩnh vực vận tải hàng rời

- Tích cực làm việc với các bên liên quan để gia tăng cơ hội tham gia vận chuyển than đầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện trong nước.

- Tận dụng nguồn lực và đa dạng hóa thị trường thông qua mở rộng cung cấp các dịch vụ vận chuyển hàng rời cho các khách hàng trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu phương án tham gia chuỗi cung ứng than hoàn chỉnh bao gồm hoạt động kinh doanh thương mại và vận chuyển than cho các NMNE và khách hàng tiêu thụ số lượng lớn tại Việt Nam.

5. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí (FSO/FPSO)

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả kho nổi FSO PVN Đại Hùng Queen, đảm bảo thời gian làm việc liên tục, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.

- Tổ chức thực hiện dịch vụ O&M giàn CPP mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt phối hợp chặt chẽ với khách hàng đảm bảo hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả, giữ vững chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường công tác marketing, tiếp cận các khách hàng, đặc biệt theo dõi sát tiến trình khai thác các mỏ mới. Tích cực làm việc với các bên liên quan, chuẩn bị nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án cung cấp FPSO/FSO như Lạc Đà Vàng, Block B...

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 45000, ISO 14000 và ISM Code.

- Tích cực mở rộng quan hệ hợp tác, tìm kiếm và phối hợp tham gia đấu thầu các dự án cung cấp và vận hành bảo dưỡng các công trình dầu khí trên biển (FSO, FPSO, CPP, WHP) trong nước và khu vực trên cơ sở tận dụng đội tàu dầu thô hiện hữu và năng lực cạnh tranh của dịch vụ O&M.

6. Dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội mở rộng và phát triển dịch vụ logistics trong lĩnh vực hàng hải, hàng không và đường bộ cho các khách hàng, chủ tàu trong và ngoài nước.

- Duy trì và thu hút đội ngũ cán bộ có đủ bề dày kinh nghiệm, năng lực và tâm huyết để thực hiện thành công các dự án thuộc lĩnh vực logistics.

7. Dịch vụ hậu cần Logistics

- PVTrans tiếp tục tham gia các lĩnh vực cốt lõi trong chuỗi liên kết giá trị của Tập đoàn như sau:

- Vận chuyển dầu thô và sản phẩm dầu khí (xăng, dầu, condensate, ethanol, mazut, MGO, phân bón, PP, Polyester, ...) bao gồm cả nhập khẩu và phân phối trong nước.

- Vận chuyển khí và các sản phẩm khí ngoài đường ống.

- Vận chuyển than.

- Dịch vụ cung cấp, quản lý khai thác, vận hành, các phương tiện xử lý, chứa và xuất dầu thô (tàu FSO, FPSO, MOPU...) phục vụ hoạt động khai thác dầu khí.

- Dịch vụ logistics, kho vận, đại lý vận tải biển.

PHỤ LỤC 2
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
A	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
I	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất				
1	Tổng doanh thu	1000 tỷ đồng	39,5 - 42,0	≈3%	
2	Lợi nhuận trước thuế	1000 tỷ đồng	4,9 - 6,0	≈5%	
3	Lợi nhuận sau thuế	1000 tỷ đồng	3,8 - 4,5	≈5%	
4	Nộp NSNN	1000 tỷ đồng	2,3 - 2,7	≈3%	
II	Chỉ tiêu tài chính Công ty Mẹ	1000 tỷ đồng			
1	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	1000 tỷ đồng	5,0 - 6,0		
-	Vốn điều lệ	1000 tỷ đồng	3,9		
2	Doanh thu	1000 tỷ đồng	14,5 - 15,5	≈3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	1000 tỷ đồng	2,7 - 3,2	≈5%	
4	Lợi nhuận sau thuế	1000 tỷ đồng	2,2 - 2,5	≈5%	
5	Nộp NSNN	1000 tỷ đồng	1,4 - 1,6	≈7%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	8%-16%		
7	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6%-11%		
8	Trích các quỹ	1000 tỷ đồng	0,5 - 0,8		
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Phê duyệt cụ thể theo từng năm		
B	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ				
I	Nhu cầu đầu tư	1000 tỷ đồng	7,0 - 9,0		
1	Đầu tư XDCB - MSTTB	1000 tỷ đồng	6,3 - 8,0		
2	Đầu tư tài chính	1000 tỷ đồng	0,7 - 1,0		
II	Nguồn vốn		7,0 - 9,0		
1	Vốn chủ sở hữu	1000 tỷ đồng	2,7 - 3,5		
2	Vốn vay + khác	1000 tỷ đồng	4,3 - 5,5		
D	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC				
1	Lao động và thu nhập				
-	Số lao động cuối kỳ	Người	2.916,0		
-	Thu nhập bình quân	Trđ/ng tháng	26,7		
-	Năng suất lao động	Trđ/ng tháng	270,4		
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	13.784,0		
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	41,9		

Ghi chú:

- Giá dầu kế hoạch tạm tính là 60 USD/thùng
- Tỷ giá trung bình/năm: 1 USD = 23.500 VNĐ

PHỤ LỤC 07

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua
phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.560 TỶ ĐỒNG LÊN 3.916 TỶ ĐỒNG
THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

- Thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022” với chi tiết như đính kèm
- Giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau:
 - + Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu trả cổ tức gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác. Chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Tổng Công ty.
 - + Thực hiện đăng ký chứng khoán niêm yết bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD); Thủ tục thay đổi niêm yết số cổ phiếu phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đối với số lượng cổ phần được phát hành.
 - + Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến thay đổi vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
 - + Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.560 TỶ ĐỒNG LÊN 3.916 TỶ ĐỒNG
THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

2. Kết quả SXKD năm 2022 của PVTrans:

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn, trong đó đến từ xung đột chính trị Nga-Ukraine, các biện pháp trừng phạt từ Mỹ và các nước Châu Âu, diễn biến dịch bệnh vẫn còn phức tạp... Theo đó thị trường vận tải biển năm 2022 cũng có nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, với nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Tổng công ty PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể:

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2022:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
1	Doanh thu	6.500,0	9.576,9	147%
2	Lợi nhuận trước thuế	600,0	1.456,9	243%
3	Lợi nhuận sau thuế	480,0	1.155,8	241%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245,0	520,76	213%

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2022:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
1	Doanh thu	2.450,0	3.477,0	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	400,0	631,0	158%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
3	Lợi nhuận sau thuế	325,0	522,0	161%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	150,0	238,9	159%

Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2020-2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,06	1,86	2,31
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,53	1,16	1,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38%	39%	33%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62%	65%	49%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	55,6	55,2	47,6
Vòng quay các khoản phải thu	lần	4,4	3,6	6,7
Vòng quay các khoản phải trả	lần	4,9	4,9	8,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
LNST /Doanh thu thuần	%	19%	17%	16%
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11%	11%	11%
LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	7%	7%	7%
LN thuần từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	18%	18%	18%

Năm 2022, PVTrans đã có sự tăng trưởng vượt trội trong kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính lành mạnh, các chỉ tiêu tài chính đều tốt hơn so với năm trước và đạt được những giải thưởng có giá trị. Trong năm, PVTrans tiếp tục được xướng danh ở giải thưởng doanh nghiệp xuất sắc châu Á năm 2022 của Asia Pacific Entrepreneurship Awards (APEA) và lọt vào Top 10 công ty uy tín ngành logistics năm 2022, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam của Vietnam Report. Đây là năm đầu tiên PVTrans được tôn vinh và trao chứng nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.

Để giữ vững đà tăng trưởng và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị đã xây dựng phương án tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10%VĐL.

3. Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2022:

3.1. Điều kiện pháp lý:

Căn cứ Điều 60 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, điều kiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

“Điều 60. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Có phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đủ để trả cổ tức. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, lợi nhuận quyết định phân phối không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định phân phối thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

3. Có phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua....”

PVTrans dự kiến phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2022 đã được Deloitte kiểm toán. Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHĐCĐ thông qua phương án, PVTrans có đủ điều kiện để triển khai phương án.

3.2. Chi tiết phương án phát hành

- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu của PVTrans có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của PVTrans và đảm bảo các quy định hiện hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 10% VĐL nghĩa là 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu mới).
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành (dự kiến sau khi thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2021): 356.016.370 (Ba trăm năm mươi sáu triệu không trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi) cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 35.601.637 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một ngàn sáu trăm ba mươi bảy) cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 356.016.370.000 (Ba trăm năm mươi sáu tỷ không trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn) đồng.
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 391.618.007 (Ba trăm chín mươi một triệu sáu trăm mười tám ngàn lẻ bảy) cổ phiếu.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2023-2024.
- VĐL dự kiến của PVTrans sau khi phát hành: 3.916.180.070.000 đồng (số VĐL

chính xác sẽ được xác định sau khi chốt danh sách cổ đông).

▪ Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022, chi tiết:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị	Ghi chú
1	Nguồn tăng vốn từ LNST lũy kế đến 31/12/2022	đồng	580.643.274.169	
2	Số tiền tăng vốn cổ phần	đồng	356.016.370.000	
3	Tỷ lệ tăng vốn cổ phần /VĐL ^(*)	%	10%	<i>(*) VĐL dự kiến sau khi hoàn tất việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 đã được phê duyệt là 3.560 tỷ đồng</i>

3.3 Mục đích phát hành

Bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của PVTrans.

PHỤ LỤC 08

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023
của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**THÙ LAO, PHỤ CẤP, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

I. Tình hình thực hiện thù lao, phụ cấp, tiền lương, thu nhập của HĐQT, BKS năm 2022:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí về kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2022, tình hình thực hiện thù lao, phụ cấp, tiền lương, thu nhập của HĐQT, BKS như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 15.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2022 là **318.000.000 đồng**.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách (03 người, trong đó 01 thành viên đảm nhiệm chức vụ 06 tháng) là **3.711.173.809 đồng** và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là **923.526.088 đồng** (*Chi tiết được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên*).

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2022 là 443.584.100 đồng (bao gồm các Công tác phí, chi phí vé máy bay, khách sạn và các chi phí khác).

II. Kế hoạch thù lao, phụ cấp, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2023

Tổng công ty xây dựng kế hoạch thù lao, phụ cấp, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2023 trên cơ sở Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH; các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Tổng công ty như sau:

- Phụ cấp Thành viên độc lập HĐQT: 20.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm:
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, không điều hành : 20.000.000 đồng/người/tháng;
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm tham gia điều hành : 5.000.000 đồng/người/tháng;
 - + Thành viên Ban kiểm soát : 9.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiền lương, tiền thưởng của các Thành viên trong HĐQT, BKS chuyên trách: Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH; các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Tổng công ty.

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023 được thực hiện theo quy định hiện hành của PVTrans và được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

PHỤ LỤC 09

*(Đính kèm Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
ĐỂ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của PVTrans trong năm 2023, cụ thể:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

2. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2023 theo quy định hiện hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ỨNG CỬ VIÊN BẦU BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Về bản thân:

- Họ và tên: **NGÔ THỊ THU LINH** Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1973 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ: Thạc sỹ Luật

2. Trình độ học vấn:

Thời gian	Nơi đào tạo/bằng cấp
4/2010 - 11/2011	Tham gia khóa đào tạo luật sư tại Học Viện Tư pháp. Tập sự và thi lấy chứng chỉ hành nghề của Bộ Tư pháp và tham gia Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.
01/1996 - 6/1998	Thạc sỹ Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
12/1995- 8/1998	Cử nhân thương mại quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
12/1992- 6/1995	Cử nhân tiếng Anh, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội
9/1990- 8/1994	Cử nhân Luật, Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
10/2020 – nay	Luật sư – Trưởng phòng Pháp chế và Đối ngoại - Tổng công ty Viglacera - CTCP
12/2019 – 10/2020	Luật sư – cố vấn pháp lý cấp cao
05/2012 - 11/2019	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Tập đoàn HB Group
04/2012 – 12/2014	Giám đốc, Người đại diện pháp luật, Luật sư - Công ty Luật TNHH An Thịnh
03/2011 – 04/2012	Phó Trưởng Ban Pháp chế - Tập đoàn Sun Group
04/2009 – 03/2011	Chuyên viên pháp lý - Phòng Pháp chế và Đối ngoại - Tổng công ty Viglacera - CTCP
03/2004–10/2008	Chuyên viên Vận Tải - Bộ Giao thông vận tải
10/1994–02/2004	Phó Trưởng phòng Pháp chế - Cục Hàng không VN

4. Các lợi ích liên quan tới Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí: Không

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí PV Trans

Mã số doanh nghiệp: 0302743192, đăng ký lần đầu ngày 7/5/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 21/06/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Thời gian họp đại hội đồng cổ đông: 08 giờ 00 ngày 11/04/2023.

Địa điểm tổ chức đại hội đồng cổ đông: tại Lầu 2 - Khách sạn Lotte Legend Hotel Saigon, 2A-4A Đường Tôn Đức Thắng – Quận 1 – Tp. Hồ Chí Minh.

CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Chủ tọa đại hội

Theo qui định của Điều lệ Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty - Ông Phạm Việt Anh - là chủ tọa điều hành đại hội.

2. Cổ đông tham dự

ĐHĐCĐ đã nghe ông Lê Thiện Nhật – Tổ kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả xác nhận tư cách Cổ đông dự họp như sau:

Ngày 11/04/2023 Tổng công ty đã tiến hành việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/03/2023.

Tổng số cổ đông có mặt tại đại hội vào thời điểm khai mạc là 79 cổ đông đại diện cho 214.401.902 cổ phần, bằng 66,24% cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/3/2023 (*Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông - đính kèm Biên bản này*).

Căn cứ vào Điều 145 của Luật Doanh nghiệp 2020 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết”. Vì vậy ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đủ điều kiện tiến hành.

3. Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và kiểm phiếu

Ban Tổ chức đã giới thiệu và toàn thể đại hội đã thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách Cổ đông và kiểm phiếu như sau:

Đoàn chủ tịch:

- 1) Ông Phạm Việt Anh - Chủ tịch HĐQT
- 2) Ông Nguyễn Duyên Hiếu – thành viên HĐQT, TGD



3) Bà Nguyễn Linh Giang - thành viên HĐQT

Ban Thư ký:

1) Bà Nguyễn Hồng Vân – Người phụ trách quản trị Tổng công ty

2) Bà Bùi Lan Anh – Chuyên viên Ban KHĐT

Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Kiểm phiếu:

1) Bà Vũ Thị Phương Nga, Trưởng Ban KHĐT – Tổ trưởng;

2) Ông Lê Thiện Nhật, Phó Ban KHĐT – Tổ phó;

3) Ông Đào Hà Thanh, Phó Chánh Văn phòng - Tổ phó;

4) Ông Phạm Văn Hưng, TP Ban KHĐT – Tổ viên;

5) Bà Nguyễn Đình Tú Nhi, TP Ban KHĐT – Tổ viên;

6) Ông Lê Trọng An, PP. Ban KHĐT – Tổ viên;

7) Ông Đỗ Xuân Đường, Chuyên viên IT – Tổ viên

8) Ông Nguyễn Huy Bảo, Chuyên viên IT – Tổ viên

4. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và thành viên Ban điều hành tham dự ĐHĐCĐ.

4.1 Thành viên Hội đồng quản trị

1) Ông Phạm Việt Anh - Chủ tịch HĐQT

2) Ông Nguyễn Duyên Hiếu - thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

3) Bà Nguyễn Linh Giang - thành viên HĐQT

4) Ông Nguyễn Đình Thanh - thành viên HĐQT

5) Ông Hoàng Đức Chính - thành viên HĐQT

6) Ông Đoàn Đình Thái - thành viên HĐQT độc lập

7) Bà Nguyễn Thị Thu Hương - thành viên HĐQT độc lập

4.2 Thành viên Ban Kiểm soát

1) Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban

2) Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm soát viên

3) Kim Kwang Hyuk– Kiểm soát viên

4.3 Thành viên Ban điều hành

1) Ông Nguyễn Duyên Hiếu - Tổng Giám đốc

2) Ông Nguyễn Đình Thanh – Phó Tổng Giám đốc

3) Ông Nguyễn Quốc Thịnh – Phó Tổng Giám đốc

4) Ông Nguyễn Việt Long – Phó Tổng Giám đốc

5) Ông Lê Mạnh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

6) Ông Đỗ Đức Hùng – Kế toán trưởng

5. Đoàn Chủ tịch đại hội đã công bố đại diện của đơn vị kiểm toán độc lập có tham dự ĐHĐCĐ

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam

1.02
TỔ
C
C
C

- Người đại diện: Ông Võ Thái Hòa – Phó Tổng Giám đốc

II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP

A. Khai mạc đại hội và thông qua các quy chế đại hội:

1. Đoàn Chủ tịch đại hội đã tuyên bố khai mạc đại hội
2. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Chương trình nghị sự, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết, Quy chế bầu cử,

B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội

- 1) Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị (Phụ lục 1).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,91% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 2) Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát (Phụ lục 2).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,99% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 3) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (Phụ lục 3).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,99% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 4) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 (Phụ lục 4).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,99% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 5) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 (Phụ lục 5).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,99% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 6) Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm 2021-2025 (Phụ lục 6).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,93% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 7) Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2022 (Phụ lục 7).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,04% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 8) Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch thù lao năm 2023 (Phụ lục 8).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,90% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 9) Việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 (Phụ lục 9).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 99,98% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

- 10) Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028

10.1 Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên đối với Ông Kim Kwang Hyuk do có đơn từ nhiệm.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 94,30% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

274315
CÔNG
PHÂN
TÀI
KHÍ
HỒ C

10.2 Thông qua danh sách ứng cử Kiểm soát viên (lý lịch ứng viên đính kèm) để bầu kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028

1. Bà Ngô Thị Thu Linh

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 94,30% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

10.3 Kết quả bầu Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028

Kiểm soát viên được bầu:

1. Bà Ngô Thị Thu Linh

Đạt được 222.086.204 phiếu bầu

C. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông

Nội dung tóm tắt các ý kiến phát biểu của cổ đông và trả lời của Đoàn Chủ tịch Đại hội như Phụ lục đính kèm.

D. Thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Nguyễn Hồng Vân thay mặt ban Thư ký Đại hội đã trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội. Đại hội đã tiến hành biểu quyết và 100% cổ đông tham dự đại hội thống nhất biểu quyết thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

E. Bế mạc Đại hội

Ban Chủ tọa tại Đại hội công bố Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí đã được tổ chức theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật. Đại hội kết thúc vào hồi 12h00 ngày 11/4/2023.

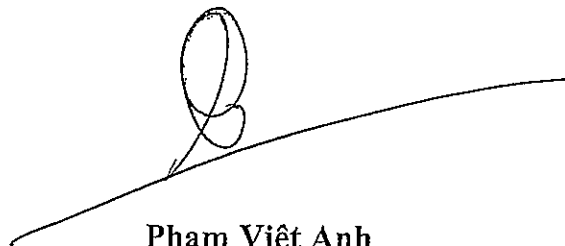
Biên bản này đã được đọc và được toàn thể Đại hội thông qua. Biên bản được lập thành 04 bản lưu tại Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí.

TM. BAN THƯ KÝ



Nguyễn Hồng Vân

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Việt Anh

PHỤ LỤC 01

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Báo cáo hoạt động năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022

1. Các thành viên Hội đồng quản trị

➤ Hội đồng quản trị (HĐQT) hiện tại của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí bao gồm 07 thành viên, cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Duyên Hiếu - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3. Bà Nguyễn Linh Giang - Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên HĐQT
5. Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên HĐQT
6. Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên HĐQT độc lập
7. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thành viên HĐQT độc lập

➤ Trong năm 2022 có sự thay đổi về thành viên HĐQT, cụ thể:

- Ngày 30/6/2022 ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua việc miễn nhiệm/bổ nhiệm thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Miễn nhiệm thành viên HĐQT hết nhiệm kỳ 2017- 2022:

1. Ông Phạm Anh Tuấn
2. Ông Phạm Việt Anh
3. Ông Lê Mạnh Tuấn

+ Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 -2027:

1. Ông Phạm Việt Anh
2. Ông Nguyễn Đình Thanh
3. Ông Hoàng Đức Chính
4. Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên HĐQT độc lập
5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thành viên HĐQT độc lập

➤ Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí hoạt động theo Điều lệ Tổng công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ và các quy chế khác của Tổng công ty.

2. Hoạt động của HĐQT Tổng công ty

Năm 2022, mặc dù nền kinh tế từng bước phục hồi sau đại dịch Covid-19, kéo theo

sự gia tăng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu phục vụ SXKD và vận chuyển. Tuy nhiên, cuộc xung đột chính trị Nga – Ukraine diễn ra dẫn đến nền kinh tế toàn cầu đối mặt nhiều bất ổn, dẫn đến các hệ lụy như tăng trưởng kinh tế giảm sút, lạm phát tăng cao, điều kiện tài chính thắt chặt và làn sóng tăng lãi suất, nguy cơ suy thoái kinh tế ngày rõ nét, gây áp lực lên nhu cầu tiêu dùng.

Trước tình hình đó, HĐQT Tổng công ty đã phát huy triệt để vai trò của mình trong việc định hướng chiến lược, lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch XSKD năm 2022 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, kịp thời ban hành nhiều chủ trương, các giải pháp linh hoạt, đồng bộ, chỉ đạo quyết liệt các vấn đề quan trọng trong hoạt động SXKD như chiến lược phát triển và đầu tư, công tác quản trị, quản lý vốn, công tác nhân sự để đạt mục tiêu khai thác tối đa lợi thế, tận dụng các cơ hội để duy trì và nâng cao mức độ tăng trưởng của Tổng công ty trong những năm gần đây.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của HĐQT, Tổng công ty PVTrans đạt được những kết quả sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản, cụ thể như sau:
 - + Chỉ tiêu doanh thu hợp nhất đạt **9.577 tỷ đồng**, tương đương 147% kế hoạch năm.
 - + Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **1.457 tỷ đồng**, tương đương 243% kế hoạch năm.
 - + Chỉ tiêu nộp ngân sách Nhà nước hợp nhất đạt **521 tỷ đồng**, tương đương 213% kế hoạch năm.

- Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, vị thế và uy tín của PVTrans trong ngành dầu khí và vận tải biển được duy trì và củng cố trong năm 2022: PVTrans tiếp tục được vinh danh lần thứ 3 ở hạng mục giải thưởng “Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á” (Corporate Excellence Award), tiếp tục nằm trong Top 200 các doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất và doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 (theo Vietnam Report). PVTrans cũng thu hút sự quan tâm và nhận được sự đánh giá cao của nhà đầu tư nhờ kết quả SXKD tích cực và triển vọng tăng trưởng từ việc mở rộng quy mô, phát triển đội tàu. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu PVT tăng giá và duy trì tính thanh khoản cao, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và uy tín của doanh nghiệp.

- Công tác quản lý/quản trị: Năm 2022 có nhiều sự thay đổi về nhân sự và cơ cấu thành viên, HĐQT có 7 thành viên bao gồm 2 thành viên HĐQT độc lập là các thành viên mới. Vì vậy, việc thiết lập cơ chế hoạt động nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động đúng nguyên tắc, quy chế làm việc, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ vai trò của HĐQT, phát huy tối đa vai trò của từng cá nhân TV HĐQT, sức mạnh tập thể được HĐQT hết sức chú trọng. Công tác kiểm tra/ giám sát nhằm rà soát, chấn chỉnh công tác điều hành tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên luôn được HĐQT Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sâu sát, triệt để, trong đó bao gồm việc rà soát, xây dựng hoàn thiện các cơ chế, quy chế trong quản lý quản trị, tài chính kế toán, đầu tư, thương mại, tổ chức nhân sự, việc tổ chức các cuộc kiểm tra, kiểm toán nội bộ để phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai sót, yếu kém trong hoạt động SXKD, không tạo kẽ hở trong quản lý và nâng cao hiệu quả quản trị trong Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Từng bước xây dựng hệ thống quản lý và đẩy mạnh việc sắp xếp, đào tạo, luân chuyển, kiện toàn bổ sung các cán bộ chủ chốt có

năng lực cho Tổng công ty. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và an toàn cho tàu, kiểm soát chặt chẽ các định mức kinh tế kỹ thuật, cung cấp vật tư và dịch vụ cần thiết nhằm đảm bảo cho các tàu hoạt động liên tục, an toàn, hiệu quả và tiết kiệm. Trong năm 2022, HĐQT cũng đã tổ chức hội nghị về công tác quản lý vốn, sửa đổi và ban hành quy chế quản lý vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; sửa đổi và ban hành quy chế kiểm toán nội bộ cho phù hợp với thông tư của Bộ Tài Chính và đặc thù của PVTrans.

- Công tác xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty và các ĐVTV được coi là một nhiệm vụ quan trọng trong năm 2022. HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp chuyên đề nhằm cập nhật thông tin, những dự báo về xu hướng thị trường từ đó đưa ra những định hướng chiến lược phù hợp để phát huy những điểm mạnh, lợi thế của từng đơn vị để hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững của Tổng công ty nói chung và các ĐVTV nói riêng. HĐQT cũng đã hoàn tất cập nhật Kế hoạch 5 năm 2020-2025 và định hướng đến 2035 của PVTrans. Chủ trì họp để rà soát định hướng tái cấu trúc và kế hoạch 5 năm cho các đơn vị thành viên.

- Công tác cán bộ được HĐQT xác định đóng vai trò then chốt nhằm thực hiện thành công định hướng, chiến lược phát triển của Tổng công ty. Việc nâng cao nhận thức về vai trò của công tác cán bộ được quán triệt triệt để đến tập thể cán bộ lãnh đạo, đặc biệt người đứng đầu các cấp. HĐQT đã tổ chức hội thảo, ban nghị quyết về giải pháp đột phá trong công tác cán bộ bao gồm việc khẩn trương xây dựng cơ chế để chủ động nguồn nhân lực thuyền viên đạt chất lượng cho đội tàu của toàn Tổng công ty, tăng cường công tác luân chuyển, đào tạo cán bộ; tăng định biên tuyển dụng nhân sự (bao gồm cả chức danh quản lý) tại các phòng ban, đơn vị để có dự địa cho việc đào tạo, phát triển nguồn cán bộ; Ưu tiên tuyển dụng và bổ nhiệm các cán bộ công nhân viên trẻ, có năng lực, có tố chất tốt; đổi mới công tác đánh giá cán bộ, trong đó việc đánh giá cán bộ phải đảm bảo thông qua kết quả công việc, bằng sản phẩm cụ thể trong đó việc đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ ở từng cấp từ Tổng công ty và các đơn vị thành viên là một tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo/quản lý.

- Công tác đầu tư tàu: Trong bối cảnh giá dầu biến động liên tục do ảnh hưởng của những bất ổn về chính trị, kinh tế trên toàn cầu kéo theo giá mua bán tàu liên tục tăng đột biến, HĐQT đã thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo TGD nắm bắt thị trường, nắm bắt cơ hội đầu tư các dự án theo kế hoạch 2022 đã được phê duyệt. Tuy nhiên, trong năm 2022 vì các lý do khách quan và chủ quan, toàn Tổng công ty chỉ đầu tư được 4 tàu trong tổng số 23 tàu cần đầu tư theo kế hoạch, công ty mẹ chưa triển khai được dự án nào trong kế hoạch đầu tư.

- Công tác tăng vốn điều lệ từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: Hội đồng quản trị đã và đang chỉ đạo Ban điều hành làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện thủ tục tăng vốn theo phương án đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022, dự kiến hoàn thành trong Quý II-III/2023.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm, đa số các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, tuân thủ quy định của luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt

động của PVTrans, quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan, hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công, cụ thể như sau:

1) Ông Phạm Việt Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò Chủ tịch HĐQT, thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Điều hành hoạt động của HĐQT đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật, của Điều lệ Tổng công ty và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Chủ động, linh hoạt xây dựng phương thức hoạt động của HĐQT tạo được sự tập trung, nhất quán trong HĐQT đồng thời phát huy năng lực, thế mạnh của từng thành viên HĐQT.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2) Ông Nguyễn Duyên Hiếu- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

+ Có nỗ lực trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

+ Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3) Bà Nguyễn Linh Giang – Thành viên HĐQT

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT chuyên trách, thực hiện tốt các công việc theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4) Ông Nguyễn Đình Thanh - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động trong vai trò là thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5) Ông Hoàng Đức Chính - Thành viên Hội đồng Quản trị

+ Tích cực, chủ động thực hiện tốt vai trò thành viên HĐQT theo chức năng nhiệm vụ được phân công.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

6) Ông Đoàn Đình Thái - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT độc lập.

7) Bà Nguyễn Thị Thu Hường - Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

+ Tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập.

+ Tham gia các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 được trả theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại ĐHĐCĐ năm 2022, cụ thể như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 15.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2022 là **318.000.000 đồng**.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, Quy chế trả lương trả thưởng của Tổng công ty: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách (03 người, trong đó 01 thành viên đảm nhiệm chức vụ 06 tháng) là **3.711.173.809 đồng** và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là **923.526.088 đồng** (*Chi tiết được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên*).

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2022 là 443.584.100 đồng (bao gồm các Công tác phí, chi phí vé máy bay, khách sạn, ... và các chi phí khác).

5. Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành

HĐQT nhận định năm 2022 là một năm có rất nhiều nguy cơ và rủi ro từ các biến động thị trường và kinh tế thế giới, trong đó bao gồm những hệ lụy từ dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là ảnh hưởng sâu rộng từ cuộc chiến tranh Nga – Ucraina. Do đó, bên cạnh vai trò định hướng chiến lược, quản trị rủi ro vẫn là nhiệm vụ chính của HĐQT thì việc tăng cường công tác quản lý, giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động SXKD của Tổng công ty luôn được chú trọng.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện chức năng giám sát của mình theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành.

HĐQT đã tổ chức việc thực hiện chức năng giám sát thông qua một số hoạt động chính như sau:

- Phân công công việc cho các thành viên HĐQT theo dõi từng lĩnh vực và đơn vị cụ thể. Với các lĩnh vực và đơn vị được phân công, thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính, thay mặt HĐQT giám sát, đôn đốc, hoạt động của Bộ máy điều hành, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở TGD báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT, chỉ đạo/ kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở TGD thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng các quy chế/quy định của Tổng công ty;

- Tổ chức giám sát chặt chẽ việc triển khai các dự án đầu tư, tăng vốn tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua bộ phận Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát viên của Tổng công ty tại các đơn vị.

6. Các quyết định của HĐQT năm 2022

Trong năm 2022 HĐQT đã tiến hành 78 cuộc họp dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp HĐQT đã ban hành 115 Nghị quyết và 67 Quyết định về những vấn đề quan trọng của Tổng công ty như phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của Tổng công ty, phê duyệt các dự án đầu tư mua tàu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, tăng vốn tại một số đơn vị thành viên, sửa đổi bổ sung các quy chế quản trị nội bộ ... để chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất - kinh doanh.

7. Giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên đó; Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán.

8. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

❖ Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập

Các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập; tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

❖ Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2022 HĐQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Tổng công ty.
- HĐQT đã rất tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo, Tổng Giám đốc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ 2022 đề ra,
- HĐQT đã rất chú trọng các hoạt động nhằm xây dựng và củng cố nâng cao hiệu quả công tác quản trị để duy trì, phát triển năng lực cạnh tranh, khẳng định uy tín của PVTrans trên thị trường vận tải.
- Công tác kiểm tra, giám sát được HĐQT hết sức chú trọng nhằm kịp thời chấn chỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện không để xảy ra những hệ quả tiêu cực đối với kết quả SXKD của Tổng công ty.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2023:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.916,2	3.916,2
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.800,0	2.550,0

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	680,0	430,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	538,0	373,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	296,0	170,0

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của HĐQT

➤ Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành và người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể như sau:

- Tổ chức khai thác tàu phù hợp, đảm bảo vận chuyển an toàn, kịp thời nguyên liệu đầu thô đầu vào, sản phẩm dầu và khí đầu ra của NMLD Dung Quất, NMLHD Nghi Sơn và các đối tác khác.

- Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu của PVTrans trên các tuyến quốc tế.

- Củng cố, nâng cao năng lực quản lý tàu, tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, có kế hoạch sửa chữa và bảo dưỡng hợp lý nhằm hạn chế thời gian dừng tàu vì yếu tố kỹ thuật và do dịch bệnh. Tổ chức sửa chữa định kỳ các tàu trong thời gian và ngân sách phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu khai thác. Quản lý chặt chẽ chi phí sửa chữa, hoàn thiện và rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật, đặc biệt là các định mức về tiêu thụ nhiên liệu, vật tư, chi phí sửa chữa nhằm tăng cường tiết giảm chi phí.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng các hợp đồng quản lý, vận hành, khai thác và các dịch vụ khác liên quan đến FSO;

- Duy trì ổn định các hoạt động kinh doanh khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, kiểm soát chặt chẽ để hạn chế phát sinh công nợ quá hạn.

➤ Đẩy mạnh công tác dự báo thị trường, thường xuyên cập nhật các kịch bản và đề xuất giải pháp sẵn sàng ứng phó với biến động của thị trường bằng các nguồn lực hiện có, bám sát chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện trong bối cảnh bối cảnh bất ổn chính trị và nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu.

➤ Công tác đầu tư được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng hàng đầu và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD hàng năm cũng như chiến lược phát triển ổn định, bền vững hàng năm của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện vốn các đơn vị thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình thị trường để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư, đảm bảo việc triển khai các công tác đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty từ việc phê duyệt dự án, triển khai đầu tư, kiểm soát tiến độ dự án đảm bảo hiệu quả đầu tư.

➤ Nỗ lực nâng cao công tác quản trị, đặc biệt quản lý chi phí thông qua việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức, mô hình quản lý. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ, kiểm soát chặt chẽ các chỉ số tài chính của Công ty mẹ và toàn Tổng công ty.

➤ Triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Tổng công ty phù hợp với tình hình mới, triệt để giải quyết các tồn tại, khó khăn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên để, tái

cấu trúc đội tàu, nâng cao năng lực vận chuyển, tăng năng lực cạnh tranh đáp ứng cơ hội phát triển của PVTrans trong giai đoạn sắp tới.

➤ Tăng cường các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quản lý, quản trị doanh nghiệp và nhân lực có chuyên môn cao đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng công ty.

➤ Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội. Đảm bảo đủ việc làm, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động trong Tổng công ty. Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông.

III. KẾT LUẬN

Phát huy những thành quả đạt được trong năm 2022, với sự đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, tập thể Ban lãnh đạo cùng sự nỗ lực của toàn thể CBCNV Tổng công ty, Hội đồng quản trị tin tưởng sẽ hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao và tiếp tục đưa Tổng công ty đạt được những thành quả lớn hơn nữa, đảm bảo sự phát triển ổn định lâu dài của PVTrans và không ngừng gia tăng lợi ích cho các cổ đông.

PHỤ LỤC 02

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-DHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022. Báo cáo hoạt động năm 2022
và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Phần A: Báo cáo kết quả hoạt động, kết quả công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát (BKS):

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty Vận tải Dầu khí (PVTrans).

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2022 và giám sát tình hình hoạt động thực tế tại PVTrans, báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), Ban kiểm soát đã có các báo cáo giám sát hàng quý và thực hiện Thẩm định báo cáo tài chính theo quý, theo năm. Trong năm 2022, tình hình tài chính của PVTrans được thể hiện ở một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Với sự quan tâm và chỉ đạo kịp thời của Tập đoàn cùng với sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Tổng công ty PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể:

a. Thực hiện kế hoạch hợp nhất Tổng công ty năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	6.500	9.577	147%
2	Lợi nhuận trước thuế	600	1.457	243%
3	Lợi nhuận sau thuế	480	1.156	241%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245	521	213%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	19%	45%	237%

Năm 2022, toàn Tổng công ty PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 9.577 tỷ đồng, tương đương 147% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế ước đạt 1.457 tỷ đồng, tương đương 243% kế hoạch năm; Lợi nhuận sau thuế ước đạt 1.156 tỷ đồng, tương đương 241% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 521 tỷ đồng, tương đương 213% kế hoạch năm.

b. Thực hiện kế hoạch Công ty mẹ năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	2.450	3.477	142%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022		Tỷ lệ % TH/KH năm 2022
		Kế hoạch	Thực hiện	
2	Lợi nhuận trước thuế	400	631	158%
3	Lợi nhuận sau thuế	325	522	161%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	150	239	159%

Công ty mẹ PVTrans đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu được giao, cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu đạt 3.477 tỷ đồng, tương đương 142% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 631 tỷ đồng, tương đương 158% kế hoạch năm;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 522 tỷ đồng, tương đương 161% kế hoạch năm;
- Chỉ tiêu nộp NSNN đạt 239 tỷ đồng, tương đương 159% kế hoạch năm.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của các ĐVTV

Công ty mẹ PVTrans cũng đã quyết liệt chỉ đạo các ĐVTV tích cực, chủ động trong công tác đầu tư, tranh thủ thị trường thuận lợi, triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD, hoạt động hiệu quả, ổn định và đạt kết quả kinh doanh tăng trưởng cao, cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên công ty	Năm 2021		Thực hiện năm 2022		% So sánh	
		Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT	Doanh thu	LNTT
1	PVTrans Pacific	1.244.003	241.288	1.489.399	276.851	120%	115%
2	Phuong Nam	978.606	7.690	1.083.561	71.058	111%	924%
3	PVT Logistics	824.217	30.438	972.995	157.642	118%	518%
4	Gas Shipping	1.631.605	70.311	1.844.793	101.886	113%	145%
5	Nhật Việt Trans	1.334.583	140.240	1.736.463	167.093	130%	119%
6	Hàng hải Thăng Long	225.537	1.706	348.722	20.072	155%	1176%
7	PVTrans Hà Nội	335.373	43.643	534.038	123.071	159%	282%
8	PVTrans PTT	176.532	4.572	240.611	6.139	136%	134%
9	PVTrans Quảng Ngãi	182.925	4.568	198.364	4.220	108%	92%
10	PVTrans OFS	844.755	66.045	815.759	53.983	97%	82%
11	Công ty PSM	279.580	19.498	263.012	13.436	94%	69%

Các chỉ số tài chính:

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn (lần)	0,44	0,44
Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu (lần)	0,78	0,79
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,00	1,87
Khả năng thanh toán hiện thời (lần)	2,06	1,93
Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2,28	2,27

Chỉ tiêu	Tại kỳ báo cáo	Kỳ trước
ROE (%)	15,43	12,57
ROA (%)	8,64	7,09
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu (ROS) (%)	12,78	11,19

Hệ số nợ phải trả/VCSH của Hợp nhất tại ngày 31/12/2022 nhỏ hơn 1.

Khả năng thanh toán nợ của PVTrans tại 31/12/2022: các chỉ số thanh toán nợ ngắn hạn của PV Trans đều cao hơn cùng kỳ năm 2021, đảm bảo tốt khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả thể hiện qua chỉ số thanh toán nhanh Hợp nhất là 2,0 lần. Chỉ số thanh toán tổng quát Hợp nhất là 2,28 lần, tăng so với cùng kỳ 31/12/2021. ROS, ROE, ROA năm 2022 đều tăng hơn so với cùng kỳ năm 2021 từ 14% đến 22%. Điều đó cho thấy tình hình tài chính của PVT năm 2022 tốt hơn nhiều so với năm 2021, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2022 tăng 39 % so với năm 2021

Phân tích kết quả SXKD theo từng lĩnh vực hoạt động

a. Vận tải dầu thô

PVTrans vận chuyển an toàn và kịp thời dầu thô cho BSR từ các mỏ nội địa về NMLD Dung Quất với tổng sản lượng đạt 5,7 triệu tấn.

Trong bối cảnh thị trường vận chuyển dầu thô quốc tế diễn biến thuận lợi, PVTrans duy trì khai thác an toàn, hiệu quả tàu theo hình thức cho thuê tàu chuyên và định hạn trên các tuyến quốc tế.

b. Vận tải LPG

Năm 2022, PVTrans tiếp tục đáp ứng tốt nhu cầu vận tải của BSR, PVGas ... giữ vững 100% thị phần thị trường vận tải LPG nội địa, thực hiện chuyên chở 1,5 triệu tấn LPG. Ngoài ra, PVTrans cũng tăng cường cho các tàu khai thác trên thị trường quốc tế, gây dựng thương hiệu, từng bước tạo dựng những mối quan hệ với các chủ hàng lớn của khu vực Châu Á như PTT, Apex, Itochu, Petronas ...

c. Vận tải dầu/ hóa chất

PVTrans đã vận chuyển xăng dầu cho PVOil và các đầu mối xăng dầu khác trong nước từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn với tổng sản lượng đạt 2,6 triệu tấn dầu sản phẩm. Trên thị trường quốc tế, đội tàu dầu hóa chất của PVTrans gồm 15 chiếc hoạt động liên tục chủ yếu tại khu vực châu Âu, Nam Mỹ, mang lại hiệu quả tốt trong một năm thị trường thuận lợi.

d. Vận tải hàng rời

Tổng công ty tiếp tục duy trì việc khai thác các tàu chở hàng rời trên thị trường quốc tế theo phương thức cho thuê tàu chuyên và định hạn.

e. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí FSO/FPSO

PVTrans tiếp tục vận hành ổn định, an toàn tàu FSO PVN Đại Hùng Queen tại mỏ Đại Hùng, duy trì tỷ lệ thời gian uptime đạt 100%, không để xảy ra tai nạn sự cố hoặc dừng sản xuất do lỗi kỹ thuật của tàu, góp phần vào hoạt động khai thác an toàn và ổn định của mỏ. Đối với việc quản lý vận hành tàu FPSO Lewek Emas tại Mỏ Chim Sáo (đến tháng 10/2022) và dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, PVTrans đã phối hợp chặt chẽ với khách hàng để duy trì hoạt động và tích cực đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng về nhân sự O&M.

Về công tác đầu tư:



a. Đầu tư tài chính

Theo kế hoạch năm 2022, PVTrans có 3 khoản góp vốn vào các ĐVTV là Gas Shipping, Phương Đông Việt, Hàng Hải Thăng Long và khoản mua lại 10% VĐL của Công ty Đông Dương. Đối với khoản góp vốn, các đơn vị đã hoàn thiện hồ sơ tăng vốn và đang trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với khoản mua lại 10% VĐL của Công ty Đông Dương, tại 31/12/2022, PVTrans nắm giữ: 5.205.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 52,06% Vốn điều lệ của Công ty Đông Dương. PVTrans đang tiếp tục triển khai thực hiện mua cổ phiếu theo quy định.

b. Đầu tư dự án mua tàu

Nhờ tranh thủ thời điểm đầu năm khi thị trường chưa biến động nhiều, một số đơn vị thành viên có sự chuẩn bị từ cuối năm trước đã nỗ lực hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 13.000 DWT (PVT Estella, PVT Elena), 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (PVT Sunrise, Aquarius), 01 tàu chở hàng rời Supramax (Bulk Orianna) và 1 sà lan chở hàng rời trọng tải khoảng 10.000 DWT (Epic 9). Ngoài ra, đã ký hợp đồng thuê bareboat và đưa vào khai thác 01 tàu chở dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 20.000 DWT (PVT Flora), 01 tàu chở LPG trọng tải khoảng 5.000 CBM (Morning Jane) và 01 tàu chở hàng rời Handysize (Pacific Hope). Bên cạnh đó, đơn vị thành viên đã tổ chức bán/thanh lý thu hồi vốn một số tàu già, như tàu PVT Athena, Song Hau PN.

Đối với các dự án đầu tư tàu có trong kế hoạch nhưng chưa thể triển khai vì yếu tố thị trường mua bán tàu không thuận lợi, sẽ được PVTrans chuẩn bị sẵn sàng về thủ tục phê duyệt, thường xuyên cập nhật và tiếp tục tiến hành chuyển tiếp sang năm 2023 để triển khai ngay việc đầu tư khi thị trường mua bán tàu có xu hướng hạ nhiệt, với mặt bằng giá giao dịch phù hợp và đảm bảo hiệu quả kinh tế tối ưu của dự án.

Công tác tái cấu trúc:

PVTrans luôn chủ động và liên tục sửa đổi các quy trình, quy chế, quy định nội bộ để phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước cũng như để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp.

Đối với công tác tái cơ cấu, thoái vốn tại PVTrans và các đơn vị thành viên:

❖ Tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại PVTrans:

- PVTrans tiếp tục theo dõi và phối hợp với Tập đoàn trong việc duy trì tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn từ 51% vốn điều lệ (VĐL) phù hợp với chiến lược phát triển chung của PVN.

❖ Tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương

- PVTrans đã xây dựng phương án mua thêm 10% vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương để tăng tỷ lệ sở hữu của PVTrans từ 48,67% VĐL lên 58,67% VĐL, Phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang trong quá trình triển khai theo đúng quy định.

❖ Tăng VĐL của Công ty Gas Shipping, Phương Đông Việt và Hàng hải Thăng Long:

- PVTrans chưa triển khai được việc góp vốn cho 3 đơn vị thành viên nêu trên theo kế hoạch 2022, do các đơn vị này chưa triển khai được dự án đầu tư tàu và thủ tục phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ chưa hoàn tất.

❖ Tăng VĐL của Công ty mẹ bằng hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022:

- Việc tăng vốn điều lệ của PVTrans từ việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã được ĐHĐCĐ thường niên của PVTrans năm 2022 thông qua, tuy nhiên đến hết năm 2022 vẫn chưa được Ủy ban Quản lý vốn chấp thuận nên cũng đã gây khó khăn cho PVTrans trong việc thu xếp nguồn vốn CSH để phục vụ cho các dự án đầu tư của Tổng Công ty trong giai đoạn 2022 – 2023.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Pvtrans đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với tác động về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

- Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, Chiến lược phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Tổng Công ty.

- Đẩy mạnh công tác chuyên đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, tối ưu hóa sản xuất, chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nên tảng cho sự phát triển bền vững.

2. Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

Trong năm 2022, HĐQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp chính để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện nhiệm vụ đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2022 của Tổng Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Tổng Công ty. TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

- HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng TGD trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là trong các tình huống khẩn cấp, thời điểm tình hình SXKD khó khăn khi các biến động trên thị trường trong nước và thế giới biến động khó lường như năm 2022.

TGD và Ban điều hành đã có nỗ lực và điều hành hoạt động của Tổng Công ty một cách linh hoạt, tuân thủ các quy định của công ty và của pháp luật. Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu SXKD của năm, tuy nhiên việc chỉ đạo triển khai kế hoạch đầu tư tàu tại Công ty mẹ chưa thật sự quyết liệt và hiệu quả.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT

Ban kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Tổng Công ty là cơ bản đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

BKS đã thực hiện gửi Báo cáo giám sát định kỳ cho Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trong năm 2022, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170-Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: chi tiết được trình bày tại thuyết minh BCTC công ty mẹ năm 2022 đã kiểm toán.

6. Hoạt động của BKS.

Trong năm 2022, ĐHĐCĐ quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phạm Văn Hưng, quyết định bầu Bà Nguyễn Thị Nhung và Ông Kim Kwang Hyuk giữ chức danh Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời theo lĩnh vực được phân công, các thành viên thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt động của Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát PVTrans hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên Ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

*** Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty**

Chịu trách nhiệm chung các hoạt động của Ban Kiểm soát, thay mặt Ban kiểm soát ký ban hành các quyết định, văn bản của Ban Kiểm soát; Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát; Phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng quý/năm của Ban kiểm soát; Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, công tác lập kế hoạch hàng năm; Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng Công ty; Giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các đơn vị thành viên; Lập báo cáo định kỳ theo yêu cầu và một số báo cáo khác.

*** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm**

Giám sát công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp tại Tổng Công ty; Giám sát công tác đầu tư góp vốn, công tác đầu tư phát triển các dự án hợp tác kinh doanh, dự án liên doanh liên kết của Tổng công ty; Lập báo cáo thẩm định Báo cáo tài chính; Phối hợp với các đoàn kiểm tra khi thực hiện các đợt kiểm tra tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên khi được phân công.

*** Ông Kim Kwang Hyuk - Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm**

Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được Đại hội cổ đông phê duyệt; Thẩm định các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động, việc sử dụng và bảo toàn vốn tại Tổng công ty; Hỗ trợ Ban kiểm soát cập nhật các thông tin về tình hình tài chính, tiền tệ trong và ngoài nước.

Ban kiểm soát đã nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thông qua; Bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty; Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo giám sát và báo cáo khác khi được yêu cầu. Các thành viên Ban kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng, luôn vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Tổng công ty.

Trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tổ chức 05 lần họp trực tiếp để thông qua một số nội dung như sau:

STT	Số hiệu	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/BB- BKS	01/07/2022	Về việc bầu Trưởng Ban kiểm soát
2	02/BB- BKS	07/07/2022	Về việc phân công công việc giữa các thành viên trong Ban kiểm soát
3	03/BB- BKS	26/10/2022	Về việc thẩm định Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Công ty Mẹ Quý 3/2022
4	04/BB- BKS	30/12/2022	Về việc thông qua kế hoạch hoạt động dự kiến năm 2023 của Ban kiểm soát
5	05/BB- BKS	16/03/2023	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Trong năm 2022, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;

- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp hoạt động tại các đơn vị/phòng

ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty, Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Tổng Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo giám sát hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

BKS thường xuyên rà soát, đánh giá các nội dung và kế hoạch hoạt động của BKS để triển khai các công việc hiệu quả cao nhất.

Nhân xét: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu trong năm 2022

- Tiếp tục tăng cường công tác tái cấu trúc theo hướng hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế, bám sát chiến lược phát triển Tổng công ty;
- Tiếp tục chỉ đạo xử lý các tài sản xấu, kém hiệu quả, chú trọng công tác đầu tư để trẻ hóa đội tàu, đồng thời nâng cao năng lực vận tải trong nước và quốc tế;
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro thông qua việc ban hành các văn bản quy chế phù hợp.
- Tiếp tục hỗ trợ các công ty thành viên kinh doanh còn khó khăn;
- Theo dõi và bám sát thị trường vận tải để kịp thời nắm bắt cơ hội đầu tư tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị phần.
- Đề ra những biện pháp hữu hiệu để thích ứng với tình hình dịch bệnh Covid, hạn chế rủi ro sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đến hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên.
- Kiểm soát viên luôn có sự đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với các vị trí lãnh đạo tại Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, đồng thời luôn nhận được sự hỗ trợ để hoàn thành nhiệm vụ do Tập đoàn và ĐHĐCĐ giao. Tuy nhiên do hiện nay quy mô vốn của Tổng Công ty PVTrans và các đơn vị thành viên tăng đáng kể trong thời gian vừa qua và tiếp tục tăng trong 5 năm tới, công tác đầu tư/ khai thác/thanh lý tái cơ cấu đội tàu cũng được đẩy mạnh, số lượng thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế (3 người) và kiêm nhiệm ở các vị trí địa lý khác nhau gây khó khăn cho hoạt động của BKS trong quá trình kiểm tra giám sát nên đề nghị ĐHĐCĐ xem xét bổ sung thêm 2 thành viên từ nguồn tại chỗ nhằm đảm bảo chất lượng của công tác kiểm soát trong thời gian tới.
- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, Ban KS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro ... đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

7. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên của BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Tổng Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và

thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Tổng Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí,... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Tiền lương/thù lao kế hoạch và thực hiện của các thành viên BKS đã bao gồm thuế TNCN phát sinh trong năm 2022 là **998.431.688** đồng.

Phần B: Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2023

Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước...;
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá:
 - Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
 - Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn;
 - Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai, tiến độ và hiệu quả các dự án đầu tư
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
 - Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước, PVN trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
 - Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tái cấu trúc theo đề án tái cấu trúc của PVN.
 - Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
 - Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
 - Kiểm tra công tác thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty.
 - Thẩm định báo cáo tài chính theo quy định.
 - Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.

PHỤ LỤC 03

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022
và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022**

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam (đính kèm).

Chấp thuận cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh số liệu trên BCTC năm 2022 đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm toán và cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2. Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch Hợp nhất toàn Tổng công ty:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Doanh thu	6.500	9.577
2	Lợi nhuận trước thuế	600	1.457
3	Lợi nhuận sau thuế	480	1.156
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245	521

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch Công ty mẹ:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Vốn điều lệ	3.560	3.237
2	Doanh thu	2.450	3.477
3	Lợi nhuận trước thuế	400	631
4	Lợi nhuận sau thuế	325	522
5	Nộp ngân sách Nhà nước	150	239

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**



**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I.	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo BCTC tại ngày 31/12/2022	904.294.520.169	
1	Lợi nhuận sau thuế đã được duyệt phân phối năm 2022 và đang thực hiện thủ tục	323.651.246.000	
	<i>Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)</i>	<i>323.651.246.000</i>	<i>(10%/VĐL)</i>
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối	580.643.274.169	
2.1	<i>Năm trước để lại</i>	<i>58.310.109.640</i>	
2.2	<i>Năm 2022 (BCTC đã kiểm toán)</i>	<i>522.333.164.529</i>	
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	578.471.703.286	
1	Chia cổ tức bằng tiền mặt (**)	97.095.373.800	<i>(3%/VĐL)</i>
2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (***)	356.016.370.000	<i>(10%/VĐL)</i>
3	Trích Quỹ đầu tư phát triển	94.019.969.615	= [I.2.2] x 18%
4	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.116.658.226	= [I.2.2] x 5%
5	Trích Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	5.223.331.645	= [I.2.2] x 1%
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	2.171.570.883	= [I.2] – [II]

Ghi chú:

() Năm 2022, ĐHĐCĐ phê duyệt phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10%/ Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2021 là 3.236.512.460.000 đồng) theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022. Tổng công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện các thủ tục theo quy định.*

*(**) Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt từ LNST chưa phân phối năm 2022 là 3% trên Vốn điều lệ (tại thời điểm 31/12/2022 là 3.236.512.460.000 đồng).*

*(***) Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ LNST chưa phân phối của năm 2022 dự kiến thực hiện sau khi Tổng công ty hoàn thành tăng vốn lên 3.560 tỷ đồng theo NQ số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 của ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022.*

2. Giao cho Hội đồng Quản trị

- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 theo phê duyệt tại Nghị quyết số 01/NQ-VTDK-ĐHĐCĐ2022 ngày 30/06/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Thực hiện thủ tục để phân phối lợi nhuận năm 2022 và quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thủ tục theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 05

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.916,2	3.916,2
2	Doanh thu	Tỷ đồng	6.800,0	2.550,0
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	680,0	430,0
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	538,0	373,0
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	296,0	170,0
6	Cổ tức	%		10%

2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư:

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch
I	Tổng vốn đầu tư	4.114,0
1	Đầu tư tàu	3.854,0
2	Đầu tư góp vốn vào các ĐVTV	260,0
II	Nguồn vốn đầu tư	4.114,0
1	Vốn chủ sở hữu	1.416,2
2	Vốn vay + khác	2.697,8

Ghi chú: - Tỷ giá xây dựng kế hoạch năm 2023: 1 USD = 23.500 VNĐ
- Chi tiết tại phụ lục gửi kèm.

**Phụ lục đính kèm
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2023 CỦA CÔNG TY MẸ**

Stt	Tên dự án	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		
1	2	3	4	5	6	7
A	Các dự án đầu tư công ty mẹ	Tỷ đồng	4.114,0	1.416,2	2.697,8	
	- Ngoại tệ	Tr. USD	164,0	49,2	114,8	
	- Nội tệ	Tỷ đồng	270,8	270,8	-	
I	Dự án đầu tư tàu	Tr. USD	164,0	49,2	114,8	
1	Đầu tư 01 tàu chở hàng rời khoảng 25.000 – 65.000 DWT hoặc 01 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	22,0	6,6	15,4	<i>Dự án chuyển tiếp</i>
2	Đầu tư 02 tàu chở dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT hoặc đầu tư 02 tàu gồm 1 tàu MR khoảng 35.000-55.000 DWT và 1 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	40,0	12,0	28,0	<i>Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu</i>
3	Đầu tư 01 tàu chở dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT hoặc 01 tàu hàng rời khoảng 25.000 – 65.000 DWT	Tr. USD	22,0	6,6	15,4	<i>Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu</i>
4	Đầu tư 01 tàu chở dầu MR khoảng 35.000-55.000 DWT hoặc 1 tàu dầu hóa chất khoảng 10.000-25.000 DWT	Tr. USD	25,0	7,5	17,5	<i>Dự án chuyển tiếp, bổ sung chủng loại tàu</i>
5	Đầu tư 01 tàu chở khí loại VLGC khoảng 72.000-85.000 CBM hoặc 01 tàu VLCC khoảng 200.000-320.000 DWT	Tr. USD	55,00	16,50	38,50	<i>Dự án đầu tư mới năm 2023</i>
II	Đầu tư tài chính	Tỷ đồng	260,0	260,0		
1	Góp vốn bổ sung Công ty CP Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	Tỷ đồng	104,00	104,00		<i>Dự án chuyển tiếp</i>
2	Góp vốn bổ sung Công ty CP Hàng hải Thăng Long	Tỷ đồng	90,00	90,00		<i>Dự án chuyển tiếp</i>
3	Mua lại 10% vốn điều lệ tại Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tỷ đồng	13,00	13,00		<i>Dự án chuyển tiếp</i>
4	Góp vốn bổ sung Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương	Tỷ đồng	53,00	53,00		<i>Dự án góp vốn mới</i>

Ghi chú: - Tỷ giá xây dựng kế hoạch năm 2023: 1 USD = 23.500 VND.

- Tuy theo tình hình thị trường, khả năng thu xếp vốn vay, cân đối vốn chủ sở hữu, PVTrans sẽ thực hiện đầu tư các dự án đảm bảo hiệu quả và theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ PVTrans

PHỤ LỤC 06

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 5 năm 2021-2025
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 – 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

Thông qua Kế hoạch hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như Phụ lục đính kèm.

Căn cứ định hướng, mục tiêu kế hoạch 5 năm được thông qua, Đại hội đồng cổ đông thông qua và giao cho Hội đồng Quản trị trên cơ sở tình hình thị trường, kịp thời cập nhật điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp nhằm đảm bảo vượt qua các thách thức, tận dụng được các cơ hội để đạt được mục tiêu, kết quả cao nhất cho Tổng công ty.

PHỤ LỤC 1
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) ổn định, bền vững, khẳng định vị thế là công ty vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí hàng đầu tại Việt Nam. Xây dựng phát triển PVTrans trở thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực và quốc tế.

2. Đáp ứng tốt nhất nhu cầu dịch vụ vận tải và hàng hải dầu khí. Kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Đảm bảo lợi ích tối đa của cổ đông, đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội, đảm bảo sự ổn định, nâng cao thu nhập và điều kiện sống cho CBCNV.

3. Bảo đảm hài hòa giữa lợi ích kinh tế với việc bảo đảm an ninh năng lượng, chủ quyền biển đảo và bảo vệ môi trường.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Duy trì vị thế Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí là doanh nghiệp vận tải và dịch vụ hàng hải dầu khí đa sở hữu lớn nhất tại Việt Nam. Xây dựng, phát triển PVTrans thành thương hiệu vận tải mạnh trong khu vực, mở rộng hoạt động khai thác các tuyến quốc tế và từng bước tham gia chuỗi vận chuyển cung ứng toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Lĩnh vực vận tải dầu thô

- Đối với NMLD Dung Quất: Giữ vững thị phần vận chuyển nội địa với 100% lượng dầu thô đầu vào cho NMLD Dung Quất từ các mỏ trong nước.

- Đối với NMLHD Nghi Sơn: Đảm nhận vận chuyển 25-30% sản lượng nguyên liệu đầu vào, khoảng 3,1 triệu tấn dầu thô.

- Đối với thị trường quốc tế: Đẩy mạnh khai thác các tuyến quốc tế với tàu Aframax (sở hữu và thuê lại), tàu VLCC và tàu Suemax dưới hình thức cho thuê định hạn hoặc COA dài hạn.

2.2. Lĩnh vực vận tải khí

- Thị trường vận tải LPG bằng tàu định áp: PVTrans đầu tư tàu định áp theo hướng thay thế các tàu cũ để duy trì số lượng tàu và vị thế của PVTrans tại thị trường nội địa và hướng tới tham gia vận chuyển hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong khu vực.

- Thị trường vận tải LPG bằng tàu VLGC: Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho NMLD Dung Quất, PVGas và Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn... Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải LPG trên thị trường quốc tế. Phân đầu tư 06 tàu VLGC tham gia khai thác, nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải LPG trên thị trường quốc tế.

- Vận tải LNG: PVTrans nghiên cứu xem xét, đầu tư tàu để tham gia thị trường quốc tế trong thời gian tới để mở rộng thị trường vận tải LNG trên thị trường quốc tế, góp phần tăng quy mô phương tiện, năng lực vận chuyển LNG của PVTrans.

2.3. Lĩnh vực vận tải dầu sản phẩm/hóa chất

- Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho NMLD Dung Quất và NM Lọc hóa dầu Nghi Sơn. Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải dầu sản phẩm, hóa chất trên thị trường quốc tế.

2.4. Lĩnh vực vận tải hàng rời

- Tiếp tục duy trì vận chuyển an toàn, kịp thời và hiệu quả cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn. Nâng cao chất lượng dịch vụ, trẻ hóa đội tàu, khẳng định thương hiệu vận tải than trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Đối với các Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1, Thái Bình 2, Long Phú 1, Sông Hậu 1: Phần đầu đảm nhận vận chuyển ít nhất 50% khối lượng than đầu vào cho Nhà máy.

- Mục tiêu phát triển đội tàu PVTrans: Phần đầu đến năm 2025 đầu tư 12 tàu.

2.5. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí (FSO/FPSO)

- Tiếp tục duy trì cung cấp tàu FSO phục vụ khai thác Mỏ Đại Hùng cho PVEP POC, nỗ lực vận hành tàu với uptime 100% và kiểm soát chi phí O&M.

- Củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ O&M.

2.6. Dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật cho đội tàu hiện hữu và các tàu đầu tư mới của PVTrans.

- Bên cạnh các khách hàng trong nước đang sử dụng dịch vụ quản lý kỹ thuật, tìm kiếm mở rộng thêm các khách hàng ngoài nước.

- PVTrans sẽ thành lập trung tâm đào tạo và cung ứng thuyền viên để tiến hành đào tạo thuyền viên phục vụ đội tàu và xuất khẩu cho các đội tàu trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh cung cấp thuyền viên cho các thị trường hiện hữu như Hàn Quốc. Mở rộng sang thị trường Nhật Bản và hướng đến các chủ tàu Châu Âu.

2.7. Dịch vụ hậu cần Logistics

- Tiếp tục cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải cho các tàu dầu thô và dầu sản phẩm cho đội tàu PVTrans và tàu bên ngoài tại Dung Quất, Nghi Sơn và Vũng Tàu.

- Bên cạnh các khách hàng hiện hữu, tìm kiếm mở rộng thêm mạng lưới khách hàng trong và ngoài nước.

- Tổ chức đào tạo bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao, có trình độ chuyên môn sâu về logistics nhằm tiến tới phát triển hệ thống mạng lưới đại lý có năng lực tại nước ngoài, tạo ra hệ thống dịch vụ logistics khép kín, chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín của đội tàu PVTrans trên thị trường quốc tế.

2.8. Phát triển, mở rộng chuỗi liên kết sản xuất và kinh doanh sản phẩm xăng dầu giữa các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí

- PVTrans sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc vận chuyển toàn bộ dầu thô đầu vào cho NMLD Dung Quất mua từ các mỏ nội địa, cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu thô nhập khẩu bằng tàu VLCC cho NMLHD Nghi Sơn làm tiền đề cho việc đầu tư tàu VLCC và cung cấp dịch vụ dài hạn cho nhà máy này; Vận chuyển bao tiêu toàn bộ sản lượng xăng dầu do PVOIL mua từ các NMLD trong nước; Vận chuyển toàn bộ nhu cầu phân phối LPG bằng đường biển cho PVGAS, BSR; Vận chuyển than cho các Nhà máy nhiệt điện của Tập đoàn Dầu khí...

III. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI

1. Lĩnh vực vận tải dầu thô

- Tiếp tục làm việc với các bên liên quan để chuẩn bị, xây dựng phương án tham gia vận chuyển dầu thô dài hạn và hiệu quả bằng tàu VLCC cho NSRP.
- Chú trọng việc mở rộng thị trường vận tải dầu thô trên các tuyến quốc tế, đảm bảo khai thác đội tàu an toàn, hiệu quả, từng bước xây dựng thương hiệu trên thị trường khu vực và quốc tế.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu dầu thô dưới nhiều hình thức, đặc biệt là thuê tàu trần dài hạn... phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu dầu thô của PVTrans.
- Tập trung hoàn thiện bộ máy quản lý tàu bao gồm quản lý kỹ thuật, an toàn và thuyền viên để có thể vận hành độc lập, đáp ứng yêu cầu khai thác đội tàu của Tổng công ty.

2. Lĩnh vực vận tải khí

- Tổ chức quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu chở khí LPG thông qua sắp xếp, bố trí tàu một cách tối ưu, giữ vững thị trường LPG nội địa, vận chuyển khí LPG đầu ra cho NMLD Dung Quất, PVGas và NMLD Nghi Sơn.
- Đẩy mạnh hoạt động vận chuyển quốc tế, mở rộng thị trường và nâng tầm thương hiệu trên thị trường khu vực và quốc tế.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, kỹ thuật.
- Duy trì được chứng nhận của các chủ tàu lớn Oil majors đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế.
- Đẩy mạnh công tác đầu tư bổ sung đội tàu VLGC, đặc biệt là phương án thuê tàu trần dài hạn... phù hợp với điều kiện thị trường và khả năng tài chính để nhanh chóng nâng cao quy mô, chất lượng đội tàu VLGC.

3. Lĩnh vực vận tải dầu sản phẩm/hóa chất

- Tiếp tục duy trì và phát triển mảng dịch vụ vận chuyển dầu sản phẩm nội địa cho PV Oil từ NMLD Dung Quất và NMLHD Nghi Sơn, vận chuyển dầu sản phẩm cho các đơn vị đầu mối kinh doanh xăng dầu khác.
- Chú trọng việc mở rộng thị trường vận tải dầu sản phẩm/hóa chất trên thị trường quốc tế đảm bảo chủ động và linh hoạt trong kế hoạch khai thác đội tàu.
- Tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành, hoàn thiện áp dụng mô hình quản lý TMSA để đáp ứng yêu cầu của khách hàng là các Oil Major và các khách hàng lớn.
- Kiểm soát tốt chi phí bảo dưỡng và sửa chữa đội tàu dầu/ hóa chất của PVTrans một cách hợp lý, vừa đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt nhất, nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh, góp phần gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Lĩnh vực vận tải hàng rời

- Tích cực làm việc với các bên liên quan để gia tăng cơ hội tham gia vận chuyển than đầu vào cho các Nhà máy nhiệt điện trong nước.
- Tận dụng nguồn lực và đa dạng hóa thị trường thông qua mở rộng cung cấp các dịch vụ vận chuyển hàng rời cho các khách hàng trong nước và quốc tế.

- Nghiên cứu phương án tham gia chuỗi cung ứng than hoàn chỉnh bao gồm hoạt động kinh doanh thương mại và vận chuyển than cho các NMNĐ và khách hàng tiêu thụ số lượng lớn tại Việt Nam.

5. Dịch vụ kỹ thuật hàng hải dầu khí (FSO/FPSO)

- Quản lý và khai thác an toàn hiệu quả kho nổi FSO PVN Đại Hùng Queen, đảm bảo thời gian làm việc liên tục, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng.

- Tổ chức thực hiện dịch vụ O&M giàn CPP mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt phối hợp chặt chẽ với khách hàng đảm bảo hoạt động khai thác an toàn, hiệu quả, giữ vững chất lượng dịch vụ.

- Tăng cường công tác marketing, tiếp cận các khách hàng, đặc biệt theo dõi sát tiến trình khai thác các mỏ mới. Tích cực làm việc với các bên liên quan, chuẩn bị nguồn lực để tham gia thực hiện các dự án cung cấp FPSO/FSO như Lạc Đà Vàng, Block B...

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn ISO 9000, ISO 45000, ISO 14000 và ISM Code.

- Tích cực mở rộng quan hệ hợp tác, tìm kiếm và phối hợp tham gia đấu thầu các dự án cung cấp và vận hành bảo dưỡng các công trình dầu khí trên biển (FSO, FPSO, CPP, WHP) trong nước và khu vực trên cơ sở tận dụng đội tàu dầu thô hiện hữu và năng lực cạnh tranh của dịch vụ O&M.

6. Dịch vụ quản lý kỹ thuật tàu và cung ứng thuyền viên

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội mở rộng và phát triển dịch vụ logistics trong lĩnh vực hàng hải, hàng không và đường bộ cho các khách hàng, chủ tàu trong và ngoài nước.

- Duy trì và thu hút đội ngũ cán bộ có đủ bề dày kinh nghiệm, năng lực và tâm huyết để thực hiện thành công các dự án thuộc lĩnh vực logistics.

7. Dịch vụ hậu cần Logistics

- PVTrans tiếp tục tham gia các lĩnh vực cốt lõi trong chuỗi liên kết giá trị của Tập đoàn như sau:

- Vận chuyển dầu thô và sản phẩm dầu khí (xăng, dầu, condensate, ethanol, mazut, MGO, phân bón, PP, Polyester, ...) bao gồm cả nhập khẩu và phân phối trong nước.

- Vận chuyển khí và các sản phẩm khí ngoài đường ống.

- Vận chuyển than.

- Dịch vụ cung cấp, quản lý khai thác, vận hành, các phương tiện xử lý, chứa và xuất dầu thô (tàu FSO, FPSO, MOPU...) phục vụ hoạt động khai thác dầu khí.

- Dịch vụ logistics, kho vận, đại lý vận tải biển.

PHỤ LỤC 2
CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2025	Ghi chú
A	CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
I	Chỉ tiêu tài chính hợp nhất				
1	Tổng doanh thu	1000 tỷ đồng	39,5 - 42,0	≈3%	
2	Lợi nhuận trước thuế	1000 tỷ đồng	4,9 - 6,0	≈5%	
3	Lợi nhuận sau thuế	1000 tỷ đồng	3,8 - 4,5	≈5%	
4	Nộp NSNN	1000 tỷ đồng	2,3 - 2,7	≈3%	
II	Chỉ tiêu tài chính Công ty Mẹ	1000 tỷ đồng			
1	Vốn chủ sở hữu, trong đó:	1000 tỷ đồng	5,0 - 6,0		
-	Vốn điều lệ	1000 tỷ đồng	3,9		
2	Doanh thu	1000 tỷ đồng	14,5 - 15,5	≈3%	
3	Lợi nhuận trước thuế	1000 tỷ đồng	2,7 - 3,2	≈5%	
4	Lợi nhuận sau thuế	1000 tỷ đồng	2,2 - 2,5	≈5%	
5	Nộp NSNN	1000 tỷ đồng	1,4 - 1,6	≈7%	
6	Tỷ suất LNST/VĐL	%	8%-16%		
7	Tỷ suất LNST/VCSH	%	6%-11%		
8	Trích các quỹ	1000 tỷ đồng	0,5 - 0,8		
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%	Phê duyệt cụ thể theo từng năm		
B	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ				
I	Nhu cầu đầu tư	1000 tỷ đồng	7,0 - 9,0		
1	Đầu tư XDCB - MSTTB	1000 tỷ đồng	6,3 - 8,0		
2	Đầu tư tài chính	1000 tỷ đồng	0,7 - 1,0		
II	Nguồn vốn		7,0 - 9,0		
1	Vốn chủ sở hữu	1000 tỷ đồng	2,7 - 3,5		
2	Vốn vay + khác	1000 tỷ đồng	4,3 - 5,5		
D	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC				
1	Lao động và thu nhập				
-	Số lao động cuối kỳ	Người	2.916,0		
-	Thu nhập bình quân	Trđ/ng tháng	26,7		
-	Năng suất lao động	Trđ/ng tháng	270,4		
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	13.784,0		
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	41,9		

Ghi chú:

- Giá dầu kế hoạch tạm tính là 60 USD/thùng
- Tỷ giá trung bình/năm: 1 USD = 23.500 VNĐ

PHỤ LỤC 07

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua
phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2022
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**



PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.560 TỶ ĐỒNG LÊN 3.916 TỶ ĐỒNG
THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

- Thông qua “Phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022” với chi tiết như đính kèm
- Giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc sau:
 - + Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành cổ phiếu trả cổ tức gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác. Chủ động điều chỉnh Phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Tổng Công ty.
 - + Thực hiện đăng ký chứng khoán niêm yết bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD); Thủ tục thay đổi niêm yết số cổ phiếu phát hành tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) đối với số lượng cổ phần được phát hành.
 - + Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ liên quan đến thay đổi vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và đăng ký lại giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.
 - + Thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và xử lý các vấn đề phát sinh có liên quan để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

**PHƯƠNG ÁN TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TỪ 3.560 TỶ ĐỒNG LÊN 3.916 TỶ ĐỒNG
THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC
TỪ NGUỒN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI NĂM 2022
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán 2019;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí.

2. Kết quả SXKD năm 2022 của PVTrans:

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn, trong đó đến từ xung đột chính trị Nga-Ukraine, các biện pháp trừng phạt từ Mỹ và các nước Châu Âu, diễn biến dịch bệnh vẫn còn phức tạp... Theo đó thị trường vận tải biển năm 2022 cũng có nhiều biến động. Trong bối cảnh đó, với nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Tổng công ty PVTrans đã chủ động, linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng cơ hội thị trường đồng thời khắc phục khó khăn, duy trì sản xuất ổn định an toàn, hiệu quả và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể:

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2022:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
1	Doanh thu	6.500,0	9.576,9	147%
2	Lợi nhuận trước thuế	600,0	1.456,9	243%
3	Lợi nhuận sau thuế	480,0	1.155,8	241%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	245,0	520,76	213%

Các chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ năm 2022:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
1	Doanh thu	2.450,0	3.477,0	142%
2	Lợi nhuận trước thuế	400,0	631,0	158%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Tỷ lệ TH/KH 2022
3	Lợi nhuận sau thuế	325,0	522,0	161%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	150,0	238,9	159%

Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ năm 2020-2022:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	2,06	1,86	2,31
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,53	1,16	1,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	38%	39%	33%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	62%	65%	49%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	lần	55,6	55,2	47,6
Vòng quay các khoản phải thu	lần	4,4	3,6	6,7
Vòng quay các khoản phải trả	lần	4,9	4,9	8,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
LNST /Doanh thu thuần	%	19%	17%	16%
LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11%	11%	11%
LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	7%	7%	7%
LN thuần từ HĐKD /Doanh thu thuần	%	18%	18%	18%

Năm 2022, PVTrans đã có sự tăng trưởng vượt trội trong kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính lành mạnh, các chỉ tiêu tài chính đều tốt hơn so với năm trước và đạt được những giải thưởng có giá trị. Trong năm, PVTrans tiếp tục được xướng danh ở giải thưởng doanh nghiệp xuất sắc châu Á năm 2022 của Asia Pacific Entrepreneurship Awards (APEA) và lọt vào Top 10 công ty uy tín ngành logistics năm 2022, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam của Vietnam Report. Đây là năm đầu tiên PVTrans được tôn vinh và trao chứng nhận “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam”.

Để giữ vững đà tăng trưởng và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị đã xây dựng phương án tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10%VĐL.

3. Phương án phát hành cổ phiếu để chia cổ tức năm 2022:

3.1. Điều kiện pháp lý:

Căn cứ Điều 60 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, điều kiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức như sau:

“Điều 60. Điều kiện công ty đại chúng phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

1. Có phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận đủ để trả cổ tức. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, lợi nhuận quyết định phân phối không được vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán. Trường hợp lợi nhuận quyết định phân phối thấp hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính hợp nhất và cao hơn mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, công ty chỉ được thực hiện việc phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

3. Có phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua....”

PVTrans dự kiến phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dựa trên Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ năm 2022 đã được Deloitte kiểm toán. Như vậy, về mặt pháp lý, sau khi có ý kiến chấp thuận của ĐHCĐ thông qua phương án, PVTrans có đủ điều kiện để triển khai phương án.

3.2. Chi tiết phương án phát hành

- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu của PVTrans có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: sẽ lựa chọn thời điểm thích hợp căn cứ theo tình hình thị trường, hoạt động của PVTrans và đảm bảo các quy định hiện hành.
- Tỷ lệ thực hiện: 10% VDL nghĩa là 100:10 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 10 cổ phiếu mới).
- Số lượng cổ phiếu trước khi phát hành (dự kiến sau khi thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2021): 356.016.370 (Ba trăm năm mươi sáu triệu không trăm mười sáu nghìn ba trăm bảy mươi) cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 35.601.637 (Ba mươi lăm triệu sáu trăm lẻ một nghìn sáu trăm ba mươi bảy) cổ phiếu.
- Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 356.016.370.000 (Ba trăm năm mươi sáu tỷ không trăm mười sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng.
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành: 391.618.007 (Ba trăm chín mươi một triệu sáu trăm mười tám nghìn lẻ bảy) cổ phiếu.
- Phương án làm tròn, phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm để tăng vốn cổ phần sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ.
- Thời gian dự kiến phát hành: trong năm 2023-2024.
- VDL dự kiến của PVTrans sau khi phát hành: 3.916.180.070.000 đồng (số VDL

chính xác sẽ được xác định sau khi chốt danh sách cổ đông).

▪ Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2022, chi tiết:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị	Ghi chú
1	Nguồn tăng vốn từ LNST lũy kế đến 31/12/2022	đồng	580.643.274.169	
2	Số tiền tăng vốn cổ phần	đồng	356.016.370.000	
3	Tỷ lệ tăng vốn cổ phần /VĐL ^(*)	%	10%	<i>(*) VĐL dự kiến sau khi hoàn tất việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021 đã được phê duyệt là 3.560 tỷ đồng</i>

3.3 Mục đích phát hành

Bổ sung vốn phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của PVTrans.

PHỤ LỤC 08

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Thù lao năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023
của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát
Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**THÙ LAO, PHỤ CẤP, TIỀN LƯƠNG, THU NHẬP VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023**

I. Tình hình thực hiện thù lao, phụ cấp, tiền lương, thu nhập của HĐQT, BKS năm 2022:

Căn cứ phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí về kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS năm 2022, tình hình thực hiện thù lao, phụ cấp, tiền lương, thu nhập của HĐQT, BKS như sau:

- Đối với Thành viên HĐQT độc lập, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm và BKS kiêm nhiệm: Phụ cấp thành viên HĐQT độc lập là 15.000.000 đồng/người/tháng; Thù lao thành viên HĐQT kiêm nhiệm là 3.000.000 đồng/người/tháng; Thành viên BKS kiêm nhiệm là 2.000.000 đồng/người/tháng, phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với thành viên HĐQT và BKS trong năm 2022 là **318.000.000 đồng**.

- Đối với Thành viên HĐQT, BKS chuyên trách thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH, các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty: Tổng tiền lương, thu nhập của thành viên HĐQT chuyên trách (03 người, trong đó 01 thành viên đảm nhiệm chức vụ 06 tháng) là **3.711.173.809 đồng** và Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là **923.526.088 đồng** (*Chi tiết được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên*).

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2022 được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty. Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS thực hiện năm 2022 là 443.584.100 đồng (bao gồm các Công tác phí, chi phí vé máy bay, khách sạn và các chi phí khác).

II. Kế hoạch thù lao, phụ cấp, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2023

Tổng công ty xây dựng kế hoạch thù lao, phụ cấp, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT, BKS năm 2023 trên cơ sở Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH; các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Tổng công ty như sau:

- Phụ cấp Thành viên độc lập HĐQT: 20.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao Thành viên HĐQT, BKS làm việc theo chế độ kiêm nhiệm:
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm, không điều hành : 20.000.000 đồng/người/tháng;
 - + Thành viên HĐQT kiêm nhiệm tham gia điều hành : 5.000.000 đồng/người/tháng;
 - + Thành viên Ban kiểm soát : 9.000.000 đồng/người/tháng.

- Tiền lương, tiền thưởng của các Thành viên trong HĐQT, BKS chuyên trách: Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ LĐTBXH; các Quy chế, quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của Tổng công ty.

- Chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023 được thực hiện theo quy định hiện hành của PVTrans và được tính vào chi phí quản lý chung của Tổng công ty.

**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 09

*(Đính kèm Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
của Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí số 01/BB-VTDK-ĐHĐCĐ2023 ngày 11/04/2023)*

**Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023
của Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí**

**LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
ĐỂ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính của PVTrans trong năm 2023, cụ thể:

- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

2. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của năm tài chính 2023 theo quy định hiện hành.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

**LÝ LỊCH TRÍCH NGANG
ỨNG CỬ VIÊN BẦU BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

1. Về bản thân:

- Họ và tên: **NGÔ THỊ THU LINH** Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 06/07/1973 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ: Thạc sỹ Luật

2. Trình độ học vấn:

Thời gian	Nơi đào tạo/bằng cấp
4/2010 - 11/2011	Tham gia khóa đào tạo luật sư tại Học Viện Tư pháp. Tập sự và thi lấy chứng chỉ hành nghề của Bộ Tư pháp và tham gia Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.
01/1996 - 6/1998	Thạc sỹ Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội
12/1995- 8/1998	Cử nhân thương mại quốc tế, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội
12/1992- 6/1995	Cử nhân tiếng Anh, Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội
9/1990- 8/1994	Cử nhân Luật, Khoa Luật, Đại học Tổng hợp Hà Nội

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác
10/2020 – nay	Luật sư – Trưởng phòng Pháp chế và Đối ngoại - Tổng công ty Viglacera - CTCP
12/2019 – 10/2020	Luật sư – cố vấn pháp lý cấp cao
05/2012 - 11/2019	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng - Tập đoàn HB Group
04/2012 – 12/2014	Giám đốc, Người đại diện pháp luật, Luật sư - Công ty Luật TNHH An Thịnh
03/2011 – 04/2012	Phó Trưởng Ban Pháp chế - Tập đoàn Sun Group
04/2009 – 03/2011	Chuyên viên pháp lý - Phòng Pháp chế và Đối ngoại - Tổng công ty Viglacera - CTCP
03/2004–10/2008	Chuyên viên Vụ Vận tải - Bộ Giao thông vận tải
10/1994–02/2004	Phó Trưởng phòng Pháp chế - Cục Hàng không VN

4. Các lợi ích liên quan tới Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí: Không

Số: 01 /BBKT-VTDK-DHCD

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí;

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 11/04/2023 tại Phòng họp Lầu 1 - Khách sạn Lotte Legend Sài Gòn, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Tổ kiểm tra tư cách cổ đông chúng tôi gồm có:

1. Ông Lê Thiện Nhật - Tổ trưởng
2. Ông Đào Hà Thanh - Tổ phó
3. Ông Đỗ Xuân Đường - Tổ viên

Tổ kiểm tra tư cách cổ đông đã tiến hành kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với kết quả cụ thể như sau:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp/ủy quyền tham dự đại hội : 79 cổ đông
- Đại diện cho quyền sở hữu 214.401.902 cổ phần, bằng 66,24% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 16/03/2023.

Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020: Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông được lập vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 11/04/2023 và được báo cáo công khai trước Đại hội.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu VT, HĐQT.

TM. TỔ KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Tổ trưởng



Lê Thiện Nhật

743
CỔ
PH
NT/
JKI
HỒ

Số: 01 /BBKP-VTDK-ĐHCCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT VỀ CÁC NỘI DUNG
ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí;

Vào lúc 11 giờ 25 phút, ngày 11/04/2023 tại Phòng họp Lầu 1 - Khách sạn Lotte Legend Sài Gòn, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Bà Vũ Thị Phương Nga – Tổ trưởng
2. Ông Lê Thiện Nhật - Tổ phó
3. Ông Đào Hà Thanh - Tổ phó
4. Ông Phạm Văn Hưng - Tổ viên
5. Bà Nguyễn Đình Tú Nhi - Tổ viên
6. Ông Lê Trọng An - Tổ viên
7. Ông Đỗ Xuân Đường - Tổ viên
8. Ông Nguyễn Huy Bảo - Tổ viên

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu biểu quyết, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả các nội dung biểu quyết tại ĐHCCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 128
- Tổng số phiếu thu về : 107

Trong đó:

- + Tổng số phiếu thu về hợp lệ 105 phiếu.
- + Tổng số phiếu thu về không hợp lệ 2 phiếu.

Kết quả các nội dung biểu quyết cụ thể như sau:

1. **Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng Quản trị.**
 - Biểu quyết đồng ý là 235.005.458 cổ phần, chiếm 99,913% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
 - Biểu quyết không đồng ý là 200.600 cổ phần, chiếm 0,085% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
 - Biểu quyết không ý kiến là 4.200 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.
2. **Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại ĐHCCĐ thường niên năm 2023.**
 - Biểu quyết đồng ý là 235.203.258 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
 - Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,00% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
 - Biểu quyết không ý kiến là 7.000 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.



Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Tờ trình về phê duyệt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022.

- Biểu quyết đồng ý là 235.203.258 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,00% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 7.000 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022.

- Biểu quyết đồng ý là 235.203.258 cổ phần, chiếm 99,997% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,00% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 7.000 cổ phần, chiếm 0,003% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

5. Thông qua Tờ trình về phê duyệt kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2023.

- Biểu quyết đồng ý là 235.206.058 cổ phần, chiếm 99,998% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,00% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 4.200 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

6. Thông qua Tờ trình về phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025.

- Biểu quyết đồng ý là 235.055.458 cổ phần, chiếm 99,934% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 150.600 cổ phần, chiếm 0,064% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 4.200 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

7. Thông qua Tờ trình về phương án tăng vốn điều lệ từ 3.560 tỷ đồng lên 3.916 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn LNST chưa phân phối năm 2022.

- Biểu quyết đồng ý là 232.962.158 cổ phần, chiếm 99,044% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 2.243.200 cổ phần, chiếm 0,954% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 4.900 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua Tờ trình về thù lao, tiền lương, tiền thưởng và chi phí hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

- Biểu quyết đồng ý là 234.971.058 cổ phần, chiếm 99,898% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 0 cổ phần, chiếm 0,00% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 239.200 cổ phần, chiếm 0,102% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

- Biểu quyết đồng ý là 232.812.158 cổ phần, chiếm 98,98% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 150.000 cổ phần, chiếm 0,064% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 2.248.100 cổ phần, chiếm 0,956% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028.

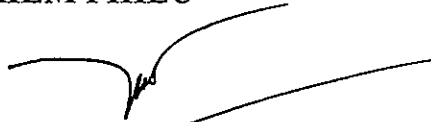
- Biểu quyết đồng ý là 221.807.058 cổ phần, chiếm 94,301% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không đồng ý là 13.399.000 cổ phần, chiếm 5,697% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.
- Biểu quyết không ý kiến là 4.200 cổ phần, chiếm 0,002% số cổ phần biểu quyết hợp lệ.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ biểu quyết thì nội dung này đã được Đại hội nhất trí thông qua.

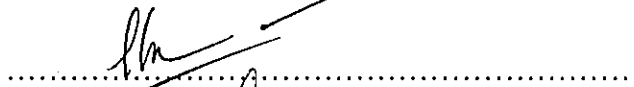
Trên đây là Biên bản kiểm phiếu biểu quyết về các nội dung được biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí năm 2023, được các thành viên Tổ kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

TỔ KIỂM PHIẾU

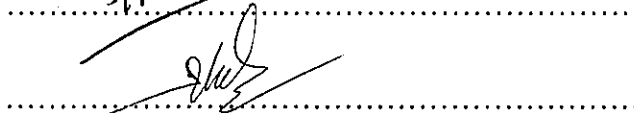
Vũ Thị Phương Nga



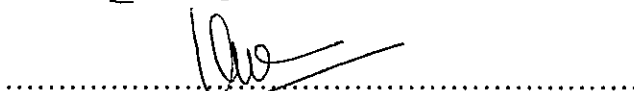
Lê Thiện Nhật



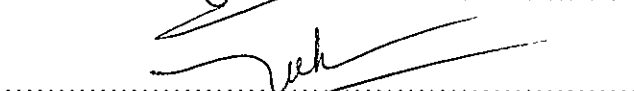
Đào Hà Thanh



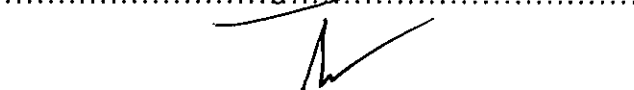
Phạm Văn Hưng



Nguyễn Đình Tú Nhi



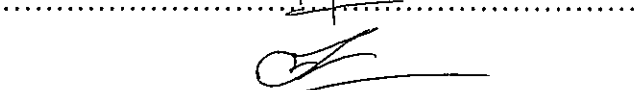
Lê Trọng An



Đỗ Xuân Đường



Nguyễn Huy Bảo



Số: 02 /BBKP-VTDK-ĐHCD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2023

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ KIỂM SOÁT VIÊN
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí;

Vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày 11/04/2023 tại Phòng họp Lầu 1 - Khách sạn Lotte Legend Sài Gòn, 2A-4A Tôn Đức Thắng, Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Tổ kiểm phiếu chúng tôi gồm có:

1. Bà Vũ Thị Phương Nga – Tổ trưởng
2. Ông Lê Thiện Nhật - Tổ phó
3. Ông Đào Hà Thanh - Tổ phó
4. Ông Phạm Văn Hưng - Tổ viên
5. Bà Nguyễn Đình Tú Nhi - Tổ viên
6. Ông Lê Trọng An - Tổ viên
7. Ông Đỗ Xuân Đường - Tổ viên
8. Ông Nguyễn Huy Bảo - Tổ viên

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Tổ kiểm phiếu xin thông báo kết quả bầu cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2023-2028 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí như sau:

- **Bà Ngô Thị Thu Linh** - Số phiếu bầu 222.086.204; tỷ lệ bầu 97,90%.

Căn cứ vào kết quả trên và thể lệ bầu cử, bà **Ngô Thị Thu Linh** đã trúng cử làm Kiểm soát viên Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí nhiệm kỳ 2023-2028.

Trên đây là Biên bản kiểm phiếu bầu cử tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí, được các thành viên Tổ kiểm phiếu thống nhất ký tên xác nhận và được báo cáo công khai trước Đại hội.

TỔ KIỂM PHIẾU

Vũ Thị Phương Nga

Lê Thiện Nhật

Đào Hà Thanh

Phạm Văn Hưng

Nguyễn Đình Tú Nhi

Lê Trọng An

Đỗ Xuân Đường

Nguyễn Huy Bảo

